BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CHO PHÉP TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC, MÃ SỐ: 9140114

TẬP 1: TỜ TRÌNH VÀ NỘI DUNG ĐỀ ÁN

Hồ sơ gồm có:

1. Tờ trình và đề án đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Đồng Tháp đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục (Tập 1);

2. Phiếu tự đánh giá điều kiện mở ngành Quản lý giáo dục của Trường Đại học Đồng Tháp và lý lịch khoa học của giảng viên (Tập 2);

3. Báo cáo điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo và các văn bản về xây dựng, thẩm định chương trình đào tạo ngành Quản lý giáo dục của Trường Đại học Đồng Tháp (Tập 3);

4. Phụ lục 1.1: Các minh chứng của Đề án;

5. Phụ lục 1.2: Chương trình đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục của Trường Đại học Đồng Tháp;

6. Phụ lục 2.1: Minh chứng về đề tài khoa học của giảng viên cơ hữu;

7. Phụ lục 2.2: Minh chứng về bài báo khoa học của giảng viên cơ hữu (Tập 1)

8. Phụ lục 2.2: Minh chứng về bài báo khoa học của giảng viên cơ hữu (Tập 2);

9. Phụ lục 2.2: Minh chứng về bài báo khoa học của giảng viên cơ hữu (Tập 3).

ĐỒNG THÁP, THÁNG 12 NĂM 2018

TỜ TRÌNH ĐỀ NGHỊ BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CHO PHÉP TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SỸ CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC, MÃ SỐ 9.1401.14

MỤC LỤC CỦA ĐỀ ÁN

PHẦN 1: SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN 1

1.1. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP 1

1.2. NHU CẦU VỀ NGUỒN NHÂN LỰC TRÌNH ĐỘ TIẾN SỸ QUẢN LÝ GIÁO DỤC Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG 4

1.3. CHỦ TRƯƠNG VÀ KẾ HOẠCH MỞ MÃ NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP 5

1.4. GIỚI THIỆU VỀ PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC VÀ KHOA GIÁO DỤC 7

1.4.1. Phòng Đào tạo Sau đại học 7

1.4.2. Khoa Giáo dục 8

1.5. LÝ DO ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SỸ CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC 9

1.5.1. Xuất phát từ nhiệm vụ đào tạo 9

1.5.2. Xuất phát từ nhu cầu xã hội 9

PHẦN 2: NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO 13

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO 13

2.1.1. Các ngành, trình độ và hình thức đang đào tạo 13

2.1.2. Quy mô đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo 15

2.1.3. Số khóa và học viên của ngành Quản lý giáo dục đã tốt nghiệp trình độ cử nhân, thạc sỹ 16

2.1.4. Tỉ lệ học viên tốt nghiệp có việc làm của ngành Quản lý giáo dục 16

2.2. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU THAM GIA ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SỸ QUẢN LÝ GIÁO DỤC 17

2.3. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SỸ CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC 22

2.3.1. Thiết bị phục vụ đào tạo 23

2.3.2. Thư viện 25
2.4. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC 35
2.4.1. Kết quả nghiên cứu khoa học 35
2.4.2. Các hướng nghiên cứu chính của chuyên ngành Quản lý giáo dục 41
2.4.3. Các công trình đã công bố của giảng viên cơ hữu thuộc chuyên ngành Quản lý giáo dục 43
2.5. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học 61
2.5.1. Đào tạo sinh viên nước ngoài tại Trường Đại học Đồng Tháp 61
2.5.2. Đào tạo sinh viên tại các trường đại học nước ngoài 61
2.5.3. Các hoạt động liên kết đào tạo và bồi dưỡng giảng viên 61
2.5.4. Các hoạt động hợp tác về khoa học và công nghệ 62
PHẦN 3: CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO 63
3.1. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 63
3.1.1. Thông tin về chuyên ngành đào tạo 63
3.1.2. Căn cứ xây dựng chương trình 63
3.1.3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo 64
3.1.4. Khung chương trình đào tạo 66
3.1.5. Phần 1: Các học phần bổ sung 69
3.1.6. Phần 2: Các học phần ở trình độ tiến sỹ, các chuyên đề tiến sỹ và tiểu luận tổng quan 72
3.1.7. Phần 3: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sỹ 74
3.2. KẾ HOẠCH TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG 75
3.2.1. Kế hoạch tuyển sinh 75
3.2.2. Kế hoạch đào tạo 77
3.2.3. Kế hoạch đào tạo cụ thể 80
3.3. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN 91
TRIẾT HỌC 91

TIẾP CẬN HIỆN ĐẠI TRONG QUẢN LÝ GIÁO DỤC 100
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC 106
TÂM LÝ HỌC QUẢN LÝ 112
KINH TẾ HỌC GIÁO DỤC 119
XÃ HỘI HỌC GIÁO DỤC 124
QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG GIÁO DỤC 129
QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SƯ PHẠM 133
DỰ BÁO GIÁO DỤC 137
CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO 142
PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH HỌC 146
MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC 150
TỔ CHỨC, QUẢN LÝ GIÁO DỤC VÀ TRƯỜNG HỌC 155
THANH TRA, KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ TRONG QUẢN LÝ GIÁO DỤC 160
QUẢN LÝ DỰ ÁN GIÁO DỤC 165
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC 168
VẬN DỤNG CÁC TIẾP CẬN HIỆN TRONG QUẢN LÝ GIÁO DỤC 173
TRIẾT LÝ GIÁO DỤC 177
CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TRONG THỜI KÌ ĐỔI MỚI 181
TRIẾT HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM 185
PHÁT TRIỂN, QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC HIỆN ĐẠI 189
TẠO ĐỘNG LỰC LÀM VIỆC TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO 195
LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ VÀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC 198
TẦM NHÌN VÀ NĂNG LỰC CỦA NHÀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC 202
THỐNG KÊ ỨNG DỤNG TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC QUẢN LÝ GIÁO DỤC 205

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 747/ĐA-ĐHĐT	*Đồng Tháp, ngày 12 tháng 12 năm 2018*

ĐỀ ÁN

Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Đồng Tháp đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục, mã số: 9.14.01.14

PHẦN 1: SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1.1. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Trường Đại học Đồng Tháp được tọa lạc tại số 783 Phạm Hữu Lầu, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, là một địa phương nằm ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, phía Tây Nam của tổ quốc. Trường Đại học Đồng Tháp là cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường có trang web với tên truy cập www.dthu.edu.vn thường xuyên công khai và cập nhật các thông tin quan trọng, đáp ứng tối đa nhu cầu của người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đóng góp quan trọng cho sự nghiệp giáo dục của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Trường Đại học Đồng Tháp tiền thân là Trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp được thành lập theo Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Đồng Tháp thành Trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp Đồng Tháp. Khi mới thành lập, Nhà trường được giao 03 nhiệm vụ chủ yếu: (1) Đào tạo giáo viên mầm non, giáo viên phổ thông các cấp học cho tỉnh Đồng Tháp và vùng Đồng bằng sông Cửu Long; (2) Bồi dưỡng và đào tạo lại chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; (3) Nghiên cứu khoa học, triển khai áp dụng tiến bộ khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Ngay từ những năm đầu của sự phát triển, Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, ủng hộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và các địa phương khác ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long để không ngừng phát triển về đội ngũ, cơ sở vật chất, quy mô, trình độ đào tạo. Đến năm 2008, để thỏa mãn nhu cầu học tập của đông đảo người dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long và quy mô đào tạo của Nhà trường, Trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp đã được đổi tên thành Trường Đại học Đồng Tháp theo Công văn số 5830/VPCP-KGVX ngày 04 tháng 9 năm 2008 của Văn phòng Chính phủ.

Trong quá trình phát triển, Nhà trường đã kịp thời điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Trong Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2015 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Trường Đại học Đồng Tháp đã xác định lại nhiệm vụ của Nhà trường với 03 nhiệm vụ chủ yếu sau: (1) Đào tạo, bồi

dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật có trình độ đại học và sau đại học cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước; (2) Bồi dưỡng và đào tạo lại chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; (3) Nghiên cứu khoa học, triển khai áp dụng tiến bộ khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Về tổ chức bộ máy Nhà trường, trong nhiệm kỳ 2017 - 2022 Trường Đại học Đồng Tháp có 11 khoa đào tạo, 11 phòng - ban chuyên môn, 08 trung tâm, 01 tạp chí khoa học, 01 trạm y tế và 01 trường mầm non trực thuộc. Đến nay, Trường Đại học Đồng Tháp hiện có 582 công chức, viên chức, trong đó có 10 Phó Giáo sư, 74 tiến sỹ, 303 thạc sỹ và 79 nghiên cứu sinh đang được đào tạo tại 10 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Trường Đại học Đồng Tháp luôn quan tâm đến việc phát triển số lượng và cơ cấu ngành đào tạo trên cơ sở đảm bảo chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu của xã hội của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Tính đến thời điểm hiện nay, Trường Đại học Đồng Tháp đã có 32 mã ngành đào tạo trình độ đại học, 20 mã ngành đào tạo trình độ cao đẳng. Nhờ đó đến nay, Trường Đại học Đồng Tháp có quy mô đào tạo với số lượng người học: 6.800 học viên, sinh viên hệ chính quy, 3.500 học viên, sinh viên không chính quy, cùng với 4.455 sinh viên hệ liên thông, vừa làm vừa học tại 11 cơ sở đào tạo thuộc các tỉnh, thành ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Từ năm 2012, để góp phần đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Đồng Tháp được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sỹ chuyên ngành Giáo dục tiểu học. Kế thừa những kinh nghiệm trong quản lý đào tạo, đặc biệt là quản lý đào tạo sau đại học, phát huy những kết quả về sự phát triển về đội ngũ, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo Trường Đại học Đồng Tháp đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo tin tưởng tiếp tục lần lượt giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sỹ các chuyên ngành Quản lý giáo dục, Lý luận phương pháp dạy học Toán. Đến nay, Trường Đại học Đồng Tháp đã có 06 mã ngành đào tạo trình độ thạc sỹ, đó là: Giáo dục tiểu học, Quản lý giáo dục, Ngôn ngữ Việt Nam, Lý luận và phương pháp dạy học Toán, Hóa lý thuyết và Hóa lý, Lịch sử Việt Nam. Ngoài ra, Nhà trường còn liên kết với nhiều trường đại học có uy tín trong nước để đào tạo trình độ thạc sỹ các chuyên ngành khác cho các học viên hiện đang là giảng viên, giáo viên, cán bộ thuộc các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trường phổ thông, các doanh nghiệp trong và ngoài vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Sự phát triển của Trường Đại học Đồng Tháp gắn liền với sự phát triển về năng lực của đội ngũ mà biểu hiện rõ nhất là năng lực nghiên cứu khoa học. Đội ngũ giảng viên của Trường đã có nhiều công bố các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế và chuyên ngành có uy tín. Nhà trường đã được Quỹ Phát triển

khoa học và công nghệ Quốc gia, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và các tỉnh khác giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh gắn với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Trong hơn 10 năm qua, đội ngũ giáo viên của Trường đã, đang chủ trì và bảo vệ thành công 05 đề tài cấp Nhà nước, 46 đề tài cấp Bộ, 05 đề tài cấp Tỉnh, 495 đề tài cấp Cơ sở. Đội ngũ giảng viên của Nhà trường đã công bố 2364 công trình khoa học công bố trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước, trong đó có 345 công trình công bố trên tạp chí khoa học quốc tế. Qua đó, đội ngũ giảng viên của có điều kiện khẳng định năng lực, bản lĩnh khoa học của bản thân, và có đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Cùng với sự lớn mạnh về năng lực khoa học của đội ngũ giảng viên của Trường Đại học Đồng Tháp là sự ra đời của Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp với mã ISSN: 0866-7675. Tạp chí khoa học của Nhà trường được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép hoạt động báo in theo Quyết định số 1794/GP-BTTTT ngày 01 tháng 10 năm 2012. Tạp chí xuất bản 02 tháng/số, là diễn đàn để các nhà khoa học trong và ngoài Trường công bố các kết quả nghiên cứu. Các bài báo khoa học được xuất bản bởi Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp được các nhà khoa học đánh giá có tính khoa học và thực tiễn cao và được Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước đưa tạp chí khoa học của Trường vào danh mục được tính điểm lĩnh vực Giáo dục học từ năm 2016 (Minh chứng gửi kèm).

Trong năm 2017, Trường Đại học Đồng Tháp đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội đánh giá ngoài và cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (Minh chứng gửi kèm).

Trong quá trình phát triển, Trường Đại học Đồng Tháp luôn quan tâm duy trì, phát triển mối quan hệ với các trường đại học và các tổ chức quốc tế để góp phần phát triển Nhà trường. Từ năm 2017, Nhà trường đã được Cơ quan Phát triển Bỉ tài trợ kinh phí thực hiện dự án: Tăng cường năng lực chuyên môn và lãnh đạo của đội ngũ giảng viên Trường Đại học Đồng Tháp.

Với nhiều thành tích nổi bật có được trong quá trình phát triển, Nhà trường đã được tặng thưởng nhiều huân chương, cờ thi đua, bằng khen. Cụ thể: Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2009; Huân chương Lao động hạng Nhất năm 2003; Huân chương Lao động hạng Nhì năm 1997; Huân chương Lao động hạng Ba năm 1985. Ngoài ra, Nhà trường còn được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và các tỉnh trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long tặng bằng khen và cơ thi đua. Cùng với đó, có nhiều công chức, viên chức của Nhà trường cũng vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng các danh hiệu cao quý.

1.2. NHU CẦU VỀ NGUỒN NHÂN LỰC TRÌNH ĐỘ TIẾN SỸ QUẢN LÝ GIÁO DỤC Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Tiền thân là chuyên ngành Giáo dục học, Quản lý giáo dục đã phát triển và trở thành một khoa học độc lập trong những năm gần đây, do đó cán bộ có trình độ đào tạo tiến sỹ Quản lý giáo dục hiện nay ở Việt Nam chưa nhiều. Hơn nữa, ở Việt Nam các cơ sở giáo dục được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sỹ Quản lý giáo dục chủ yếu tập trung ở phía Bắc. Trong khi đó nhu cầu đào tạo các chuyên gia về Quản lý giáo dục như cán bộ giảng dạy cho các trường đại học, cao đẳng, cán bộ nghiên cứu chuyên ngành, cán bộ nòng cốt cho các sở giáo dục và đào tạo, các trường phổ thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long đang đặt ra một cách cấp thiết, nhằm góp phần đổi mới và phát triển giáo dục ở địa phương, đặc biệt là trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

Đồng bằng sông Cửu Long hiện có hơn 17,5 triệu người, kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long đang đóng góp khoảng 18,5% GDP của cả nước. Trong nhiều năm qua, với sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước, cùng nỗ lực rất lớn của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương, toàn vùng đã huy động được nhiều nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, đạt được nhiều thành tựu to lớn. Kinh tế liên tục tăng trưởng với tốc độ khá cao, bình quân giai đoạn 2010 - 2015 đạt 10 - 12%/năm. Đặc biệt, trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Đó là sự phát triển về qui mô, đa dạng hóa cơ cấu loại hình, đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy. Những kết quả này đã đáp ứng phần nào được nhu cầu đòi hỏi của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, thực tiễn kinh tế - xã hội luôn đòi hỏi giáo dục phải tiếp cận và thích nghi với cơ chế đổi mới, xu thế hội nhập, phải đi trước một bước để đón đầu sự phát triển của xã hội. Do vậy, nâng cao trình độ, mở rộng học thuật cho người học là một tất yếu để giáo dục và đào tạo trở thành động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Trong những năm qua, công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục trong cả nước cũng như ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã đạt được những thành tựu đáng kể. Từ các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn sang các chương trình đào tạo, bồi dưỡng dài hạn với các hình thức đa dạng, phong phú. Tuy nhiên, nhìn chung vẫn còn tồn tại một bộ phận không nhỏ cán bộ quản lý giáo dục chưa kinh qua các lớp đào tạo để làm quản lý. Một bộ phận cán bộ quản lý có mong muốn được học tập để nhận được bằng cấp cao nhất trong hệ thống giáo dục quốc dân đồng thời qua đó không ngừng nâng cao hiệu quả công việc. Tuy nhiên, nhu cầu chính đáng này chưa được thỏa mãn vì ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long chưa có cơ sở giáo dục nào được giao nhiệm vụ đào tạo cán bộ quản lý giáo dục có trình độ cao như các vùng khác ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Qua thực tế cho thấy, hầu hết các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long rất cần có cán bộ có trình độ tiến sỹ Quản lý giáo dục để giúp các sở giáo dục và đào tạo, các trường đại học, cao đẳng làm tốt công tác nghiên cứu dự báo, xây dựng kế hoạch chiến lược, nghiên cứu xu thế phát triển giáo dục, xây dựng phát triển đội ngũ, quản lý chất lượng giáo dục trên địa bàn của tỉnh. Qua kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo trình độ tiến sỹ Quản lý giáo dục của các tỉnh ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long như: Đồng Tháp, Cần Thơ, Kiên Giang, Cà Mau cho thấy hàng năm mỗi tỉnh có nhu cầu đào tạo từ 03 đến 06 tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục và trong năm năm tới mỗi sở có nhu cầu đào tạo từ 10 đến 20 tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục. Ngoài các địa phương như đã nêu trên thì các địa phương khác như Vĩnh Long, An Giang, Bạc Liêu, Tiền Giang... cũng có nhu cầu đào tạo tương tự. Bên cạnh đó, các trường đại học, cao đẳng ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long cũng có nhiều cán bộ làm công tác quản lý ở các phòng, ban, các khoa được giao nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục cũng cần phải được nâng cao trình độ để làm tốt công tác tham mưu cho Hiệu trưởng, làm tốt công tác lãnh đạo và quản lý nhà trường, làm tốt nhiệm vụ giảng dạy của bản thân trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo (Phiếu đăng ký nhu cầu đào tạo của các sở giáo dục và đào tạo gửi kèm).

Trên cơ sở năng lực đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu, kinh nghiệm quản lý đào tạo đại học trong những năm qua, đào tạo sau đại học trong những năm gần đây và nhu cầu của địa phương ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Đồng Tháp kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Nhà trường đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục.

1.3. CHỦ TRƯƠNG VÀ KẾ HOẠCH MỞ MÃ NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng cán bộ quản lý các trường mầm non và phổ thông cho tỉnh Đồng Tháp và các tỉnh trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, trong thời gian qua, Trường Đại học Đồng Tháp đã bồi dưỡng cho hàng nghìn cán bộ quản lý các cấp của tỉnh. Đối tượng được bồi dưỡng là các hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của các trường trung học cơ sở, tiểu học và mầm non; trưởng phòng, phó trưởng phòng của các phòng giáo dục và đào tạo huyện, thị, thành trong tỉnh Đồng Tháp; chủ tịch công đoàn, bí thư Đoàn thanh niên, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên dạy giỏi,… của các trường trung học cơ sở, tiểu học và mầm non; chuyên viên của các phòng giáo dục và đào tạo huyện, thị, thành trong tỉnh Đồng Tháp và một số địa phương khác ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Tất cả các đối tượng trên đều được tổ chức bồi dưỡng hàng năm theo khóa học, có hợp đồng cụ thể với Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp và các địa phương khác. Nội dung bồi dưỡng Nhà trường được giao, đã và đang thực hiện: Bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục các cấp trung học cơ sở, tiểu học và mầm non. Phương thức bồi dưỡng: Theo từng khóa học, được tổ chức học tập vào các

ngày thứ 7 và chủ nhật hàng tuần trong năm học, tăng cường học vào dịp hè. Thời gian bồi dưỡng mỗi khóa 1.290 tiết (trong đó có: 430 tiết lên lớp, 860 tiết tự học). Địa điểm học được tổ chức học tập tại các địa phương nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

Kết quả bồi dưỡng cụ thể các năm học 2010-2011 và 2011-2012 như sau:

- Năm học 2010 - 2011: Số lượng cán bộ quản lý giáo dục được tham gia bồi dưỡng: 166 học viên; Kết quả bồi dưỡng: 158 học viên đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học; chiếm tỷ lệ 95,2%.

- Năm học 2011 - 2012: Số lượng cán bộ quản lý giáo dục được tham gia bồi dưỡng: 572 học viên; Kết quả bồi dưỡng: có 522 học viên (chiếm 96,5%) được cấp Giấy chứng nhận.

Bên cạnh đó, Trường Đại học Đồng Tháp đã đào tạo các lớp đại học bằng 2 ngành Quản lý giáo dục cho các cán bộ quản lý đương chức có trình độ đại học, cao đẳng và cho sinh viên chính quy đang theo học.

Từ năm 2012, Trường Đại học Đồng Tháp đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục theo Quyết định số 4672/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến nay đã có 06 khóa tốt nghiệp với 258 người được cấp bằng và công nhận học vị thạc sỹ.

Để chuẩn bị cho công tác đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục Nhà trường đã tích cực, chủ động liên hệ với các cơ sở đào tạo tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục để học hỏi kinh nghiệm quản lý đào tạo. PGS,TS Nguyễn Văn Đệ với tư cách là chủ nhiệm chuyên Quản lý giáo dục của Trường Đại học Đồng Tháp đã được nhiều cơ sở đào tạo tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo trong nước ở các vùng miền khác nhau mời hướng dẫn nghiên cứu sinh và tham gia hội đồng đánh giá luận án tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục. Đến nay, PGS,TS Nguyễn Văn Đệ đang trực tiếp hướng dẫn 04 NCS chuyên ngành Quản lý giáo dục tại các cơ sở đào tạo tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục trong cả nước. Danh sách nghiên cứu sinh do giảng viên của Trường Đại học Đồng Tháp tham gia đào tạo được thống kê ở bảng 1.1.

Bảng 1.1. Danh sách nghiên cứu sinh do giảng viên của Trường Đại học Đồng Tháp tham gia đào tạo

TT	Họ và tên nghiên cứu sinh	Trách nhiệm hướng dẫn	Cơ sở đào tạo
1	Lê Hùng Cường	Chính	Trường Đại học Vinh
2	Phùng Thế Tuấn	Chính	Trường Đại học Vinh

3	Lê Hoàng Dự	Chính	Viện Khoa học giáo dục Việt Nam
4	Trương Tấn Đạt	Phụ	Học viện Quản lý giáo dục

Thực hiện kế hoạch hành động góp phần thực hiện Đề án đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Trường Đại học Đồng Tháp đã tích cực chuẩn bị trong nhiều năm qua và hiện đã đủ các điều kiện để mở chuyên ngành đào tạo tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục.

Căn cứ kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Đồng Tháp giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, các quy định hiện hành và các điều kiện thực tế của nhà trường, Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp đã ban hành Quyết nghị mở mã ngành đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục (Quyết nghị gửi kèm).

1.4. GIỚI THIỆU VỀ PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC VÀ KHOA GIÁO DỤC

1.4.1. Phòng Đào tạo Sau đại học

Phòng Đào tạo Sau đại học được tách ra từ Phòng Quản lý Khoa học - Sau đại học theo Quyết định số 273/QĐ-ĐHĐT, về việc cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường Đại học Đồng Tháp trong nhiệm kỳ Hiệu trưởng 2012 - 2017 ngày 09 tháng 5 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp Đồng Tháp.

Phòng Đào tạo Sau đại học có chức năng tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức mảng công việc về đào tạo, liên kết đào tạo sau đại học, bồi dưỡng chứng chỉ sau đại học.

Từ năm 2012 đến nay Phòng Đào tạo Sau đại học đã giúp Nhà trường tổ chức và quản lý đào tạo 06 mã ngành đào tạo trình độ sau đại học.

Bên cạnh đó, Phòng Đào tạo Sau đại học đã tham mưu cho Nhà trường liên kết với các trường đại học trong nước (Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Trường ĐHSP - Đại học Huế) phối hợp tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sỹ tại Trường Đại học Đồng Tháp với số lượng 26 chuyên ngành.

Với các hoạt động đã nêu ở trên, Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Đồng Tháp đã tích luỹ được một số kinh nghiệm trong việc quản lý đào tạo các chuyên ngành sau đại học. Kết quả liên kết đào tạo sau đại học của Trường Đại học Đồng Tháp được thống kê ở bảng 1.2.

Bảng 1.2. Thống kê các chuyên ngành liên kết đào tạo trình độ thạc sỹ

STT	Chuyên ngành đào tạo	STT	Chuyên ngành đào tạo
1	Toán Giải tích	14	Hình học Tôpô

2	Đại số - Lý thuyết số	15	Văn học Việt Nam
3	Lý thuyết XS và TK Toán học	16	Lý luận văn học
4	LL&PPDH bộ môn Toán	17	Lịch sử Việt Nam
5	LL&PPDH bộ môn Vật lý	18	LL&PPDH bộ môn Lịch sử
6	Quang học	19	LL&PPDH môn Chính trị
7	LL&PPDH bộ môn Hoá học	20	Quản lý giáo dục
8	Hoá hữu cơ	21	Giáo dục Tiểu học
9	Hoá vô cơ	22	Ngôn ngữ Anh
10	Hoá phân tích	23	Quản trị kinh doanh tổng hợp
11	LL&PPDH bộ môn Sinh học	24	Kinh tế Tài chính - Ngân hàng
12	Thực vật học	25	Kế toán, kiểm toán và phân tích
13	LL&PPDH bộ môn Ngữ văn	26	Kinh tế học

Với các hoạt động trên, Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Đồng Tháp đã tích lũy được một số kinh nghiệm trong việc quản lý đào tạo các ngành sau đại học.

1.4.2. Khoa Giáo dục

Khoa Giáo dục là một đơn vị đào tạo của Trường Đại học Đồng Tháp. Tên gọi của Khoa Giáo dục được xác định theo Quyết định số 125/QĐ-ĐHĐT, về việc cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường Đại học Đồng Tháp trong nhiệm kỳ Hiệu trưởng 2017 - 2022 ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp.

Khoa Giáo dục tiền thân là Khoa Tâm lý giáo dục và Quản lý giáo dục. Khoa Tâm lý giáo dục và Quản lý giáo dục được phát triển từ Bộ môn Tâm lý - Giáo dục theo Quyết định số 264/QĐ-ĐHSPĐT ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp.

Về đội ngũ giảng viên - chuyên viên của Khoa: Khoa Giáo dục hiện có 62 người. Trong đó, có 14 tiến sỹ, 48 thạc sỹ. Ngoài ra, còn có giảng 07 giảng viên kiêm nhiệm đang là công chức, viên chức quản lý ở các ở các đơn vị khác trong Trường Đại học Đồng Tháp có học vị từ thạc sỹ trở lên tham gia giảng dạy và sinh hoạt chuyên môn tại Khoa Giáo dục.

1.5. LÝ DO ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SỸ CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC

1.5.1. Xuất phát từ nhiệm vụ đào tạo

- Đào tạo cán bộ có trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu về cán bộ khoa học có trình độ cao phục vụ trực tiếp cho công cuộc đổi mới giáo dục ở Việt Nam, đồng thời góp phần thực hiện mục tiêu của ngành Giáo dục đến năm 2020 đào tạo được 20.000 tiến sỹ.

- Nghiên cứu và giảng dạy khối kiến thức Quản lý giáo dục trong quá trình đào tạo cán bộ quản lý các cấp học, các cơ sở giáo dục thuộc ngành Giáo dục.

- Nghiên cứu về quản lý nhà nước trong giáo dục, vận dụng các chủ trương đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước trong quản lý nhà trường và các cơ sở giáo dục hay các đơn vị của ngành giáo dục.

- Nghiên cứu chiến lược giáo dục làm căn cứ khoa học cho việc đề xuất ý kiến làm cơ sở cho ngành giáo dục và một số ngành khác hoạch định chính sách, chủ trương, đường lối phát triển giáo dục và phát triển kinh tế.

- Nghiên cứu và triển khai nhiệm vụ đổi mới công tác quản lý giáo dục ở các cấp học, các loại hình đào tạo và đơn vị quản lý cơ sở nhằm nâng cao chất lượng giáo dục nói chung và chất lượng giáo dục nhà trường nói riêng.

- Nghiên cứu các vấn đề về cải cách hành chính trong ngành giáo dục.

- Nghiên cứu về dự báo giáo dục quốc tế và trong nước cũng như khu vực là cơ sở để hoạch định các chiến lược phát triển giáo dục quốc gia và địa phương.

1.5.2. Xuất phát từ nhu cầu xã hội

- Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI tiếp tục khẳng định "Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, trong đó, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục là khâu then chốt". Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã chỉ ra những yếu kém của giáo dục và đào tạo: "*Quản lý giáo dục và đào tạo còn nhiều yếu kém. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục bất cập về chất lượng, số lượng và cơ cấu; một bộ phận chưa theo kịp yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục, thiếu tâm huyết, thậm chí vi phạm đạo đức nghề nghiệp"*. Để đổi mới giáo dục, Đảng ta xác định: *"Chuẩn hóa các điều kiện bảo đảm chất lượng và quản lý quá trình đào tạo; chú trọng quản lý chất lượng đầu ra. Xây dựng hệ thống kiểm định độc lập về chất lượng giáo dục, đào tạo. Đổi mới cơ chế tiếp nhận và xử lý thông tin trong quản lý giáo dục, đào tạo. Thực hiện cơ chế người học tham gia đánh giá hoạt động giáo dục, đào tạo; nhà giáo tham gia đánh giá cán bộ quản lý; cơ sở giáo dục, đào tạo tham gia đánh giá cơ quan quản lý nhà nước".*

Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020 nêu rõ: "Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược"; Mục tiêu tổng quát của Chiến lược là: "Đến năm 2020, nền giáo dục nước ta được đổi mới căn bản và toàn diện theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế";... Trong đó, giải pháp phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của được Chiến lược xác định rõ: "Chuẩn hóa trong đào tạo, tuyển chọn, sử dụng và đánh giá nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Chú trọng nâng cao đạo đức nghề nghiệp, tác phong".

- Đồng bằng sông Cửu Long được xem là "vùng trũng" về giáo dục của cả nước, những thách thức mà ngành giáo dục và đào tạo các địa phương trong vùng đang phải đối mặt luôn gay gắt hơn so với các địa phương khác. Đến nay, cả vùng Đồng bằng sông Cửu Long mới chỉ có 501 tiến sỹ đang công tác trong các cơ sở giáo dục công lập, con số này tương đương với 0,3 tiến sỹ/vạn dân, tỷ lệ này thấp hơn rất nhiều so với tỷ lệ trung bình của cả nước. Thực tế đó, rõ ràng đang ảnh hưởng đến công tác đảm bảo chất lượng giáo dục của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Trên địa bàn các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay với hơn 17 triệu người, có 70 trường đại học, cao đẳng, 42 trường trung cấp chuyên nghiệp và đào tạo nghề. Ngoài ra, toàn vùng có tới hàng trăm trường trung học phổ thông và tới hàng nghìn trường trung học cơ sở, trường tiểu học, mầm non, các trung tâm giáo dục thường xuyên, đặt ra nhu cầu về đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục có trình độ trên đại học là rất lớn. Mặt khác, 13 tỉnh, thành vùng Đồng bằng sông Cửu Long là nơi sinh sống của nhiều dân tộc khác nhau, có nhiều xã thuộc vùng sâu, hải đảo giao thông đi lại khó khăn, sự phát triển về đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục còn nhiều khó khăn, phần lớn cán bộ quản lý giáo dục là những giáo viên chuyên môn được bổ nhiệm chức vụ, do vậy chưa được đào tạo một cách có hệ thống, bài bản.

- Tuy nhiên, bên cạnh những khó khăn đã nêu ngành giáo dục và đào tạo của vùng Đồng bằng sông Cửu Long có được thuận lợi cơ bản đó là sự quan tâm đầy đủ, kịp thời của Đảng và Nhà nước. Để góp phần phát triển giáo dục và đào tạo của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số: 1033/QĐ-TTg về việc phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2011 - 2015. Trong quyết định này, giải pháp: "Thực hiện việc đánh giá cán bộ quản lý trường học theo chuẩn hiệu trưởng, đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp; các trường đại học sư phạm đưa học phần quản lý giáo dục vào chương trình đào tạo" được xem là 01 trong 05 giải pháp chủ yếu về phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

- Nhận được sự quan tâm đầy đủ, kịp thời của Đảng và Nhà nước, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân các tỉnh các địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong việc phát triển cán bộ quản lý giáo dục cho nên ngay từ năm đầu của thế kỷ XXI có nhiều cán bộ quản lý giáo dục của vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã được

đào tạo trình độ thạc sỹ trên chính quê hương của mình. Từ năm 2004 Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp đã liên kết với Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế để mở lớp đào tạo trình độ chuyên ngành thạc sỹ Quản lý giáo dục tại Trường Đại học Đồng Tháp nhằm đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục có trình độ cao cho tỉnh Đồng Tháp. Đến năm 2005, Trường Đại học Đồng Tháp liên kết với Trường Đại học Vinh để đào tạo thạc sỹ cho cán bộ, viên chức các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long, trong đó có chuyên ngành Quản lý giáo dục.

- Bên cạnh đó, sự phát triển của các cơ sở giáo dục đại học ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long từ sau năm 2003 trở về sau đã mở ra cơ hội cho các cơ sở giáo dục ở các tỉnh Miền Trung, Miền Bắc vào tổ chức liên kết đào tạo ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long để đào tạo trình độ thạc sỹ, trong đó có chuyên ngành Quản lý giáo dục mỗi năm từ 30 học viên trở lên. Danh sách các cơ sở giáo dục đại học và đơn vị liên kết đào tạo trình độ thạc sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long được thống kê ở bảng 1.3.

Bảng 1.3. Danh sách các đơn vị liên kết đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long

TT	Cơ sở giáo dục đại học	Đơn vị liên kết
1	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Trường Đại học Cần Thơ
2	Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng	Trường Đại học Bạc Liêu
3	Trường Đại học Vinh	Trường Đại học KT-CN Long An
4	Đại học Huế	Trường Đại học Tiền Giang
5	Đại học Đà Nẵng	Trường Đại học Trà Vinh
6	Viện Khoa học giáo dục Việt Nam	Trường Cao đẳng Cần Thơ

Thống kê trên đây cho thấy, trong những năm gần đây đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục có trình độ thạc sỹ ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long ngày một tăng. Trong số này, có nhiều người có nguyện vọng được học tập nâng cao trình độ, giải quyết công việc có hiệu quả hơn. Tuy nhiên, nhu cầu chính đáng chưa được thỏa mãn vì ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long chưa có cơ sở giáo dục nào được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục.

- Qua điều tra khảo sát, hiện nay số lượng cán bộ khoa học có trình độ tiến sỹ nói chung và tiến sỹ Quản lý giáo dục nói riêng đang làm công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại 13 tỉnh, thành vùng Đồng bằng sông Cửu Long rất ít. Đặc biệt, ở các trường cao đẳng, trường trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề, các cơ sở giáo dục phổ thông, mầm non hầu như chưa có. Do đó, việc tham mưu, đề xuất ý kiến cho các cấp lãnh đạo hoạch định đường lối, chủ

trường chính sách phát triển giáo dục ở vùng sâu, vùng xa và phát triển giáo dục ở cộng đồng các tộc người, công tác quản lý giáo dục tại địa phương này sẽ không tránh khỏi những hạn chế.

Qua thực tế cho thấy hầu hết các tỉnh, thành vùng Đồng bằng sông Cửu Long rất cần có cán bộ có trình độ tiến sỹ Quản lý giáo dục để giúp các sở giáo dục và đào tạo, các trường đại học, cao đẳng làm tốt công tác nghiên cứu dự báo, xây dựng kế hoạch chiến lược, nghiên cứu xu thế phát triển giáo dục, xây dựng phát triển đội ngũ, quản lý chất lượng giáo dục trên địa bàn của địa phương. Qua kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo trình độ tiến sỹ Quản lý giáo dục của các tỉnh ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long như: Đồng Tháp, Cần Thơ, Kiên Giang, Sóc Trăng, Cà Mau cho thấy hàng năm mỗi tỉnh có nhu cầu đào tạo từ 03 đến 05 tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục và trong năm năm tới mỗi sở có nhu cầu đào tạo từ 10 đến 20 tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục. Ngoài các địa phương như đã nêu trên thì các địa phương khác như Vĩnh Long, An Giang, Bạc Liêu, Tiền Giang... cũng có nhu cầu đào tạo tương tự. Bên cạnh đó, các trường đại học, cao đẳng ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long cũng có nhiều cán bộ làm công tác quản lý ở các phòng, ban, các khoa được giao nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục cũng cần phải được nâng cao trình độ để làm tốt công tác tham mưu cho Hiệu trưởng, làm tốt công tác lãnh đạo và quản lý nhà trường, làm tốt nhiệm vụ giảng dạy của bản thân trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo.

- Trong những năm qua Trường Đại học Đồng Tháp không ngừng đầu tư phát triển đội ngũ. Đến nay, đội ngũ cán bộ giảng dạy chuyên ngành Quản lý giáo dục đáp ứng tốt việc giảng dạy, hướng dẫn nghiên cứu sinh, thảo luận chuyên đề và chấm luận án tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục. Bên cạnh đó, hệ thống cơ sở vật chất của Nhà trường cũng không ngừng được đầu tư xây mới, nâng cấp nhằm phục vụ mục tiêu đào tạo trình độ cao, thỏa mãn nhu cầu học tập chính đáng của đội ngũ cán bộ quản lý ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Từ nhu cầu thực tiễn của xã hội, xét khả năng của cơ sở đào tạo trình độ tiến sỹ đối với chuyên ngành Quản lý giáo dục, Trường Đại học Đồng Tháp xây dựng đề án đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục từ năm 2019.

PHẦN 2: NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1.1. Các ngành, trình độ và hình thức đang đào tạo

2.1.1.1. Đào tạo trình độ đại học

Hình thức đào tạo chính quy

STT	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
1	7210403	Thiết kế đồ họa	
2	7220113	Việt Nam học	
3	7220201	Ngôn ngữ Anh	
4	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	
5	7220342	Quản lý văn hoá	
6	7320202	Khoa học thư viện	
7	7340101	Quản trị kinh doanh	
8	7340201	Tài chính - Ngân hàng	
9	7340301	Kế toán	
10	7440301	Khoa học môi trường	
11	7480101	Khoa học máy tính	
12	7620301	Nuôi trồng thuỷ sản	
13	7760101	Công tác xã hội	
14	7850103	Quản lý đất đai	
Nhóm ngành khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			
15	7140114	Quản lý giáo dục	
16	7140201	Giáo dục Mầm non	
17	7140202	Giáo dục Tiểu học	
18	7140205	Giáo dục Chính trị	
19	7140206	Giáo dục Thể chất	
20	7140209	Sư phạm Toán học	
21	7140210	Sư phạm Tin học	

STT	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
22	7140211	Sư phạm Vật lý	
23	7140212	Sư phạm Hoá học	
24	7140213	Sư phạm Sinh học	
25	7140214	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	
26	7140215	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	
27	7140217	Sư phạm Ngữ văn	
28	7140218	Sư phạm Lịch sử	
29	7140219	Sư phạm Địa lý	
30	7140221	Sư phạm Âm nhạc	
31	7140222	Sư phạm Mỹ thuật	
32	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	

Hình thức đào tạo vừa làm vừa học

STT	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
1	7760101	Công tác xã hội	

Hệ liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học

STT	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	
2	7480101	Khoa học máy tính	
3	7760101	Công tác xã hội	
4	7850103	Quản lý đất đai	
Nhóm ngành khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			
5	7140201	Giáo dục Mầm non	
6	7140202	Giáo dục Tiểu học	
7	7140205	Giáo dục chính trị	
8	7140209	Sư phạm Toán học	
9	7140211	Sư phạm Vật lý	
10	7140212	Sư phạm Hóa học	
11	7140213	Sư phạm Sinh học	

STT	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
12	7140217	Sư phạm Ngữ văn	
13	7140206	Giáo dục Thể chất	
14	7140219	Sư phạm Địa lý	
15	7140221	Sư phạm Âm nhạc	
16	7140222	Sư phạm Mĩ thuật	
17	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	
18	7140210	Sư phạm Tin học	
19	7140214	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	

Đào tạo văn bằng thứ hai trình độ đại học

STT	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
1	7140114	Quản lý giáo dục	
2	7220201	Ngôn ngữ Anh	
3	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	
4	7140201	Giáo dục Mầm non	
5	7140202	Giáo dục Tiểu học	
6	7340301	Kế toán	

2.1.1.2. Đào tạo trình độ thạc sỹ

Trường đang đào tạo ở trình độ thạc sỹ 06 chuyên ngành, gồm có:

1/ Quản lý giáo dục; 2/ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán; 3/ Ngôn ngữ Việt Nam; 4/ Lịch sử Việt Nam; 5/ Hóa lý thuyết và hóa lý; 6/ Giáo dục tiểu học.

2.1.2. Quy mô đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo

13	Trình độ	Chính quy	Vừa làm vừa học
1	Thạc sỹ	358	0
2	Đại học	4.959	67
3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học	0	3.619
4	Liên thông từ trung cấp lên đại học	0	1.196

13	Trình độ	Chính quy	Vừa làm vừa học
5	Văn bằng thứ hai trình độ đại học	0	401

2.1.3. Số khóa và học viên của ngành Quản lý giáo dục đã tốt nghiệp trình độ cử nhân, thạc sỹ

2.1.3.1. Số lượng học viên đã tốt nghiệp cử nhân Quản lý giáo dục

STT	Khóa	Số lượng học viên tốt nghiệp
1	2006 - 2008	69
2	2007 - 2009	59
3	2009 - 2011	44
4	2010 - 2012	46
5	2011 - 2013	26
6	2012 - 2014	38
7	2013 - 2015	28

2.1.3.2. Số học viên đã tốt nghiệp thạc sỹ Quản lý giáo dục

STT	Khóa	Số lượng học viên tốt nghiệp
1	2013 - 2015	74
2	2014 - 2016	84
3	2015 - 2017	62
4	2016 - 2018	100

2.1.4. Tỉ lệ học viên tốt nghiệp có việc làm của ngành Quản lý giáo dục

Năm	Số lượng học viên tốt nghiệp	Số lượng học viên có việc làm	
		Số lượng	Tỉ lệ
2008	69	69	100%
2009	59	59	100%
2011	44	44	100%
2012	46	46	100%
2013	26	26	100%

Năm	Số lượng học viên tốt nghiệp	Số lượng học viên có việc làm	
		Số lượng	Tỉ lệ
2014	38	38	100%
2015	28	28	100%
Cộng	69	69	100%

2.2. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU THAM GIA ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SỸ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Trường Đại học Đồng Tháp có đủ lực lượng cán bộ giảng dạy trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu tại Khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 09/2017/TT- BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sỹ. Danh sách cán bộ cơ hữu tham gia đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục của Trường Đại học Đồng Tháp được thể hiện ở bảng 2.1.

Bảng 2.1. Danh sách cán bộ cơ hữu tham gia đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SĐH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số đề tài, sách, bài báo)
1	Nguyễn Văn Đệ, 1959, Hiệu trưởng	Phó Giáo sư, 2013	Tiến sỹ, Việt Nam, 2010	QLGD	2010, Trường Đại học Vinh, Trường ĐHSP Huế, Trường Đại học Đồng Tháp	07 đề tài, 06 sách, 65 bài báo
2	Phạm Minh Giản, 1962, Phó Hiệu trưởng	Phó Giáo sư, 2017	Tiến sỹ, Việt Nam, 2012	QLGD	2012, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Đồng Tháp	06 đề tài, 02 sách, 49 bài báo

Bảng 2.1. Danh sách cán bộ cơ hữu tham gia đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SĐH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số đề tài, sách, bài báo)
3	Đào Hoàng Nam, 1955, Giảng viên	Phó Giáo sư, 2017	Tiến sỹ, Việt Nam, 2010	QLGD	2012, Học viện Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp	02 đề tài, 05 sách, 21 bài báo
4	Phạm Hữu Ngãi, 1954, Tư vấn Hiệu trưởng		Tiến sỹ, Việt Nam, 2009	QLGD	2013, Trường Đại học Đồng Tháp	02 đề tài, 05 bài báo
5	Phan Ngọc Thạch, 1974, Phó trưởng khoa Sư phạm Ngoại ngữ		Tiến sỹ, Úc, 2015	QLGD	2015, Trường Đại học Đồng Tháp	03 đề tài, 05 bài báo
6	Huỳnh Mộng Tuyền, 1973, Chủ tịch Hội đồng Trường	Phó Giáo sư, 2017	Tiến sỹ, Việt Nam, 2010	KHGD (LL& LSGD)	2012, Trường Đại học Đồng Tháp	03 đề tài, 31 bài báo
7	Nguyễn Dương Hoàng, 1958, Giảng viên	Phó Giáo sư, 2017	Tiến sỹ, Việt Nam, 2009	KHGD (LL& PPDH)	2010, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Đồng Tháp	06 đề tài, 06 sách, 32 bài báo

Bảng 2.1. Danh sách cán bộ cơ hữu tham gia đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SĐH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số đề tài, sách, bài báo)
8	Phạm Văn Khanh, 1955, Giảng viên		Tiến sỹ, Việt Nam, 2012	KHGD (LL& LSGD)	2014, Trường Đại học Đồng Tháp	08 đề tài, 06 sách, 04 bài báo
9	Phan Trọng Nam 1980, Phó trưởng phòng KH&CN		Tiến sỹ, Việt Nam, 2012	Tâm lý học	2012, Trường Đại học Đồng Tháp	05 đề tài, 24 bài báo
10	Nguyễn Văn Bản 1956, Tư vấn Hiệu trưởng		Tiến sỹ, Việt Nam, 2010	KHGD (LL& PPDH)	2010, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Đồng Tháp	14 đề tài, 02 sách, 14 bài báo
11	Đỗ Văn Hùng, 1960, Trưởng phòng KH&CN		Tiến sỹ, Việt Nam, 2013	KHGD (LL& PPDH)	2014, Trường Đại học Đồng Tháp	04 đề tài, 08 bài báo
12	Lê Xuân Trường, 1958, Giảng viên		Tiến sỹ, Việt Nam, 2010	KHGD (LL& PPDH)	2011, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Đồng Tháp	04 đề tài, 15 bài báo

Bảng 2.1. Danh sách cán bộ cơ hữu tham gia đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SĐH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số đề tài, sách, bài báo)
13	Dương Huy Cẩn, 1958, Trưởng khoa Giáo dục		Tiến sỹ, Việt Nam, 2009	KHGD (LL& PPDH)	2012, Trường Đại học Đồng Tháp	08 đề tài, 02 sách, 26 bài báo
14	Đỗ Minh Hùng 1966, Giảng viên	Phó Giáo sư, 2017	Tiến sỹ, Việt Nam, 2008	Ngôn ngữ học so sánh (Tiếng Anh)	2009, Trường Đại học Hà Nội, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Đồng Tháp	04 đề tài, 03 sách, 35 bài báo
15	Huỳnh Thị Nhĩ 1958, Giảng viên		Tiến sỹ, Việt Nam, 2011	Ngôn ngữ Anh	2012, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Đồng Tháp	05 đề tài, 08 bài báo
16	Lương Thanh Tân 1963, Phó Hiệu trưởng		Tiến sỹ, Việt Nam, 2009	Triết học	2010, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Đồng Tháp	05 đề tài, 02 sách, 17 bài báo

Bảng 2.1. Danh sách cán bộ cơ hữu tham gia đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SĐH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số đề tài, sách, bài báo)
17	Trần Quang Thái 1976, Trưởng phòng Đào tạo	Phó Giáo sư, 2016	Tiến sỹ, Việt Nam, 2011	Triết học	2012, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Đồng Tháp	10 đề tài, 11 sách, 25 bài báo

Nhà trường phân công đội ngũ giảng viên cơ hữu quản lý ngành đào tạo, cụ thể như sau: PGS.TS Phạm Minh Giản - Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo sau đại học; PGS.TS Hồ Sỹ Thắng - Trưởng phòng đào tạo Sau đại học; TS. Dương Huy Cẩn - Trưởng khoa Giáo dục và Ths.NCS Trương Tấn Đạt - Trưởng phòng Tổ chức cán bộ và Công tác Đảng. Trong các giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Đồng Tháp tham gia đào tạo chuyên ngành Quản lý giáo dục, PGS.TS Nguyễn Văn Đệ được Nhà trường giao nhiệm vụ chủ nhiệm chuyên ngành Quản lý giáo dục (Minh chứng gửi kèm).

Bên cạnh đó, Trường Đại học Đồng Tháp còn mời các nhà khoa học thuộc chuyên ngành Quản lý giáo dục tham gia đào tạo chuyên ngành Quản lý giáo dục, danh sách giảng viên thỉnh giảng được thể hiện ở bảng 2.2.

Bảng 2.2. Danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng chuyên ngành Quản lý giáo dục

TT	Họ và tên giảng viên	Đơn vị công tác
1	PGS.TS Nguyễn Công Giáp	Học viện Quản lý Giáo dục
2	PGS.TS Phạm Hồng Quang	Đại học Thái Nguyên
3	PGS.TS Trần Quốc Thành	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
4	GS.TS Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Đại học Giáo dục - ĐHQG Hà Nội
5	PGS.TS Phạm Văn Thuần	

6	PGS.TS Trần Huy Hoàng	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
7	GS.TS Thái Văn Thành	Trường Đại học Vinh
8	PGS.TS Phạm Minh Hùng	
9	PGS.TS Nguyễn Thị Hường	
10	PGS.TS Trần Văn Hiếu	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế
11	PGS.TS Phùng Đình Mẫn	
12	PGS.TS Phan Minh Tiến	
13	PGS.TS Trần Thị Hương	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
14	TS Hồ Văn Liên	
15	PGS.TS Phan Tố Oanh	
16	PGS.TS Nguyễn Sỹ Thư	
17	PGS.TS Lê Khánh Tuấn	Trường Đại học Sài Gòn
18	PGS.TS Mỵ Giang Sơn	
19	PGS.TS Trần Văn Đạt	Trường Đại học An Giang
20	TS Hồ Văn Thống	Bí thư Thị ủy Hồng Ngự

2.3. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SỸ CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Các thiết bị phục vụ cho đào tạo Sau đại học của Trường Đại học Đồng Tháp là các phòng máy tính hiện đại, các máy đã được kết nối mạng, phục vụ tốt cho việc học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh:

- Kết nối Internet;
- Khai thác trang Web riêng của Trường;
- Cung cấp dịch vụ Web Server;
- Cung cấp dịch vụ Print Server;
- Hệ thống thư viện điện tử;

Nhà trường có Ký túc xá khép kín dành cho nghiên cứu sinh tương đối đầy đủ điều kiện phục vụ sinh hoạt và học tập

2.3.1. Thiết bị phục vụ đào tạo

Danh mục thiết bị phục vụ đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục được thể hiện ở bảng 2.3.

Bảng 2.3. Danh mục thiết bị phục vụ đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục

STT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị
1	Máy chiếu Sony VPL EX235	Trung Quốc, 2014	60	Dùng chung cho các môn học
2	Máy chiếu Mitsubishi EX240U	Trung Quốc, 2013	14	Dùng chung cho các môn học
3	Máy chiếu Sony VPL-EX120	Trung Quốc, 2012	60	Dùng chung cho các môn học
4	Máy chiếu Optoma EX 538	Việt Nam, 2011	33	Dùng chung cho các môn học
5	Máy chiếu Mitsubishi HL650U	Trung Quốc, 2011	1	Dùng chung cho các môn học
6	Máy chiếu Mitsubishi XD490U	Việt Nam, 2011	1	Dùng chung cho các môn học
7	Máy vi tính xách tay Ultrabook Sony T13 (SVT131A11L)	Trung Quốc, 2013	1	Dùng chung cho các môn học
8	Máy vi tính xách tay Dell Inspiron14R 5421	Trung Quốc, 2013	1	Dùng chung cho các môn học
9	Máy vi tính xách tay Dell Insprition 14R 5437	Trung Quốc, 2014	1	Dùng chung cho các môn học
10	Máy vi tính xách tay Dell Insprition 14R 5437	Trung Quốc,	1	Dùng chung cho các môn học

Bảng 2.3. Danh mục thiết bị phục vụ đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục

STT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị
		2014		
11	Máy vi tính xách tay Dell Inspiron 5547	Trung Quốc, 2014	1	Dùng chung cho các môn học
12	Máy vi tính xách tay Dell Inspiron 3542	Trung Quốc, 2014	1	Dùng chung cho các môn học
13	Máy vi tính xách tay Asus Transformer book T200TA-CP004H	Trung Quốc, 2014	1	Dùng chung cho các môn học
14	Máy vi tính xách tay Dell Vostro 5480	Trung Quốc, 2014	1	Dùng chung cho các môn học
15	Máy Scanner A3 Epson GT-20000	Trung Quốc, 2010	1	Dùng chung cho các môn học
16	Máy Scan Epson V700	Trung Quốc, 2011	1	Dùng chung cho các môn học
17	Máy Scanner HP 8300	Trung Quốc, 2009	1	Dùng chung cho các môn học
18	Máy Scan HP Scanjet G4010	Trung Quốc, 2013	1	Dùng chung cho các môn học
19	Máy quay phim Sony DCR-SR47E	Nhật Bản, 2010		Dùng chung cho các môn học
20	Máy quay phim Sony HXR-NX3	Nhật Bản, 2015	1	Dùng chung cho các môn học
21	Máy ảnh Canon Ixus 240 HS Full HD	Nhật Bản, 2013	1	Dùng chung cho các môn học
22	Máy ảnh Nikon Di Camera	Trung	1	Dùng chung cho các

Bảng 2.3. Danh mục thiết bị phục vụ đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục

STT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị
	D7100	Quốc, 2014		môn học
23	Ti vi Sony led 32EX330; 32 in	Malaysia, 2013	1	Dùng chung cho các môn học
24	Ti vi Sony led 40EX430	Malaysia, 2013	1	Dùng chung cho các môn học
25	Ti vi Led Samsung UA-32J4003AKXXV	Việt Nam, 2015	2	Dùng chung cho các môn học
25	Ti vi Sony Smart 48W700C	Malaysia, 2015	1	Dùng chung cho các môn học
26	Ti vi Sony Led 32R300C	Malaysia, 2015	1	Dùng chung cho các môn học

2.3.2. Thư viện

Trung tâm Thông tin - Thư viện Lê Vũ Hùng có một phòng tư liệu dành riêng cho người học sau đại học. Trong đó có khoảng 150 đầu sách phục vụ cho việc học tập và giảng dạy chuyên ngành Quản lý giáo dục. Ngoài ra, Nhà trường còn bố trí phòng tự học cho người học sau đại học với hệ thống máy tính hiện đại được kết nối Internet nhằm phục phục tốt nhất cho học viên sau đại học và nghiên cứu sinh.

Danh mục tài liệu phục vụ đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục của Trường Đại học Đồng Tháp được thể hiện ở bảng 2.4.

Bảng 2.4. Danh mục tài liệu phục vụ đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục

STT	Tên sách, tên tạp chí	Nước xuất bản/ Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên chuyên đề sử dụng sách, tạp chí
1	Những khái niệm cơ bản về lý luận QLGD	Việt Nam/ 1989	51	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
2	Cẩm nang những qui định mới nhất về công	Việt Nam/	55	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên

Bảng 2.4. Danh mục tài liệu phục vụ đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục

STT	Tên sách, tên tạp chí	Nước xuất bản/ Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên chuyên đề sử dụng sách, tạp chí
	tác QLGD dành cho các hiệu trưởng	2006		ngành
3	Thông tin QLGD và đào tạo những vấn đề lý luận và thực tiễn tổ chức QLGD - đào tạo	Việt Nam/ 2000	51	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
4	Tình huống và cách ứng xử tình huống trong QLGD và đào tạo	Việt Nam/ 2000	70	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
5	Bối cảnh mới môi trường mới nhà QLGD mới	Việt Nam/ 201	52	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
6	Giáo trình tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục	Việt Nam/ 2007	61	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
7	Quản lý giáo dục	Việt Nam/ 2007	59	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
8	Khoa học quản lý giáo dục một số vấn đề lý luận và thực tiễn	Việt Nam/ 2004	57	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
9	Những tình huống trong thực tiễn quản lý giáo dục	Việt Nam/ 2008	70	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
10	Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và đổi mới quản lý giáo dục tiểu học	Việt Nam/ 2006	77	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
11	Đổi mới nâng cao nâng lực vai trò trách nhiệm đạo đức của đội ngũ giáo viên và CBQLGD trong xu thế Việt Nam hội	Việt Nam/ 2007	56	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành

Bảng 2.4. Danh mục tài liệu phục vụ đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục

STT	Tên sách, tên tạp chí	Nước xuất bản/ Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên chuyên đề sử dụng sách, tạp chí
	nhập quốc tế			
12	Một số vấn đề về đổi mới quản lý giáo dục tiểu học vì sự phát triển bền vững	Việt Nam/ 2006	69	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
13	Cẩm nang dành cho CBQLGD mầm non	Việt Nam/ 2008	55	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
14	Giáo trình QLGD mầm non	Việt Nam/ 2008	55	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
15	Giáo trình tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục	Việt Nam/ 2010	53	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
16	Giáo trình quản lý nhà nước về giáo dục	Việt Nam/ 2007	52	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
17	Tâm lý học và giáo dục học	Việt Nam/ 2012	90	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
18	Tâm lý học lứa tuổi và TLH sư phạm	Việt Nam/ 2011	95	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
19	Những vấn đề chung của giáo dục học	Việt Nam/ 2010	75	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
20	Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XX	Việt Nam/ 2010	99	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
21	Đánh giá chất lượng giáo dục: Nội dung - phương pháp - kỹ thuật	Việt nam/ 2007	62	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành

Bảng 2.4. Danh mục tài liệu phục vụ đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục

STT	Tên sách, tên tạp chí	Nước xuất bản/ Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên chuyên đề sử dụng sách, tạp chí
22	Phương pháp dạy học giáo dục học	Việt Nam/ 2007	60	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
23	Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Việt Nam/ 2007	60	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
26	Hướng dẫn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên THPT trình độ Đại học	Việt Nam/ 2010	69	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
27	Triết học giáo dục hiện đại	Việt Nam/ 2008	52	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
28	99 tình huống sư phạm và những giải pháp ứng xử	Việt Nam/ 2010	60	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
29	Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng	Việt Nam/ 2010	75	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
30	Văn hóa giao tiếp trong nhà trường	Việt Nam/ 2011	57	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
31	Phương pháp giảng dạy và TLGD trong trường học - kỹ năng quản lý và giảng dạy đạt hiệu quả	Việt Nam/ 2011	54	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
32	Giáo dục Việt Nam trong thời kì đổi mới	Việt Nam/ 2008	53	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
33	Giải pháp giáo dục	Việt Nam/ 2010	55	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành

Bảng 2.4. Danh mục tài liệu phục vụ đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục

STT	Tên sách, tên tạp chí	Nước xuất bản/ Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên chuyên đề sử dụng sách, tạp chí
34	Những kiến thức cơ bản của tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	Việt Nam/ 2010	55	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
35	Giáo dục phát triển	Việt Nam /2007	51	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
36	Khoa học tổ chức và quản lý trong giáo dục	Việt Nam/ 2010	55	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
37	Giáo trình tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục/In lần 3	Việt Nam/ 2007	61	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
38	Những tình huống thực tiễn trong quản lý giáo dục	Việt Nam/ 2008	70	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
39	Những phương pháp và kỹ năng sư phạm hiện đại, hiệu quả từ các chuyên gia Đức và Việt Nam	Việt Nam/ 2012	53	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
40	148 tình huống sư phạm trong giáo dục đặc biệt	Việt Nam/ 2010	51	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
41	Bối cảnh mới ngôi trường mới nhà quản lý giáo dục mới	Việt Nam/ 2011	52	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
42	Đánh giá trong giáo dục tiểu học: Dành cho hệ đào tạo cử nhân và cao học	Việt Nam/ 2008	55	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
43	Cẩm nang dành cho cán bộ quản lý giáo dục mầm	Việt Nam/ 2008	55	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên

Bảng 2.4. Danh mục tài liệu phục vụ đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục

STT	Tên sách, tên tạp chí	Nước xuất bản/ Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên chuyên đề sử dụng sách, tạp chí
	non			ngành
44	Phát triển đội ngũ giảng viên các trường đại học ở vùng ĐBSCL đáp ứng yêu cầu đổi mới GDĐH	Việt Nam/ 2011	198	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
45	Tổ chức hoạt động dạy học đại học	Việt Nam/ 2011	57	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
46	Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ các trường đại học sư pham	Việt Nam/ 2011	55	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
47	Những vấn đề chung về Giáo dục học	Việt Nam/ 2006	51	Quản lý hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục
48	Lý luận giáo dục	Việt Nam/ 2008	55	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
49	Giáo dục dân số, giới tính	Việt Nam/ 2008	61	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
50	Tuyển tập nghiên cứu về Tâm lý - Giáo dục	Việt Nam/ 2010	70	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
51	Lý luận dạy học đại học	Việt Nam/ 2008	53	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
52	Lý luận dạy học	Việt Nam/ 2010	51	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
53	Hệ thống giáo dục hiện đại trong những năm đầu	Việt Nam/ 2008	52	Xu thế phát triển giáo dục

Bảng 2.4. Danh mục tài liệu phục vụ đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục

STT	Tên sách, tên tạp chí	Nước xuất bản/ Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên chuyên đề sử dụng sách, tạp chí
	thế kỷ XXI			
54	Hệ thống các văn bản pháp luật quản lý tài chính đối với ngành GD	Việt Nam/ 2008	55	Chính sách và chiến lược phát triển GD
55	Hệ Hệ thống các văn bản quản lý nhà nước về Giáo dục - Đào tạo.	Việt Nam/ 2010	55	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
56	Luật Giáo dục Việt Nam	Việt Nam/ 2010	51	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
57	Xã hội học giáo dục:	Việt Nam/ 2009	55	Xã hội học giáo dục
58	Chính sách và chiến lược phát triển giáo dục.	Việt Nam/ 2009.	50	Chính sách và chiến lược phát triển giáo dục
59	Nghiệp vụ thanh tra giáo dục Việt nam	Việt Nam/ 2008	51	Đánh giá trong giáo dục
60	Ứng xử trong quản lý giáo dục	Việt Nam/ 2008	55	Lý luận quản lý giáo dục
61	Quản lý nhà nước và quản lý hành chính nhà nước về giáo dục - đào tạo	Việt Nam/ 2008	61	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục
62	Giáo dục học một số vấn đề lý luận và thực tiễn	Việt Nam/ 2008	70	Lý luận về quản lý giáo dục
63	Khoa học quản lý giáo dục	Việt Nam/ 2008	53	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
64	Xã hội học	Việt Nam/ 2008	51	Xã hội học giáo dục
65	Đánh giá và đo lường	Việt Nam/	30	Đánh giá và kiểm

Bảng 2.4. Danh mục tài liệu phục vụ đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục

STT	Tên sách, tên tạp chí	Nước xuất bản/ Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên chuyên đề sử dụng sách, tạp chí
	trong khoa học xã hội	2007		định chất lượng giáo dục
66	Đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục	Việt Nam/ 2008	50	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
67	Giáo dục đại học Việt Nam và hội nhập WTO	Việt Nam/ 2007	10	Xu thế phát triển giáo dục
68	Môi trường giáo dục	Việt Nam/ 2008	100	Xây dựng văn hóa nhà trường
69	Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI	Việt Nam/ 2010	20	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
70	Cẩm nang nghiệp vụ quản lý của người Hiệu trưởng	Việt Nam/ 2008	20	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
71	Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục	Việt Nam/ 2009	50	Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục
72	Khoa học quản lý đại cương	Việt Nam/ 2008	50	Khoa học quản lý đại cương
73	Quản lý hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục	Việt Nam/ 2009	50	Quản lý hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục
74	Quản lý và phát triển chương trình đào tạo	Việt Nam/ 2007	50	Quản lý và phát triển chương trình đào tạo
75	Những vấn đề cơ bản về chương trình dạy học và quá trình dạy học	Việt Nam/ 2008	50	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
76	Hướng dẫn đánh giá chương trình đào tạo	Việt Nam/ 2010	10	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành

Bảng 2.4. Danh mục tài liệu phục vụ đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục

STT	Tên sách, tên tạp chí	Nước xuất bản/ Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên chuyên đề sử dụng sách, tạp chí
77	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Việt Nam/ 2008	100	Phương pháp nghiên cứu khoa học
78	Triết học giáo dục Việt Nam	Việt Nam/ 2010	50	Triết lý giáo dục, triết lý giáo dục, giáo dục học so sánh
79	Lịch sử giáo dục thế giới	Việt Nam/ 2008	50	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
80	Tâm lý học quản lý và lãnh đạo	Việt Nam/ 2007	50	Tâm lý học quản lý và lãnh đạo
81	Tâm lý học nhân cách	Việt Nam/ 2008	50	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
82	Xu thế phát triển giáo dục trên thế giới	Việt Nam/ 2006	20	Xu thế phát triển giáo dục
83	Những vấn đề cơ bản về giáo dục học hiện đại	Việt Nam/ 2006	100	Quản lý hoạt động dạy học và hoạt động GD
84	Đổi mới quản lý giáo dục	Việt Nam/ 2007	30	Lãnh đạo và quản lý sự thay đổi
85	Kỹ năng của người lãnh đạo và quản lý	Việt Nam/ 2006	20	Lý luận quản lý GD
86	Khoa học quản lý nhà trường phổ thông	Việt Nam/ 2006	20	Lý luận quản lý GD
87	Khoa học quản lý giáo dục - một số vấn đề lý luận và thực tiễn.	Việt Nam/ 2007	51	Lý luận quản lý GD
88	Văn kiện Đại hội Đảng XI	Việt Nam/ 2011	55	Chiến lược phát triển giáo dục
89	Chính sách và chiến lược	Việt Nam/	61	Chính sách và chiến lược phát triển giáo

Bảng 2.4. Danh mục tài liệu phục vụ đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục

STT	Tên sách, tên tạp chí	Nước xuất bản/ Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên chuyên đề sử dụng sách, tạp chí
	phát triển giáo dục	2006		dục.
90	Phương pháp giảng dạy đạo đức ở trường tiểu học	Việt Nam/ 2008	70	Quản lý hoạt động dạy học..
91	Ứng dụng công nghệ thông tin trong nghiên cứu khoa học giáo dục	Việt Nam/ 2006	53	PPNCKHGD
92	Lý luận dạy học đại học	Việt Nam/ 2006	51	Quản lý hoạt động dạy học..
93	Giáo dục học đại cương	Việt Nam/ 2006	52	Quản lý giáo dục
94	Tổ chức hoạt động GDHN ở trường phổ thông	Việt Nam/ 2007	100	Quản lý giáo dục
95	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp	Việt Nam	18	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
96	Tạp chí Giáo dục	Việt Nam	53	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
97	Tạp chí Khoa học giáo dục	Việt Nam	52	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
98	Tạp chí Quản lý giáo dục	Việt Nam	90	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
99	Tạp chí Tâm lý học	Việt Nam	95	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
100	Tạp chí Giáo dục và Xã hội	Việt Nam	60	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên

Bảng 2.4. Danh mục tài liệu phục vụ đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục

STT	Tên sách, tên tạp chí	Nước xuất bản/ Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên chuyên đề sử dụng sách, tạp chí
				ngành
101	Tạp chí Thiết bị Giáo dục	Việt Nam	75	Dùng cho các chuyên đề cơ sở và chuyên ngành
102	Phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giáo viên - những vấn đề lý luận và thực tiễn	Việt Nam /2017	100	PGS,TS. Nguyễn Văn Đệ TS. Phan Trọng Nam
103	Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành giáo dục mầm non khu vực đồng bằng sông Cửu Long	Việt Nam /2017	100	TS. Dương Huy Cẩn
104	Đổi mới quá trình dạy học môn toán thông qua các chuyên đề dạy học	Việt Nam /2017	01	PGS,TS. Nguyễn Dương Hoàng
105	Tổ chức dạy học phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Việt Nam / 2017	112	PGS,TS. Huỳnh Mộng Tuyền
106	Đổi mới cải cách giáo dục ở Việt Nam và nhân tố quản lý trong tiến trình đổi mới giáo dục	Việt Nam / 2018	84	PGS,TS. Phạm Minh Giản

2.4. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

2.4.1. Kết quả nghiên cứu khoa học

Trong những năm vừa qua, đội ngũ giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục của Trường Đại học Đồng Tháp đã và đang chủ trì thực hiện 48 đề tài khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh. Danh mục các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên liên quan đến chuyên ngành đào tạo tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục được thể hiện ở bảng 2.5 và phụ lục 2.1.

Bảng 2.5. Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên liên quan đến chuyên ngành đào tạo tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục

Số TT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
1	Giải pháp phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên Trường Đại học Đồng Tháp giai đoạn 2007-2015.	Cấp Bộ B2007-20-04	5616/QĐ-BGDĐT, 31/8/2009	Tốt
2	Giải pháp đào tạo, bồi dưỡng giảng viên trẻ của các trường đại học ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Cấp Bộ B2010-20-24	5958/QĐ-BGDĐT, 25/11/2011	Tốt
3	Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên phổ thông và mầm non tỉnh Đồng Tháp	Cấp tỉnh của tỉnh Đồng Tháp	177/QĐ-SKHCN, 11/11/2014	Đạt
4	Phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giáo viên vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Cấp Nhà nước VI.2.3-2013.15	11/2014/VI/HĐXH, 03/10/2018	Đạt
5	Khảo sát, đánh giá thực trạng đội ngũ giáo viên giai đoạn 2005 - 2015 và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên tỉnh Kiên Giang	Cấp tỉnh	2017	Đang thực hiện
6	Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý trường tiểu học và trung học cơ sở tỉnh Đồng Tháp	Cấp trường	480/QĐ-ĐHSPĐT 25/12/2003	Tốt
7	Thực trạng và giải pháp đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên trung học phổ thông tỉnh Đồng Tháp	Cấp trường	146/QĐ-ĐHSPĐT 24/12/2004	Tốt
8	Khảo sát thực trạng quản lý, bồi dưỡng đội ngũ giáo	Cấp viện	20/QĐ-VKHGDVN	Khá

	viên trung học phổ thông tỉnh Đồng Tháp	V2009-06NCS	25/01/2011	
9	Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý trường trung học phổ thông tỉnh Đồng Tháp trong giai đoạn hiện nay	Cấp trường QL01/2011	76/QĐ-ĐHĐT 09/4/2012	Tốt
10	Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý trường trung học phổ thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long theo Chuẩn hiệu trưởng	Cấp Bộ B2016. SPD.04	2016	Đang thực hiện
11	Một số giải pháp đào tạo nghề ở tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2015	Cấp Tỉnh	599/QĐ-UBND.HC, 25/6/2013	Trung bình
12	Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng dạy - học môn tiếng Anh tiểu học ở tỉnh Đồng Tháp	Cấp trường	113/QĐ-ĐHSPĐT, 16/02/2005	Tốt
13	Thực trạng và biện pháp đổi mới phương pháp học của sinh viên sư phạm Trường Đại học Đồng Tháp	Cấp Cơ sở	195/QĐ-SKHCN, 25/12/2015	Khá
14	Thiết kế các hoạt động bồi dưỡng phương pháp học cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp	Cấp trường CS2015.01.50	261/QĐ-ĐHĐT, 30/12/2016	Khá
15	Các biện pháp nâng cao trí tuệ cảm xúc cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp	Cấp Viện V2009-07NCS	16/QĐ-VKHGDVN, 21/01/2011	Khá
16	Thực trạng trí tuệ cảm xúc của sinh viên Đại học Sư phạm	Cấp trường TL01/2011	93/QĐ-ĐHĐT, 30/11/2011	Khá
17	Tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh người Khmer trong các trường phổ thông	Cấp Bộ B2017.SPD.02	2017	Đang thực hiện

	dân tộc nội trú ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long			
18	Tìm hiểu chương trình sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 2 ở tiểu học sau năm 2000	Cấp trường	378/QĐ-ĐHSPĐT, 20/10/2003	Tốt
19	Tìm hiểu về chương trình và sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 3 chương trình tiểu học - 2000	Cấp trường	1450/QĐ-ĐHSPĐT, 15/12/2004	Tốt
20	Khảo sát lỗi chính tả của học sinh tiểu học Đồng Tháp và xây dựng hệ thống bài tập chữa lỗi chính tả	Cấp Bộ B2006-20-01	768/QĐ-BGDĐT, 03/03/2010	Tốt
21	Các biện pháp hình thành năng lực và kỹ năng sư phạm cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non Trường Đại học Đồng Tháp theo chuẩn nghề nghiệp	Cấp trường CS2011.01.26	24/QĐ-ĐHĐT, 23/01/2013	Tốt
22	Xây dựng bộ đề thi trắc nghiệm cho học phần Toán theo chương trình Cao đẳng sư phạm đổi mới	Cấp trường	1411/QĐ-ĐHSPĐT, 30/11/2004	Khá
23	Xây dựng chương trình cho các môn học thuộc bộ môn phương pháp dạy học Toán trong chương trình liên thông Đại học Sư phạm Toán	Cấp trường CS2011.01.01	02/QĐ-ĐHĐT, 23/01/2013	Khá
24	Giải pháp bồi dưỡng năng lực chẩn đoán trong dạy học các kiến thức số học ở tiểu học cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học	Cấp trường TH01/2012	66/QĐ-ĐHĐT, 23/01/2013	Tốt
25	Phát triển năng lực đánh giá học sinh của giáo viên tiểu học vùng Đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục	Cấp Bộ B2016. SPD.04	2016	Đang thực hiện

26	Bồi dưỡng năng lực giải toán cho sinh viên ngành Sư phạm Toán học trình độ cao đẳng qua dạy học môn học số học	Cấp trường CS2012.01.18	1077/QĐ-ĐHĐT, 23/12/2013	Khá
27	Chương trình sách giáo khoa môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 trong chương trình tiểu học năm 2000	Cấp trường	373/QĐ-ĐHSPĐT, 20/10/2003	Khá
28	Chương trình và sách giáo khoa môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 trong chương trình tiểu học năm 2000	Cấp trường	1441/QĐ-ĐHSPĐT, 13/12/2004	Khá
29	Xây dựng một số nội dung giáo dục môi trường tích hợp trong dạy học Hóa học lớp 8 trường trung học cơ sở	Cấp trường	1159/QĐ-ĐHSPĐT, 19/12/2005	Khá
30	Thiết kế tài liệu phương pháp dạy học Hóa học 2 theo tiếp cận moodun nhằm phát huy tính tích cực tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên ngành Hóa học hệ Đại học Sư phạm	Cấp Bộ B2008-20-06	4616/QĐ-BGDĐT, 15/7/2009	Khá
31	Bồi dưỡng năng lực tự học cho sinh viên ngành Sư phạm Hóa học Trường Đại học Đồng Tháp	Cấp trường CS2011.01.19	17/QĐ-ĐHĐT, 23/01/2013	Khá
32	Tích hợp giáo dục biến đổi khí hậu trong dạy học Tự nhiên xã hội cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học	Cấp trường CS2012.01.35	848/QĐ-ĐHĐT, 24/10/2013	Tốt
36	Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non khu vực Đồng bằng sông Cửu Long	Cấp Bộ B2014.20.03	3491/QĐ-BGDĐT, 15/9/2017	Đạt
37	Form of English testing at Junior high school	Cấp trường	145/QĐ-ĐHSPĐT,	Tốt

			04/10/2004	
38	Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy Tiếng Anh 10 ở các trường trung học phổ thông tỉnh Đồng Tháp	Cấp Bộ B2008-20-10	1225/QĐ-BGDĐT, 01/4/2010	Tốt
39	Nội dung và đặc điểm ngôn ngữ trong các bài diễn văn nhậm chức Tổng thống Mỹ	Cấp trường CS2011.01.35	31/QĐ-ĐHĐT, 23/02/2013	Khá
40	A guide to teaching English 7	Cấp trường	903/QĐ-ĐHSPĐT, 05/7/2004	Khá
41	Some imfortant factors in teaching English pronunciation to Vietnamese students	Cấp trường	1449/QĐ-ĐHSPĐT, 15/12/2004	Khá
42	Một số điểm tương đồng và khác biệt trong phát ngôn chào, mời, cảm ơn, xin lỗi tiếng Anh và tiếng Việt	Cấp trường	335/QĐ-ĐHSP, 19/11/2009	Khá
43	Bước đầu tìm hiểu văn hóa truyền thống và phát huy truyền thống trong việc xây dựng nền văn hóa mới cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp hiện nay	Cấp trường	367/QĐ-ĐHSPĐT, 20/10/2003	Khá
44	Đổi mới phương pháp giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin ở Trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp	Cấp trường	1425/QĐ-ĐHSPĐT, 07/12/2004	Khá
45	Xây dựng lối sống văn hóa cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp: Thực trạng và giải pháp	Cấp trường	57/QĐ-ĐHSPĐT, 16/01/2007	Khá
46	Vai trò của giáo dục thẩm mỹ trong việc hình thành lối sống văn hóa cho sinh viên trên địa bàn tỉnh Đồng	Cấp Bộ B2009-20-14	215/QDS-BGDĐT, 15/01/2010	Tốt

	Tháp hiện nay			
47	Sự hình thành tư duy khoa học của sinh viên Khoa Giáo dục chính trị qua các tiểu luận, niên luận - Thực trạng và giải pháp	Cấp trường	56/QĐ-ĐHSPĐT, 14/02/2008	Đạt
48	Nhận thức luận của chủ nghĩa hậu hiện đại, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của nó	Cấp trường	344/QĐ-ĐHĐT, 02/11/2010	Khá
49	Dự án Hỗ trợ xây dựng năng lực (FCB) của Chính phủ Vương quốc Bỉ	Cấp Bộ	07/QĐ-BCĐFCB, 11/12/2017	Đang thực hiện

2.4.2. Các hướng nghiên cứu chính của chuyên ngành Quản lý giáo dục

Căn cứ kết quả triển khai thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học các cấp trong những năm vừa qua, căn cứ năng lực đội ngũ, hệ thống cơ sở vật chất phục vụ đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục và yêu cầu phát triển giáo dục - đào tạo của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Đồng Tháp xác định 15 định hướng nghiên cứu cho chuyên ngành Quản lý giáo dục và dự kiến số lượng nghiên cứu sinh có thể đào tạo của Nhà trường tại bảng 2.6.

Bảng 2.6. Định hướng nghiên cứu và số lượng NCS có thể đào tạo của chuyên ngành Quản lý giáo dục

TT	Các định hướng nghiên cứu cơ bản	Cán bộ hướng dẫn	Số lượng NCS
1	Chiến lược phát triển giáo dục các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long	PGS.TS Nguyễn Văn Đệ PGS.TS Đào Hoàng Nam TS Phạm Văn Khanh	02
2	Quản lý và phát triển chương trình dạy học các môn học trong các trường cơ sở giáo dục vùng Đồng bằng sông Cửu Long	PGS.TS Phạm Minh Giản TS Phạm Hữu Ngãi TS Phan Ngọc Thạch	02
3	Xây dựng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long	PGS, TS Nguyễn Văn Đệ PGS.TS Phạm Minh Giản TS Phạm Hữu Ngãi	02
4	Các biện pháp tăng cường hoạt	PGS,TS Nguyễn Văn Đệ	02

	động thanh tra, kiểm tra, đánh giá, quản lý và kiểm định chất lượng giáo dục	PGS.TS Phạm Minh Giản TS Phan Trọng Nam	
5	Nghiên cứu quản lý và xây dựng mô hình giáo dục cộng đồng tại các cụm xã miền núi khó khăn.	TS Huỳnh Mộng Tuyền TS Nguyễn Văn Bản TS Đỗ Văn Hùng	02
6	Các biện pháp tăng cường hiệu quả của quản lý và chỉ đạo thực hiện nội dung, chương trình sách giáo khoa mới theo cấp học, môn học ở trường phổ thông	TS Nguyễn Văn Bản TS Dương Huy Cẩn PGS.TS Nguyễn Dương Hoàng TS Đỗ Văn Hùng TS Lê Xuân Trường	02
7	Các biện pháp tăng cường hiệu quả của quản lý và chỉ đạo thực hiện nội dung chương trình tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường THPT vùng Đồng bằng sông Cửu Long	PGS.TS Đào Hoàng Nam PGS.TS Huỳnh Mộng Tuyền TS Phan Ngọc Thạch	02
8	Tăng cường hiệu quả quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong các trường phổ thông một trong những giải pháp phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp ra trường	PGS.TS Đào Hoàng Nam PGS.TS Huỳnh Mộng Tuyền TS Phan Ngọc Thạch	02
9	Tăng cường công tác quản lý chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học trong các trường phổ thông nhằm nâng cao chất lượng giáo dục vùng Đồng bằng sông Cửu Long	TS Nguyễn Văn Bản TS Dương Huy Cẩn PGS.TS Nguyễn Dương Hoàng TS Đỗ Văn Hùng TS Lê Xuân Trường	02
10	Các biện pháp quản lý nhằm nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục thuộc khu vực các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long	PGS.TS Nguyễn Văn Đệ PGS.TS Đào Hoàng Nam TS Phạm Hữu Ngãi	02
11	Lãnh đạo và quản lý sự thay đổi trong các trường học	PGS.TS Nguyễn Văn Đệ PGS.TS Phạm Minh Giản	02

		TS Phạm Hữu Ngãi	
12	Xây dựng văn hoá nhà trường trong thời kỳ hội nhập	PGS.TS Nguyễn Văn Đệ TS Phạm Hữu Ngãi TS Phạm Văn Khanh	02
13	Quản lý chất lượng Giáo dục - Đào tạo	PGS.TS Nguyễn Văn Đệ PGS.TS Đào Hoàng Nam TS Phạm Hữu Ngãi	02
14	Kiểm định chất lượng Giáo dục - Đào tạo	PGS.TS Phạm Minh Giản TS Nguyễn Văn Bản TS Phan Trọng Nam	02
15	Dự báo phát triển nguồn nhân lực và đào tạo nguồn nhân lực	PGS.TS Nguyễn Văn Đệ PGS.TS Phạm Minh Giản TS Phạm Văn Khanh	02

2.4.3. Các công trình đã công bố của giảng viên cơ hữu thuộc chuyên ngành Quản lý giáo dục

Trong 5 năm gần đây, đội ngũ giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo chuyên ngành Quản lý giáo dục của Nhà trường đã công bố trên 178 công trình khoa học trên tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Kết quả công bố công trình khoa học của đội ngũ giảng viên được thể hiện ở bảng 2.7 và phụ lục 2.2.

Bảng 2.7. Danh mục bài báo công bố trên Tạp chí khoa học của đội ngũ giảng viên

TT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
1	Bàn về đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục	Nguyễn Văn Đệ	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
2	Nâng cao chất lượng hoạt động RLNVSP trong đào tạo giáo viên	Nguyễn Văn Đệ Vũ Văn Đức	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
3	Tổ chức môn học công tác đội trong đào tạo giáo viên ở Trường Đại học Đồng Tháp	Nguyễn Văn Đệ Vũ Văn Đức	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
4	Hoạt động đào tạo giáo viên trong bối cảnh mới	Nguyễn Văn Đệ	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
5	Vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên ở các trường sư phạm	Nguyễn Văn Đệ	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT

TT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
6	Vấn đề đổi mới phương pháp dạy học trong hoạt động đào tạo giáo viên	Nguyễn Văn Đệ Lê Kim Oanh	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
7	Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên phổ thông ở tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn Văn Đệ Nguyễn Văn Nghiêm	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
8	Giải pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tạo động lực làm việc cho đội ngũ giáo viên mầm non tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn Văn Đệ Phạm Minh Giản Nguyễn Văn Bản	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
9	Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên Trường THPT Trần Văn Bảy, tỉnh Sóc Trăng đáp ứng yêu cầu xây dựng trường Chuẩn quốc gia	Nguyễn Văn Đệ Phạm Thanh Trọng	Giáo dục và Xã hội HH các trường ĐH - CĐ NCL VN
10	40 năm ươm mầm tri thức và gắn bó những ân tình	Nguyễn Văn Đệ	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
11	Kinh nghiệm quốc tế về phát triển đội ngũ giảng viên và đề xuất vận dụng ở Việt Nam	Nguyễn Văn Đệ	Tạp chí KHGD Viện KHGD VN
12	Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý các trường THCS huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	Nguyễn Văn Đệ Đặng Hương Giang	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
13	Giải pháp đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên ở Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	Nguyễn Văn Đệ Lê Hồng Tuyên	Giáo chức Việt Nam Hội Cựu Giáo chức VN
14	Đẩy mạnh hoạt động liên kết đội ngũ giảng viên giữa các trường đại học, cao đẳng ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh mới	Nguyễn Văn Đệ Nguyễn Văn Nghiêm	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
15	Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau đáp ứng yêu cầu chuẩn nghề nghiệp	Nguyễn Văn Đệ Nguyễn Văn Thành	Giáo chức Việt Nam Hội Cựu Giáo chức VN

TT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
16	Hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên trung học phổ thông trong bối cảnh mới	Nguyễn Văn Đệ Phan Trọng Nam	Tạp chí KHGD Viện KHGD VN
17	Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giáo viên ở các trường trung học phổ thông và trung cấp chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục	Nguyễn Văn Đệ Phan Trọng Nam	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
18	Nâng cao chất lượng đào tạo các trường Trung cấp nghề ở tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn Văn Đệ Phùng Viết Nhiều	Thiết bị giáo dục Hiệp hội TBGD VN
19	Nâng cao chất lượng đội ngũ tổ trưởng chuyên môn ở các trường trung học phổ thông tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Nguyễn Văn Đệ Bùi Thị Ngọc Xuân	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
20	Thực trạng và biện pháp nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho giáo viên ở các trường trung cấp chuyên nghiệp ở thành phố Cần Thơ	Nguyễn Văn Đệ Lê Thanh Nghị	Tạp chí KHGD Viện KHGD VN
21	Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý các trường tiểu học huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	Nguyễn Văn Đệ Nguyễn Thanh Sang	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
22	Biện pháp nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên Tiếng Anh trung học phổ thông ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Nguyễn Văn Đệ Phạm Thị Toàn	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
23	Discussion on the teacher training competencies in universities/faculties of education in Mekong delta region	Nguyễn Văn Đệ	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
24	Bàn về hoạt động bồi dưỡng đội ngũ giáo viên phổ thông ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục	Nguyễn Văn Đệ Lê Kim Oanh	Khoa học giáo dục Viện KHGD VN
25	Biện pháp quản lý công tác giáo dục đạo đức học sinh ở	Nguyễn Văn Đệ Phạm Đình Tân	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp

TT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định		
26	Phát triển đội ngũ giáo viên dạy tiếng Khmer ở các trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang	Nguyễn Văn Đệ Châu Quỳnh Dao	Khoa học giáo dục Viện KHGD VN
27	Phát triển đội ngũ giáo viên trung học phổ thông đáp ứng chuẩn nghề nghiệp ở huyện đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	Nguyễn Văn Đệ Nguyễn Ngọc Toàn	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
28	Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục ở các trường tiểu học huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	Nguyễn Văn Đệ Nguyễn Tùng Lâm	Giáo dục và Xã hội HH các trường ĐH - CĐ NCL VN
29	Thực trạng và biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên trung học phổ thông ở huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang	Nguyễn Văn Đệ Nguyễn Văn Vũ	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
30	Đội ngũ giáo viên cốt cán trường phổ thông: sứ mệnh và hành động sư phạm	Phạm Minh Giản Đặng Quốc Bảo	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
31	Năng lực quản lý lãnh đạo của Hiệu trưởng trong bối cảnh đổi mới giáo dục	Phạm Minh Giản Đặng Quốc Bảo	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
32	Quán triệt lời dạy của Bác Hồ ở một số thời điểm lịch sử vào việc triển khai chiến lược giáo dục hiện nay	Phạm Minh Giản Đặng Quốc Bảo	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
33	Kinh nghiệm đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của một số nước trên thế giới và vận dụng ở Việt Nam	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh Phạm Minh Giản	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
34	Kinh nghiệm quốc tế về phát triển đội ngũ giáo viên và đề xuất vận dụng ở Việt Nam trong đổi mới giáo dục phổ thông sau năm 2015	Phạm Minh Giản Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	Khoa học giáo dục Viện KHGD VN
35	Một số góc nhìn về giáo dục	Đặng Quốc Bảo	Tạp chí Khoa học

TT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
	"đạo đức - pháp luật - lối sống/ nếp sống" cho thế hệ trẻ trong bối cảnh hiện nay	Phạm Minh Giản	Đại học Đồng Tháp
36	Thấm nhuần sáu lời dạy của Bác Hồ vào tổ chức dạy học ở nhà trường của đổi mới giáo dục	Phạm Minh Giản Đặng Quốc Bảo	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
37	Người hiệu trưởng kiến tạo văn hóa quản lý từ cảm hứng đối với mười hai bộ số hai	Phạm Minh Giản Đặng Quốc Bảo Phan Hồng Phúc	Khoa học giáo dục Viện KHGD VN
38	Mười hai lời dạy trong di sản giáo dục của Bác Hồ và sự nghiệp đổi mới giáo dục	Phạm Minh Giản Đặng Quốc Bảo Tăng Thái Thuỵ Ngân Tâm	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
39	Nghiên cứu chức năng và năng lực của hiệu trưởng trường trung học phổ thông trong giai đoạn hiện nay	Phạm Minh Giản Nguyễn Thị Tuyết Hạnh Phan Hồng Phúc	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
40	Nhà trường giáo dục thế hệ trẻ tình yêu, ý chí bảo vệ cương vực đất nước từ minh triết của tiền nhân	Đặng Quốc Bảo Phạm Minh Giản Tăng Thái Thụy Ngân Tâm	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
41	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh các trường trung học phổ thông huyện Trần Văn Thời: thực trạng và ý kiến đề xuất	Duyên Văn Hiền Phạm Minh Giản	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
42	Minh triết Hồ Chí Minh đối với hoạt động của người quản lý	Phạm Minh Giản Đặng Quốc Bảo	Khoa học giáo dục Viện KHGD VN
43	Mội số lời dạy của Bác Hồ cách đây 60 năm: năm Đinh Dậu - 1957	Phạm Minh Giản Đặng Quốc Bảo	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
44	Phạm Văn Đồng - nhà chính trị, giáo dục ưu tú của đất nước	Phạm Minh Giản Đặng Quốc Bảo Tăng Thái Thụy Ngân Tâm	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
45	Bác học và thận tư (học rộng và suy nghĩ cẩn thận) - hai điều cần thiết trong tu dưỡng của thế hệ trẻ	Phạm Minh Giản Đặng Thị Thu Liễu Đặng Quốc Bảo	Giáo dục và Xã hội HH các trường ĐH - CĐ NCL VN

TT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
46	Lựa chọn mô hình trong phát triển chuyên môn cho giáo viên phổ thông	Phạm Minh Giản Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
47	Bối cảnh và những yêu cầu cơ bản đối với người cán bộ quản lý trường trung học phổ thông trong giai đoạn hiện nay	Phạm Minh Giản Nguyễn Thị Tuyết Hạnh Đặng Thị Thu Liễu	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
48	Đổi mới kiểm tra - đánh giá trong dạy học	Phạm Minh Giản Phạm Minh Xuân Đặng Thị Thu Liễu	Thiết bị giáo dục Hiệp hội TBGD VN
49	Đọc nội dung "Hồ Chí Minh - Nhà giáo dục đi trước thời đại" của Trần Văn Nhung: những cộng hưởng và liên tưởng	Đặng Quốc Bảo Nguyễn Văn Đệ Phạm Minh Giản	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
50	Phát triển nguồn nhân lực khoa học giáo dục để hội nhập quốc tế: vấn đề cấp thiết hiện nay	Đặng Quốc Bảo Phạm Minh Giản Phạm Hữu Ngãi	Khoa học giáo dục Viện KHGD VN
51	Thực trạng và giải pháp phát triển đội ngũ cán bộ quản lý các trường trung học phổ thông tỉnh Đồng Tháp theo Chuẩn hiệu trưởng	Phạm Minh Giản Đặng Thị Thu Liễu Huỳnh Thanh Hùng	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
52	Biện pháp quản lý nâng cao hiệu quả sử dụng hệ thống hành chính điện tử ở Trường Đại học Đồng Tháp	Phạm Minh Giản Huỳnh Thiện Tân	Thiết bị giáo dục Hiệp hội TBGD VN
53	Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa Trường Đại học Đồng Tháp với sở giáo dục và đào tạo các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu long trong bồi dưỡng cán bộ quản lý trường phổ thông	Phạm Minh Giản Phạm Hữu Ngãi	Giáo dục và Xã hội HH các trường ĐH - CĐ NCL VN
54	Tiếp cận chuẩn hiệu trưởng: Cơ sở để phát triển đội ngũ cán bộ quản lý trường trung học phổ thông vùng Đồng bằng Sông Cửu Long	Phạm Minh Giản Phạm Hữu Ngãi	Khoa học giáo dục Viện KHGD VN
55	Biện pháp quản lý hoạt động	Cái Thị Lê Nương	Tạp chí Khoa học

TT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
	phong trào văn nghệ - thể dục thể thao sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp	Phạm Minh Giản	Đại học Đồng Tháp
56	Quản lý ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học tiếng Anh ở Trường Đại học Đồng Tháp	Cao Thị Thanh Nghĩa Phạm Minh Giản	Thiết bị giáo dục Hiệp hội TBGD VN
57	Bảy mươi năm tác phẩm "Sửa đổi lối làm việc" của Bác Hồ và thu hoạch/ liên tưởng vào đổi mới giáo dục	Đặng Quốc Bảo Phạm Minh Giản	Thiết bị giáo dục Hiệp hội TBGD VN
58	Bồi dưỡng phát triển năng lực cán bộ quản lý trường học	Đặng Quốc Bảo Phạm Minh Giản	Quản lý giáo dục Học viện QLGD
59	Minh triết "trồng người" của Hồ Chí Minh	Đặng Quốc Bảo Phạm Minh Giản Tăng Thái Thuỵ Ngân Tâm	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
60	Quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh Trường Trung cấp Phương Nam, Thành phố Hồ Chí Minh	Lê Thị Ngọc Mai Phạm Minh Giản	Giáo dục và Xã hội HH các trường ĐH - CĐ NCL VN
61	Quản lý minh triết và năng lực quản lý minh triết của cán bộ quản lý giáo dục	Đặng Quốc Bảo Phạm Minh Giản	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
62	Bác Hồ với cán bộ giáo dục	Đặng Quốc Bảo Phạm Minh Giản Tăng Thái Thụy Ngân Tâm	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
63	Phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên trường đại học theo chuẩn chức danh nghề nghiệp	Hồ Minh Quang Phạm Minh Giản	Thiết bị giáo dục Hiệp hội TBGD VN
64	Lý thuyết đa thông minh và đổi mới phương pháp dạy học ở bậc đại học	Trần Khánh Đức Phạm Hữu Ngãi	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
65	Quản lý bồi dưỡng năng lực tư vấn cho cố vấn học tập của khoa ở trường Đại học Đồng Tháp	Trần Thanh Thúy Phạm Hữu Ngãi	Thiết bị giáo dục Hiệp hội TBGD VN

TT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
66	Understandings of higher education curriculum in Vietnam	Phan Ngọc Thạch Lupton Mandy Watters James J.	Higher Education Research & Development
67	Đánh giá nhu cầu đào tạo kỹ năng giao tiếp của sinh viên Khoa Sư phạm Trường Đại học Bạc Liêu	Đào Hoàng Nam	Tạp chí Tâm lý học xã hội Hội Tâm lý học xã hội Việt Nam
68	Đào tạo nguồn nhân lực cho sân khấu truyền thống Khmer Nam Bộ	Đào Hoàng Nam	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
69	Kinh nghiệm đào tạo hệ đại học theo phương thức giáo dục thường xuyên ở một số nước	Đào Hoàng Nam	Giáo dục và Xã hội HH các trường ĐH - CĐ NCL VN
70	Nâng cao hiệu quả đào tạo cho Ban Chủ nhiệm hợp tác xã ở tỉnh Bạc Liêu	Đào Hoàng Nam	Giáo dục và Xã hội HH các trường ĐH - CĐ NCL VN
71	Một số hình thức tổ chức bồi dưỡng năng lực hoạt động giáo dục ở trường Phổ thông cho SV sư phạm	Huỳnh Mộng Tuyền Nguyễn Thị Thu Huyền	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
72	Trả lời câu hỏi trong quá trình học tập của sinh viên ngành giáo dục tiểu học Trường Đại học Đồng Tháp	Huỳnh Mộng Tuyền Trần Trung Hiếu	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
73	Thực trạng giáo dục phương pháp đọc sách qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh lớp 3, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn Thị Thanh Trang Huỳnh Mộng Tuyền	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
74	Giáo dục kỹ năng lắng nghe cho học sinh thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp ở trường tiểu học huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang	Huỳnh Mộng Tuyền Lê Thị Nữa	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
75	Phương pháp thu thập và xử lý thông tin học tập của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Đồng Tháp	Huỳnh Mộng Tuyền Nguyễn Thị Phượng	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
76	Đặt và trả lời câu hỏi học tập của sinh viên ngành giáo dục	Huỳnh Mộng Tuyền Trần Trung Hiếu	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT

TT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
	tiểu học Trường Đại học Đồng Tháp		
77	Đổi mới phương pháp học của sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp	Huỳnh Mộng Tuyền	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
78	Thực trạng bồi dưỡng phương pháp học cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp	Huỳnh Mộng Tuyền	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
79	Xây dựng phương pháp học cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp	Huỳnh Mộng Tuyền	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
80	Quản lý hoạt động bồi dưỡng phương pháp dạy học cho giáo viên của hiệu trưởng trường trung học cơ sở huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	Huỳnh Mộng Tuyền Nguyễn Minh Nhật	Giáo dục và Xã hội HH các trường ĐH - CĐ NCL VN
81	Quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp của Hiệu trưởng Trường THCS huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Huỳnh Mộng Tuyền Nguyễn Minh Tùng	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
82	Quản lý quá trình tự học của sinh viên sư phạm Trường Đại học Đồng Tháp	Huỳnh Mộng Tuyền Nguyễn Quốc Thanh	Giáo dục và Xã hội HH các trường ĐH - CĐ NCL VN
83	Quản lý phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp của Hiệu trưởng ở một số trường trung học cơ sở huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	Huỳnh Mộng Tuyền Nguyễn Sáng Kiến	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
84	Phương pháp Hồ Chí Minh	Huỳnh Mộng Tuyền	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
85	Quản lý thiết bị dạy học của Hiệu trưởng các trường Trung học phổ thông huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn Hồng Phong Huỳnh Mộng Tuyền	Giáo dục và Xã hội HH các trường ĐH - CĐ NCL VN
86	Đặt giả thuyết cho đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục	Huỳnh Mộng Tuyền	Khoa học giáo dục Viện KHGD VN
87	Một số biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Đại học Đồng Tháp trong giai đoạn hiện nay	Nguyễn Dương Hoàng	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT

TT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
88	Phát triển năng lực tự học cho sinh viên - yêu cầu cấp bách trong đổi mới đào tạo ở các trường ĐHSP	Nguyễn Dương Hoàng	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
89	Xây dựng và phát triển chương trình bộ môn PPDH Toán tại Trường Đại học Đồng Tháp	Nguyễn Dương Hoàng	Khoa học giáo dục Viện KHGD VN
90	Rèn luyện năng lực liên tưởng và huy động kiến thức cho học sinh trong dạy học giải toán bất đẳng thức	Nguyễn Dương Hoàng Nguyễn Minh Phương	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
91	Dạy học định lý hình học với sự hỗ trợ của phần mềm GEOSPACE	Nguyễn Dương Hoàng	Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP Hà Nội
92	Định hướng vận dụng phương pháp khám phá - tìm tòi trong dạy học toán trung học cơ sở	Nguyễn Dương Hoàng	Tạp chí KHGD Viện KHGD VN
93	Phát triển khả năng khám phá cho học sinh trong dạy học Toán ở trường trung học cơ sở	Nguyễn Dương Hoàng	Toán học trong Nhà trường Hội Giảng dạy Toán học Phổ thông
94	Rèn luyện các thao tác tư duy trong dạy toán chủ đề đường tròn cho học sinh lớp 9	Nguyễn Dương Hoàng	Toán học trong Nhà trường Hội Giảng dạy Toán học Phổ thông
95	Bồi dưỡng năng lực dạy phương trình vô tỉ cho học sinh thông qua việc phân tích hình thức bài toán	Nguyễn Dương Hoàng Khổng Hồ Thu Anh	Toán học trong Nhà trường Hội Giảng dạy Toán học Phổ thông
96	Một số biện pháp phát triển năng lực suy luận cho học sinh trong dạy học số học lớp 5	Nguyễn Dương Hoàng Nguyễn Xuân Trường	Toán học trong Nhà trường Hội Giảng dạy Toán học Phổ thông
97	Rèn luyện tư duy logic thông qua dạy học các yếu tố hình học toán lớp 3	Nguyễn Dương Hoàng Nguyễn Thị Mai	Thiết bị giáo dục Hiệp hội TBGD VN
98	Bồi dưỡng năng lực phân tích tìm cách giải bài toán thông qua phân tích và sửa chữa sai lầm của học sinh	Nguyễn Dương Hoàng Nguyễn Thị Xuân Mai	Thiết bị giáo dục Hiệp hội TBGD VN

TT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
99	Sử dụng mô hình, vật thật hỗ trợ hoạt động dạy học Toán lớp 2	Nguyễn Dương Hoàng Nguyễn Văn Hường	Giáo dục và Xã hội HH các trường ĐH - CĐ NCL VN
100	Sử dụng phần mềm Maple hỗ trợ dạy học chủ đề phương pháp tọa độ trong mặt phẳng	Nguyễn Dương Hoàng Nguyễn Văn Nghĩa	Giáo dục và Xã hội HH các trường ĐH - CĐ NCL VN
101	Vận dụng phương pháp tọa độ vào giải toán hình học không gian ở trường trung học phổ thông	Nguyễn Dương Hoàng Trần Minh Lớn	Thiết bị giáo dục Hiệp hội TBGD VN
102	Vận dụng lý thuyết kiến tạo vào dạy học khái niệm số, chương trình toán lớp 2	Nguyễn Dương Hoàng Trương Thị Thiên Kim	Thiết bị giáo dục Hiệp hội TBGD VN
103	Khai thác các yếu lịch sử toán trong dạy và học toán ở trường phổ thông	Nguyễn Dương Hoàng Võ Anh Thư	Thiết bị giáo dục Hiệp hội TBGD VN
104	Rèn luyện năng lực tự học cho học sinh trong dạy học Toán 10	Nguyễn Dương Hoàng Võ Thanh Hùng	Giáo dục và Xã hội HH các trường ĐH - CĐ NCL VN
105	Sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông hỗ trợ quá trình tự học toán cho học sinh	Nguyễn Dương Hoàng Võ Thanh Hùng	Thiết bị giáo dục Hiệp hội TBGD VN
106	Một số biện pháp bồi dưỡng năng lực phân tích tìm tòi lời giải bài toán cho học sinh thông qua dạy học giải bài tập chủ đề phương pháp tọa độ trong mặt phẳng - Hình học 10	Nguyễn Thị Xuân Mai Nguyễn Dương Hoàng	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
107	Rèn luyện các thao tác tư duy cho học sinh trong dạy học giải toán chủ đề đường tròn (toán 9)	Nguyễn Dương Hoàng	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
108	Rèn luyện tư duy logic và ngôn ngữ toán học cho học sinh trong dạy học hình học ở trường trung học cơ sở	Nguyễn Dương Hoàng	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
109	Constructivist teaching in Viet Nam mathematics classes: A case study of	Nguyễn Dương Hoàng Nguyễn Tiến Trung	The European Journal of education and applied

TT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
	teaching equations of straight lines in the plane (geometry grade 10th - high school, Viet Nam)	Hoàng Ngọc Anh	Psychology
110	Những nội dung cần đổi mới trong đánh giá kết quả giáo dục ở trường phổ thông hiện nay	Phạm Văn Khanh	Tạp chí Khoa học Đại học Sài Gòn
111	Trí tuệ cảm xúc của sinh viên ĐHSP	Phan Trọng Nam	Khoa học giáo dục Viện KHGD VN
112	Nâng cao năng lực đánh giá kết quả học tập của sinh viên đối với giảng viên sư phạm trước yêu cầu đổi mới giáo dục	Phan Trọng Nam	Thiết bị giáo dục Hiệp hội TBGD VN
113	Nâng cao hiệu quả quản lý của tổ trưởng chuyên môn các trường THPT ở huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	Phan Trọng Nam Phạm Văn Sơn	Thiết bị giáo dục Hiệp hội TBGD VN
114	Quản lý hoạt động dạy học của hiệu trưởng các trường tiểu học ở huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	Phan Trọng Nam Trần Nhật Thanh	Thiết bị giáo dục Hiệp hội TBGD VN
115	Nâng cao chất lượng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp ba Trường Tiểu học Kim Đồng, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Phan Trọng Nam Võ Thị Yến Thu	Thiết bị giáo dục Hiệp hội TBGD VN
116	Phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên sư phạm - tiền đề nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giáo viên trung học phổ thông	Phan Trọng Nam Danh Trung	Khoa học giáo dục Viện KHGD VN
117	Xây dựng câu lạc bộ sinh viên nghiên cứu khoa học: Biện pháp phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên sư phạm Trường Đại học Đồng Tháp	Phan Trọng Nam Danh Trung	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
118	Giải pháp phát triển đội ngũ	Phan Trọng Nam	Thiết bị giáo dục

TT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
	giảng viên Trường Cao đăng Nghề Vĩnh Long	Đoàn Thị Băng Tuyết	Hiệp hội TBGD VN
119	Mức độ chuẩn nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên trung học cơ sở thành phố Vị Thanh tỉnh Hậu Giang	Phan Trọng Nam Hình Huỳnh Hồng Vũ	Thiết bị giáo dục Hiệp hội TBGD VN
120	Quản lý hoạt động bồi dưỡng giáo viên trung học phổ thông tỉnh Sóc Trăng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục	Phan Trọng Nam Ngô Nhàn Hạ	Thiết bị giáo dục Hiệp hội TBGD VN
121	Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của các cơ sở giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục	Phan Trọng Nam Ngô Nhàn Hạ	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
122	Nâng cao chất lượng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 5 Trường Tiểu học Nguyễn Chí Thanh, thành phố Rách Giá, tỉnh Kiên Giang qua hoạt động dạy học	Phan Trọng Nam Nguyễn Ngọc Hân	Giáo dục và Xã hội HH các trường ĐH - CĐ NCL VN
123	Hoàn thiện quy trình đánh giá hiệu trưởng trường trung học phổ thông theo chuẩn hiệu trưởng	Phan Trọng Nam Lê Thị Mỹ Dung	Thiết bị giáo dục Hiệp hội TBGD VN
124	Quản lý hoạt động giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu cho học sinh trung học cơ sở huyện Cờ Đỏ, Cần Thơ	Phan Trọng Nam Nguyễn Thanh Hưng	Thiết bị giáo dục Hiệp hội TBGD VN
125	Xây dựng chuẩn hiệu trưởng trường phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục	Phan Trọng Nam Trần Dũng Trí Nhân	Giáo dục và Xã hội HH các trường ĐH - CĐ NCL VN
126	Quản lý hoạt động đánh giá cán bộ quản lý trường trung học phổ thông tỉnh Sóc Trăng theo chuẩn hiệu trưởng	Phan Trọng Nam Trần Minh Thuận	Thiết bị giáo dục Hiệp hội TBGD VN
127	Hình thành và phát triển kỹ năng sư phạm cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường Đại học Đồng Tháp	Nguyễn Văn Bản	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
128	Phát huy truyền thống sư phạm trong đào tạo giáo viên	Nguyễn Văn Bản	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp

TT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
	nhằm thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo		
129	Biện pháp bồi dưỡng kỹ năng mềm cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Đồng Tháp thông qua dạy học bộ môn Tiếng việt - Văn học và Phương pháp dạy học	Nguyễn Văn Bản	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
130	Biện pháp nâng cao chất lượng bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục của Trường Đại học Đồng Tháp, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non và phổ thông trong giai đoạn mới	Nguyễn Văn Bản	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
131	Trường Đại học Đồng Tháp tiếp tục phát huy hiệu quả đào tạo giáo viên tiểu học để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông	Nguyễn Văn Bản	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
132	Phát triển năng lực đánh giá cho giáo viên tiểu học trong đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt của học sinh theo hướng tiếp cận năng lực	Nguyễn Văn Bản	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
133	Rèn luyện kỹ năng dạy học cho sinh viên ngành sư phạm toán học trong giai đoạn dạy học theo hệ thống tín chỉ	Lê Xuân Trường	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
134	Bồi dưỡng năng lực giải toán số học cho sinh viên thông qua dạy học môn số học ở trường sư phạm.	Lê Xuân Trường	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
135	Rèn luyện năng lực diễn đạt các dạng ngôn ngữ cho SV ngành SP Toán học thông qua dạy học phân môn PPDH Toán	Lê Xuân Trường	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
136	Một số biện pháp đánh giá	Lê Xuân Trường	Tạp chí Khoa học

TT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
	kết quả học tập của sinh viên theo hướng tiếp cận năng lực thông qua dạy học môn Phương pháp dạy học toán tại Trường Đại học Đồng Tháp		Đại học Đồng Tháp
137	Một số biện pháp bồi dưỡng cho sinh viên sư phạm năng lực vận dụng lý thuyết hoạt động trong dạy học môn Toán ở trường phổ thông	Lê Xuân Trường	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
138	Một số hướng khai thác bài toán trong dạy học môn toán ở trường phổ thông	Lê Xuân Trường	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
139	Tích hợp giáo dục biến đổi khí hậu trong dạy học môn Tự nhiên Xã hội ngành giáo dục Tiểu học	Dương Huy Cẩn	Thiết bị giáo dục Hiệp hội TBGD VN
140	Dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh trong các môn học về TN-XH ở tiểu học	Dương Huy Cẩn	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
141	Dạy học tích hợp các bài học trong môn Khoa học ở tiểu học	Dương Huy Cẩn	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
142	Sử dụng sách giáo khoa Hóa học phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực học sinh	Dương Huy Cẩn	Thiết bị giáo dục Hiệp hội TBGD VN
143	Giáo dục hành vi bảo vệ môi trường cho học sinh tiểu học thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp	Dương Huy Cẩn Nguyễn Thị Yến Oanh	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
144	Giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh trong môn Tự nhiên và Xã hội thông qua sử dụng các kỹ thuật dạy học	Dương Huy Cẩn Nguyễn Việt Hương	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
145	Thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non khu vực đồng bằng sông Cửu Long	Dương Huy Cẩn Lê Thị Thanh Sang Lê Duy Cường	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
146	Phát triển năng lực học sinh	Dương Huy Cẩn	Tạp chí Khoa học

TT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
	thông qua việc sử dụng phương tiện dạy học trong chương trình Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học	Ngô Minh Thành	Đại học Đồng Tháp
147	Giải pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành giáo dục mầm non khu vực đồng bằng sông Cửu Long	Dương Huy Cẩn Võ Thị Lan	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
148	Vận dụng lý thuyết dạy học theo góc trong các bài học môn Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học	Dương Huy Cẩn	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT
149	Vận dụng lý thuyết đa trí tuệ tổ chức dạy học bài Tự nhiên - Xã hội bằng sơ đồ tư duy	Dương Huy Cẩn	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
150	Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non, Trường Đại học Đồng Tháp	Dương Huy Cẩn Lê Hồng Cẩm Tú	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
151	Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non thông qua hoạt động thực tiễn	Dương Huy Cẩn Võ Thị Bích Vân	Giáo dục và Xã hội HH các trường ĐH - CĐ NCL VN
152	Phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học	Dương Huy Cẩn Lê Duy Cường	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
153	Phần phụ chú trong văn bản tiếng Anh	Đỗ Minh Hùng	Ngôn ngữ Viện Ngôn ngữ học
154	Để tránh lặp lại từ ngữ trong viết bài luận tiếng Anh của sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp	Đỗ Minh Hùng	Ngôn ngữ & Đời sống Hội Ngôn ngữ học VN
155	Improving Vietnamese Students' English essay writing at Dong Thap University	Đỗ Minh Hùng	Asian Journal of Educational and E-Learning
156	Enhancing high school EFL students' ability to make English suggestions via	Đỗ Minh Hùng Dang Kim Loan	Asian Journal of Humanities and Social Sciences

TT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
	explicit instruction		
157	Vietnamese EFL learners' reading comprehension affected via metacognitive strategy instruction	Đỗ Minh Hùng Nguyen Thi Phuong Thao	International Journal for Research in Education
158	Vietnamese learners' attention and use of cohesive devices in English essay writing at Dong Thap University	Đỗ Minh Hùng Vo Thi Anh Thu	Asian Journal of Educational Research
159	Nhân kỉ niệm 100 năm ngày sinh Joseph Harold Greenberg (1915 - 2015) điểm lại những đóng góp quan trọng của ông	Đỗ Minh Hùng	Ngôn ngữ Viện Ngôn ngữ học
160	Translation approach adopted by EFL majors at Dong Thap University	Đỗ Minh Hùng	International Journal of Humanities and Social Science Studies
161	Refining EFL students' ability to make lexical inferences in English reading tasks at Vietnamese high schools	Đỗ Minh Hùng Nguyen Bao Tu	Modern Research Studies: An International Journal of Humanities and Social Sciences
162	Investigating reading strategies used by EFL students at Dong Thap University	Đỗ Minh Hùng Võ Phan Thu Ngân	Asian Journal of Educational Research
163	Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc học tiếng Anh của học sinh khối lớp 11 Trường Trung học phổ thông Thành phố Cao Lãnh	Lê Thu Gương Đỗ Minh Hùng	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
164	Vietnamese Children's Retention of English Vocabulary Aspects via The Input-Based and Output-Based Instruction	Đỗ Minh Hùng Nguyễn Thị Ngọc	Modern Research Studies: An International Journal of Humanities and Social Sciences
165	Kỹ năng nghe của sinh viên năm thứ I chuyên ngành tiếng Anh, Trường ĐH Đồng Tháp: Khó khăn thường gặp và định	Đỗ Minh Hùng Đặng Hồng Vũ	Thiết bị giáo dục Hiệp hội TBGD VN

TT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
	hướng khắc phục		
166	Định hướng rèn luyện kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên khoa kinh tế, Trường Đại học Đồng Tháp	Đỗ Minh Hùng Nguyễn Thị Ngọc Lợi	Thiết bị giáo dục Hiệp hội TBGD VN
167	Efl teachers' perceptions and practices of question types in high school speaking classes	Đỗ Minh Hùng Huynh Thi Anh Ngoc	Modern Research Studies: An International Journal of Humanities and Social Sciences
168	Content lecturers' challenges in emi classroom	Đỗ Minh Hùng Le Thi Diem Lan	European Journal of English Language Teaching
169	Một vài ghi nhận về lớp từ vựng trong lời bình phóng sự trên Truyền hình Đồng Tháp 1	Đỗ Minh Hùng Võ Nguyễn Trọng Hưởng	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
170	Một số giải pháp cơ bản nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo hệ vừa làm vừa học ở khu vực ĐBSCL hiện nay	Lương Thanh Tân Phan Đức Tồn	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
171	Quan tâm bồi dưỡng giáo dục ý thức tự tôn dân tộc cho thanh niên hiện nay	Lương Thanh Tân Lê Văn Tùng	Cộng sản TƯ ĐCS VN
172	Đổi mới phương phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị tại Trường Đại học Đồng Tháp: thực trạng và giải pháp	Lương Thanh Tân	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
173	Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền miệng ở Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp hiện nay	Lương Thanh Tân Nguyễn Minh Phú	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
174	Một số vấn đề giáo dục đạo đức cho sinh viên hiện nay	Lương Thanh Tân	Thiết bị giáo dục Hiệp hội TBGD VN
175	Một cuốn sách ngày nay không còn được bàn luận: "Trần Đức Thảo, Jacques Derrida và Maurice Merleau-Ponty	Trần Quang Thái	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp

TT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
176	Đổi mới chương trình đào tạo ngành giáo dục chính trị tại Trường Đại học Đồng Tháp theo Nghị quyết 29 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI	Trần Quang Thái	Tạp chí Khoa học Trường ĐH Sài Gòn
177	Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về chính sách xã hội vào việc xây dựng chính sách xã hội ở nước ta hiện nay	Trần Quang Thái Nguyễn Công Lập	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp
178	Triết lý khoa học của Paul Feyerabend	Trần Quang Thái	Khoa học Trường ĐH Mở TPHCM

2.5. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Từ khi thành lập đến nay Trường Đại học Đồng Tháp rất quan tâm và không ngừng mở rộng mối quan hệ hợp tác với các trường đại học trên thế giới. Đặc biệt, trong giai đoạn 5 năm (2013 - 2018), hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường có nhiều chuyển biến và mang lại hiệu quả thiết thực, cụ thể:

2.5.1. Đào tạo sinh viên nước ngoài tại Trường Đại học Đồng Tháp

- Trường Đại học Đồng Tháp đã chính thức tiếp nhận và đào tạo 5 sinh viên người Campuchia đến học tập tại Trường;

- Nhà trường đã phối hợp với Trường Đại Walailak tổ chức bồi dưỡng Tiếng Việt nâng cao cho 10 sinh viên người Thái Lan;

- Bên cạnh đó, Nhà trường còn tiếp nhận nhiều sinh viên nước ngoài của Tổ chức Tình nguyện viên quốc tế tại Việt Nam (SJV) đến tham gia hoạt động tình nguyện tại Trường.

2.5.2. Đào tạo sinh viên tại các trường đại học nước ngoài

Trường Đại học Đồng Tháp phối hợp với Học viện Sư phạm Quảng Tây, Trung Quốc cử 33 sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường đi học và thực tập ngắn hạn tại Trung Quốc trong các năm 2011 và năm 2013; Nhà trường đã thành lập 08 đoàn thực tế đi học tập kinh nghiệm về quản lý giáo dục tại các cơ sở giáo dục của Singapore, Malaysia và Thái Lan;

Trường Đại học Đồng Tháp phối hợp với University of Hradec Kralove cử 06 sinh viên của Trường đi đào tạo tại Cộng hòa Séc (Czech).

2.5.3. Các hoạt động liên kết đào tạo và bồi dưỡng giảng viên

Trường Đại học Đồng Tháp đã tiến hành ký kết các thỏa thuận hợp tác với nhiều trường đại học trên thế giới, cụ thể:

- Trường Đại học Kiến trúc và Xây dựng dân dụng quốc gia Voronezh, Liên bang Nga;

- Trường Đại học Khoa học ứng dụng và Nghệ thuật (CASA), Trường Đại học San José State, Hoa Kỳ. Thông qua hoạt động này nhiều giảng hoạt động hội thảo nâng cao chất lượng đào tạo và bồi dưỡng giảng viên cho Trường Đại học Đồng Tháp đã được triển khai;

- Trường Đại học Miyagi, Nhật Bản;

- Trường Đại học Stenden, Hà Lan.

2.5.4. Các hoạt động hợp tác về khoa học và công nghệ

- Trường Đại học Đồng Tháp phối hợp với Trường Đại học Sydney triển khai Đề án "Cải tiến hoạt động bồi dưỡng tại các nước Đông Nam Á" và tổ chức hội thảo khoa học quốc tế "Cải tiến hoạt động bồi dưỡng tại các nước Đông Nam Á"; Nhà trường phố hợp với Trường Đại học San José State tổ chức Hội thảo khoa học "Nghiên cứu và đào tạo Công tác xã hội theo chuẩn đầu ra";

- Trường Đại học Đồng Tháp cùng phối hợp với các doanh nghiệp của Hà Lan triển khai Đề án thành lập Học viện đào tạo và thực nghiệm, hỗ trợ sự phát triển ngành nông sản tại Việt Nam;

- Nhà trường đã cử nhiều giảng viên tham dự và báo cáo tham luận tại các hội thảo khoa học quốc tế do các trường đại học trên thế giới tổ chức, cụ thể:

+ Quản lý giáo dục đáp ứng chuẩn về học thuật trong khối ASEAN tại Thái Lan;

+ Phần mềm miễn phí và mã nguồn mở trong lĩnh vực Địa tin học khu vực Châu Á - FOSS4G - ASIA tại Thái Lan;

+ Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Kỹ thuật và Năng lượng tại Thái Lan;

+ Xây dựng các kỹ năng về sự hợp tác và linh động trong dạy và học Tiếng Anh tại Capuchia;

+ Ngôn ngữ học và Tri thức SILK tại Thái Lan;

+ Tiếng Anh chuyên ngành, chương trình Hạ vùng Mekong, tạo lập tính bền vững: Bước tiến sử dụng Anh ngữ chuyên nghiệp tại Thái Lan;

+ Nghiên cứu giáo dục để phát triển cộng đồng tại Thái Lan;

+ Chuyên đề nghiên cứu trong khu vực tại Campuchia;

+ Diễn đàn và triển lãm giáo dục Trung Quốc - ASEAN 2015, tại Trung Quốc.

- Từ năm 2017, Trường Đại học Đồng Tháp đã được Cơ quan Phát triển Bỉ tài trợ kinh phí thực hiện dự án: "Tăng cường năng lực chuyên môn và lãnh đạo của đội ngũ giảng viên Trường Đại học Đồng Tháp".

PHẦN 3: CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

3.1. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1.1. Thông tin về chuyên ngành đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo

+ Tiếng Việt: Quản lý giáo dục

+ Tiếng Anh: Education Management

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 9.14.01.14

- Trình độ đào tạo: Tiến sỹ

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp

+ Tiếng Việt: Tiến sỹ ngành Quản lý giáo dục

+ Tiếng Anh: Doctor of Education Management

- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Đồng Tháp

3.1.2. Căn cứ xây dựng chương trình

Chương trình đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục của Trường Đại học Đồng Tháp được xây dựng dựa trên những căn cứ sau:

- Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25 thàng 11 năm 2012;

- Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

- Nghị định 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục đại học ;

- Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

- Thông tư số 08/2013/TT-BGDĐT ngày 08/3/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình môn Triết học khối không chuyên ngành Triết học trình độ đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ;

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ;

- Căn cứ Công văn số 328/BGDĐT-GDĐH ngày 30/6/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức thực hiện một số nội dung liên quan đến thẩm định chương trình đào tạo theo quy định của thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sỹ;

- Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sỹ, trình độ tiến sỹ;

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về danh mục đào tạo cấp IV trình độ đại học;

- Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về danh mục đào tạo cấp IV trình độ thạc sỹ, tiến sỹ;

- Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực có trình độ tiến sỹ trong lĩnh vực quản lý giáo dục của tỉnh Đồng Tháp và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long;

- Năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học về khoa học giáo dục của đội ngũ giảng viên Trường Đại học Đồng Tháp;

- Căn cứ vào nghị quyết 03/QN-HĐT của Hội đồng trường Đại học Đồng Tháp về định hướng mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sỹ, trình độ tiến sỹ ngày 01/5/2017;

- Chương trình đào tạo trình độ cử nhân, thạc sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục của Trường Đại học Đồng Tháp;

- Chương trình đào tạo tiến sỹ Quản lý giáo dục của các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài.

3.1.3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

3.1.3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo tiến sỹ trình độ cao về lý thuyết và thực hành, có năng lực nghiên cứu độc lập sáng tạo, phát hiện và giải quyết những vấn đề mới về khoa học, công nghệ, hướng dẫn nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn, chuyên sâu trong lĩnh vực Quản lý giáo dục.

3.1.3.2. Mục tiêu cụ thể

Người học phải đạt được các yêu cầu sau đây:

- Có được phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu và khả năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa Mác -Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lý giáo dục; có kiến

thức chuyên sâu, hiện đại về khoa học giáo dục nói chung và kiến thức chuyên ngành Quản lý giáo dục nói riêng, các lĩnh vực trong quản lý giáo dục;

- Nâng cao khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề mới trong giáo dục và quản lý giáo dục, các vấn đề thực tiễn trong đời sống kinh tế - xã hội của đất nước;

- Nâng cao năng lực giảng dạy ở trình độ thạc sỹ, năng lực hướng dẫn nghiên cứu các đề tài cho sinh viên và học viên cao học.

3.1.3.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Người tốt nghiệp tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục phải đạt được các kiến thức và kỹ năng dưới đây:

a) Về kiến thức

- Có được những kiến thức chuyên sâu, hiện đại về giáo dục học, về khoa học quản lý nói chung, và quản lý giáo dục nói riêng, về những vấn đề kinh tế học giáo dục, kiến thức chuyên sâu chuyên ngành hẹp và kỹ năng về quản lý giáo dục;

- Phân tích được một số lý thuyết quản lý hiện đại trong khoa học quản lý;

- Vận dụng thành thục những kiến thức về quản lý nguồn nhân lực, quản lý chất lượng, quản lý chương trình giáo dục, chương trình đào tạo; xây dựng và tổ chức văn hóa nhà trường; vận dụng sáng tạo lý luận quản lý giáo dục vào trong thực tiễn;

- Nâng cao phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục nói chung và khoa học quản lý giáo dục nói riêng;

- Khả năng phân tích, tổng hợp và đánh giá các công trình nghiên cứu khoa học liên quan đến chuyên ngành Quản lý giáo dục;

- Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương trình độ B2 theo khung tham chiếu Châu Âu.

b) Về kỹ năng

Người học đạt được các kỹ năng:

- Kỹ năng vận dụng những kiến thức về khoa học giáo dục và quản lý giáo dục vào quản lý các cơ sở giáo dục và các hoạt động giáo dục, sư phạm;

- Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra các hoạt động giáo dục như một chuyên gia trong lĩnh vực quản lý giáo dục;

- Kỹ năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, hướng dẫn nghiên cứu khoa học giáo dục và khoa học quản lý giáo dục;

- Kỹ năng tư duy phê phán, sáng tạo trong thực tiễn quản lý giáo dục;

- Kỹ năng xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo, chương trình giảng dạy ở trường đại học, cao đẳng, phổ thông;

- Kỹ năng ứng dụng được công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong quản lý giáo dục, nhà trường;

- Kỹ năng làm việc theo đội, nhóm; kỹ năng hợp tác với đồng nghiệp.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, tiến sỹ Quản lý giáo dục có thể:

- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế;

- Có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể; có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn;

- Đảm nhiệm tốt các công tác tại các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở đào tạo, các cơ quan quản lý văn hóa và các tổ chức xã hội khác;

- Đảm nhiệm được công tác quản lý từ cấp tổ bộ môn, khoa, phòng, ban chức năng trong các cơ sở giáo dục;

- Giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục và viện nghiên cứu khoa học giáo dục; Viện nghiên cứu xã hội nhân văn;

- Tham gia thiết kế, triển khai và quản lý các dự án giáo dục.

d) Về phẩm chất đạo đức

- Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành yêu nghề, trung thực trong chuyên môn và trong cuộc sống;

- Ứng xử và giao tiếp theo những tiêu chuẩn của quản lý giáo dục;

- Có tác phong làm việc khoa học và tính chuyên nghiệp trong giải quyết vấn đề về quản lý nhà trường và nghiên cứu khoa học;

- Thích ứng với sự thay đổi của kinh tế - xã hội, các yêu cầu của đổi mới giáo dục, đổi mới quản lý nhà trường, quản lý chương trình giáo dục và quản lý các hoạt động giáo dục;

- Tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội.

3.1.4. Khung chương trình đào tạo

3.1.4.1. Danh mục ngành đúng, ngành gần với chuyên ngành Quản lý giáo dục

Căn cứ Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học, Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDDT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trường Bộ Giáo dục và Đào tạo; Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sỹ, tiến sỹ, Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10

tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngành đúng, ngành gần với chuyên ngành Quản lý giáo dục được quy định trong bảng 3.1.

Bảng 3.1. Quy định ngành đúng, ngành gần với chuyên ngành Quản lý giáo dục

TT	Trình độ	Ngành đúng (tên, ngành, mã số)	Ngành gần	
			Tên ngành	Mã số
1	Thạc sỹ	Quản lý giáo dục (8140114)	Giáo dục học	8140101
			Đo lường và đánh giá trong giáo dục	8140115
			Giáo dục quốc tế và so sánh	8140117
			Giáo dục đặc biệt	8140118
			Lý luận và phương pháp dạy học	8140110
			Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	8140111
2	Cử nhân	Quản lý giáo dục (7140114)		

3.1.4.2. Khung chương trình đào tạo, khối lượng kiến thức toàn khóa

Chương trình đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục giúp nghiên cứu sinh hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức cơ sở ngành, có hiểu biết sâu về kiến thức chuyên ngành Quản lý giáo dục; có hiểu biết rộng về giáo dục học, các ngành liên quan; hỗ trợ nghiên cứu sinh rèn luyện khả năng nghiên cứu, khả năng phát hiện vấn đề và độc lập giải quyết vấn đề có ý nghĩa trong lĩnh vực Giáo dục, Quản lý giáo dục, khả năng thực hành cần thiết. Nội dung chương trình hỗ trợ nghiên cứu sinh tự học những kiến thức nền tảng, vững chắc về các học thuyết và lý luận Quản lý giáo dục, chuyên ngành hẹp của Quản lý giáo dục; các kiến thức có tính ứng dụng của Quản lý giáo dục; phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu và có kỹ năng tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học, phương pháp viết các bài báo khoa học và trình bày các kết quả nghiên cứu trước các nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế.

Chương trình gồm có 3 phần:

Phần 1: Các học phần bổ sung

Phần 2: Các học phần trình độ tiến sỹ, chuyên đề tiến sỹ và tiểu luận tổng quan.

Phần 3. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sỹ.

Tổng số tín chỉ trong chương trình đào tạo của 3 phần:

1. Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sỹ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **101**, trong đó:

- Các học phần, chuyên đề tiến sỹ, tiểu luận tổng quan: **21** tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học (không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo)
- Luận án tiến sỹ: **80** tín chỉ

2. Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sỹ chuyên ngành gần

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **119**, trong đó:

- Các học phần bổ sung kiến thức: **18** tín chỉ
- Các học phần, chuyên đề tiến sỹ, tiểu luận tổng quan: **21** tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học (không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo)
- Luận án tiến sỹ: **80** tín chỉ

3. Đối với nghiên cứu sinh có bằng đại học chuyên ngành quản lý giáo dục: phải hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo thạc sỹ và các nội dung của chương trình đào tạo tiến sỹ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **138**, trong đó:

- Khối kiến thức chung (bắt buộc): **04** tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở: **21** tín chỉ
- Khối kiến thức chuyên ngành: **12** tín chỉ
- Các học phần, chuyên đề tiến sỹ, tiểu luận tổng quan: **21** tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học (không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo)
- Luận án tiến sỹ: **80** tín chỉ

Bảng 3.2. Khung chương trình đào tạo, khối lượng kiến thức toàn khóa

Trình độ	Các học phần bổ sung	Các học phần tiến sỹ, tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sỹ	NCKH và	Tổng số tín

đầu vào	Bổ sung chương trình đại học		Bổ sung chương trình thạc sỹ		Các học phần tiến sỹ		Tiểu luận tổng quan		Các chuyên đề tiến sỹ		luận án (tín chỉ)	chỉ
	Số học phần	Số tín chỉ	Số học phần	Số tín chỉ	Số học phần	Số tín chỉ	Số học phần	Số tín chỉ	Số học phần	Số tín chỉ		
Thạc sỹ đúng chuyên ngành Quản lý giáo dục	0	0	0	0	4	12	1	3	3	6	80	101
Thạc sỹ gần chuyên ngành Quản lý giáo dục	0	0	6	18	4	12	1	3	3	6	80	119
Cử nhân đúng chuyên ngành Quản lý giáo dục	0	0	12	37	4	12	1	3	3	6	80	138

3.1.5. Phần 1: Các học phần bổ sung

3.1.5.1. Khối lượng học phần bổ sung

Nội dung, khối lượng bổ sung đối với trình độ đầu vào khác nhau sẽ khác nhau:

- Trình độ đầu vào là thạc sỹ đúng chuyên ngành Quản lý giáo dục: không cần học bổ sung;

- Trình độ đầu vào là thạc sỹ gần chuyên ngành Quản lý giáo dục: không cần học bổ sung chương trình đại học, chỉ học bổ sung các học phần cốt lõi ở chương trình thạc sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục;

- Trình độ đầu vào là cử nhân đúng chuyên ngành Quản lý giáo dục: không cần học bổ sung chương trình đại học; phải học bổ sung cơ bản toàn bộ chương trình thạc sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục;

- Khối lượng kiến thức bổ sung được mô tả trong bảng 3.3.

Bảng 3.3. Các học phần bổ sung đối với nghiên cứu sinh có đầu vào là thạc sỹ gần chuyên ngành Quản lý giáo dục và Cử nhân quản lý giáo dục

STT	Trình độ đầu vào	Khối lượng học bổ sung

		Học bổ sung chương trình đại học		Học bổ sung chương trình thạc sỹ		Tổng cộng	
		Số học phần	Số tín chỉ	Số học phần	Số tín chỉ	Số học phần	Số tín chỉ
1	Thạc sỹ gần chuyên ngành Quản lý giáo dục	0	0	6	18	6	18
2	Cử nhân đúng chuyên ngành Quản lý giáo dục	0	0	12	37	12	37

3.1.5.2. Các học phần bổ sung đối với nghiên cứu sinh có đầu vào là thạc sỹ gần chuyên ngành Quản lý giáo dục

- Nội dung bổ sung: Kiến thức bổ sung thuộc phần kiến thức kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành, bắt buộc học trong chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục.

- Khối lượng bổ sung 18 tín chỉ, trong đó:

+ Kiến thức cơ sở: 06 tín chi;

+ Kiến thức chuyên ngành: 12 tín chỉ

- Danh mục các học phần bổ sung được mô tả trong bảng 3.4.

Bảng 3.4. Các học phần bổ sung đối với nghiên cứu sinh có đầu vào là thạc sỹ gần chuyên ngành Quản lý giáo dục

Mã học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chi)		
Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, thuyết trình
Kiến thức cơ sở: bắt buộc 6 tín chỉ					
QGTC	540	Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục	3	2	1
QGPN	514	Phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục	3	2	1
Kiến thức chuyên ngành: bắt buộc 12 tín chỉ					

QGNN	515	Quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục	3	2	1
QGQL	552	Quản lý hoạt động sư phạm	3	2	1
QGDB	553	Dự báo giáo dục	3	2	1
QGCS	542	Chính sách và chiến lược phát triển	3	2	1

3.1.5.3. Các học phần bổ sung đối với nghiên cứu sinh có đầu vào là cử nhân đúng chuyên ngành Quản lý giáo dục

- Nội dung bổ sung: Kiến thức bổ sung thuộc phần kiến thức kiến thức chung, kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục.

- Khối lượng bổ sung 37 tín chỉ, trong đó:

+ Kiến thức chung: 04 tín chỉ;

+ Kiến thức cơ sở: 09 tín chỉ;

+ Kiến thức chuyên ngành: 24 tín chỉ.

- Danh mục các học phần bổ sung được mô tả trong bảng 3.5.

Bảng 3.5. Các học phần bổ sung đối với nghiên cứu sinh có đầu vào là cử nhân đúng chuyên ngành Quản lý giáo dục

Mã học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chi)		
Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, thuyết trình
Kiến thức chung: bắt buộc 4 tín chỉ					
XHTH	501	Triết học	4		
Kiến thức cơ sở: 9 tín chỉ					
Bắt buộc: 6 tín chỉ					
QGLQ	540	Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục	3	2	1
QGPN	514	Phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục	3	2	1
Tự chọn: 3 tín chỉ					

QGTL	512	Tâm lý học quản lý, lãnh đạo	3	2	1
QGKT	531	Kinh tế học giáo dục	3	2	1
QGXH	532	Xã hội học giáo dục	3	2	1
Kiến thức chuyên ngành: 24 tín chỉ					
Bắt buộc: 12 tín chỉ					
QGNN	515	Quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục	3	2	1
QGQL	552	Quản lý hoạt động sư phạm	3	2	1
QGDB	553	Dự báo giáo dục	3	2	1
QGCS	542	Chính sách và chiến lược phát triển GD&ĐT	3	2	1
Tự chọn: 12 tín chỉ					
QGCT	516	Phát triển chương trình giáo dục	3	2	1
QGMT	541	Môi trường giáo dục và phát triển môi trường giáo dục	3	2	1
QGTH	513	Tổ chức, QLGD và trường học	3	2	1
QGTT	518	Thanh tra, kiểm tra và ĐG trong quản lý giáo dục	3	2	1
QGDA	559	Quản lý dự án giáo dục	3	2	1
QGKC	525	Kiểm định chất lượng giáo dục	3	2	1

3.1.6. Phần 2: Các học phần ở trình độ tiến sỹ, các chuyên đề tiến sỹ và tiểu luận tổng quan

3.1.6.1. Các học phần ở trình độ tiến sỹ

Các học phần ở trình độ tiến sỹ giúp nghiên cứu sinh cập nhật kiến thức mới trong lĩnh vực quản lý giáo dục; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng phương pháp nghiên cứu khoa học để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn trong quản lý giáo dục.

Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 4 học phần với khối lượng 12 tín chỉ thuộc trình độ tiến sỹ; trong đó: 3 học phần bắt buộc (09 tín chỉ) và 1 học phần

lựa chọn (03 tín chỉ).

Danh mục các học phần tiến sỹ được mô tả trong bảng 3.7.

Bảng 3.7. Các học phần trình độ tiến sỹ và tiểu luận tổng quan

Mã học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, thuyết trình
Bắt buộc: 9 tín chỉ					
TSQL	101	Vận dụng các tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục	3	2	1
TSQL	102	Triết lý giáo dục	3	2	1
TSQL	103	Chính sách phát triển giáo dục thời kỳ đổi mới giáo dục	3	2	1
Tự chọn: 3 tín chỉ					
TSQL	104	Triết học giáo dục Việt Nam	3	2	1
TSQL	105	Phát triển, quản lý chương trình giáo dục hiện đại	3	2	1
TSQL	106	Tạo động lực làm việc trong cơ sở giáo dục, đào tạo	3	2	1
TSQL	107	Lý luận quản lý, quản lý giáo dục	3	2	1
TSQL	108	Tầm nhìn và năng lực của nhà quản lý giáo dục	3	2	1
TSQL	109	Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục	3	2	1

3.1.6.2. Tiểu luận tổng quan

- Tiểu luận tổng quan về đề tài nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mất thiết đến đề tài luận án, nêu các vấn đề còn tồn tại, chỉ ra các vấn đề mà đề tài luận án đang tập trung nghiên cứu giải quyết.

- Tiểu luận tổng quan được nghiên cứu sinh thực hiện với sự hướng dẫn của người hướng dẫn khoa học: là một học phần đào tạo ở trình độ tiến sỹ, có khối lượng 3 tín chỉ.

3.1.6.3. Các chuyên đề tiến sỹ

Căn cứ vào hướng nghiên cứu và nội dung luận án, người hướng dẫn khoa học hướng dẫn nghiên cứu sinh chọn lựa, xác định các chuyên đề tiến sỹ cần thực hiện. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 3 chuyên đề tiến sỹ, mỗi chuyên đề có khối lượng 02 tín chỉ.

Chuyên đề tiến sỹ đòi hỏi nghiên cứu sinh tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của nghiên cứu sinh, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của đề tài luận án.

3.1.7. Phần 3: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sỹ

3.1.7.1. Nghiên cứu khoa học

Nghiên cứu khoa học là bắt buộc trong quá trình thực hiện luận án tiến sỹ. Đây là giai đoạn đặc thù trong quá trình nghiên cứu luận án. Yêu cầu nghiên cứu sinh đánh giá hiện trạng tri thức, giải pháp liên quan đến đề tài luận án, yêu cầu điều tra để bổ sung dữ liệu cần thiết, yêu cầu suy luận khoa học hoặc thiết kế giải pháp, thí nghiệm từ đó nghiên cứu sinh đạt đến tri thức mới hoặc giải pháp mới trong quan lý giáo dục. Đây là cơ sở quan trọng nhất để nghiên cứu sinh viết luận án.

Nội dung, quy mô nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sỹ quản lý giáo dục. Tùy theo tính chất của đề tài nghiên cứu mà cơ sở đào tạo và người hướng dẫn phải đầu tư đủ kinh phí và cơ sở vật chất thí nghiệm để nghiên cứu sinh tiến hành xong các nghiên cứu cần thiết. Nghiên cứu sinh phải đảm bảo tính trung thực, cần thiết, tính mới nhất của kết quả nghiên cứu khoa học của mình, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

Thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo trình độ tiến sỹ. Nếu vì lý do khách quan hay chủ quan mà nghiên cứu sinh chưa hoàn thành thì nghiên cứu sinh được đăng kí kéo dài thời gian nghiên cứu. Chi phí trong thời gian kéo dài do nghiên cứu sinh tự chịu hoặc do đơn vị cử đi học hỗ trợ.

3.1.7.2. Luận án tiến sỹ

Luận án tiến sỹ phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành khoa học hay thực tiễn kinh tế - xã hội.

Luận án tiến sỹ phải đáp ứng yêu cầu tại Điều 15, Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sỹ (Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Đề tài luận án phải được tiểu ban chuyên môn thông qua trong quy trình xét tuyển đào tạo trình độ tiến sỹ của Trường Đại học Đồng Tháp, được Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài và người hướng dẫn. Nghiên cứu sinh phải xây dựng kế hoạch nghiên cứu, báo cáo đề cương chi tiết trước tiểu ban xét duyệt đề cương. Trong thời gian thực hiện đề tài luận án, nghiên cứu sinh phải báo cáo kết quả nghiên cứu ít nhất 06 tháng 1 lần. Kết quả báo cáo là một trong những điều kiện xem xét đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án.

3.2. KẾ HOẠCH TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

3.2.1. Kế hoạch tuyển sinh

3.2.1.1. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển: đợt 1 vào tháng 5; đợt 2 vào tháng 10 hàng năm.

Việc xét tuyển nghiên cứu sinh được thực hiện bằng cách đánh giá hồ sơ chuyên môn của các ứng viên bằng hoạt động:

- Thành viên tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá, phân loại ứng viên thông qua hồ sơ dự tuyển theo thang điểm đánh giá hồ sơ chuyên môn của ứng viên dự xét tuyển nghiên cứu sinh.

- Ứng viên trình bày về vấn đề dự định nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước tiểu ban xét tuyển nghiên cứu sinh.

- Hội đồng tuyển sinh trường sẽ căn cứ vào hồ sơ đánh giá chuyên môn đối với ứng viên của tiểu ban chuyên môn và Quy chế đào tạo trình độ tiến sỹ hiện hành của Bộ GD&ĐT để ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

3.2.1.2. Đối tượng tuyển sinh

Những người hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, quản lý giáo dục và các lĩnh vực liên quan.

3.2.1.3. Dự kiến tuyển sinh trong 5 năm đầu

Trong 5 năm đầu (từ 2019 đến 2023) dự kiến mỗi năm tuyển từ 8 đến 12 nghiên cứu sinh.

3.2.1.4. Yêu cầu đối với người dự tuyển

Điều kiện đăng kí xét tuyển nghiên cứu sinh thực hiện theo Điều 5 của Quy chế đào tạo trình độ tiến sỹ ban hành theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015. Người dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sỹ Quản lý giáo dục cần có các điều kiện sau:

a. Về văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Quản lý giáo dục đạt loại giỏi; thạc sỹ đúng ngành Quản lý giáo dục.

- Có bằng tốt nghiệp thạc sỹ gần với chuyên ngành Quản lý giáo dục được đăng ký dự tuyển sau khi đã có chứng chỉ bổ sung kiến thức của Trường Đại học Đồng Tháp.

b. Về thâm niên công tác chuyên môn

- Đối với người có bằng thạc sỹ chuyên ngành đúng được đăng ký dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp thạc sỹ.

- Đối với người có bằng tốt nghiệp đại học thuộc chuyên ngành đúng và bằng thạc sỹ chuyên ngành gần phải có thâm niên công tác trong lĩnh vực quản lý ít nhất 01 năm kể từ ngày có quyết định bổ nhiệm.

- Đối với giảng viên ở các trường cao đẳng, đại học có bằng thạc sỹ chuyên ngành gần được dự tuyển khi có thâm niên công tác giảng dạy ít nhất là 5 năm.

c. Về tình trạng sức khỏe

Ứng viên phải có giấy xác nhận đủ sức khỏe để học tập và nghiên cứu theo quy định của cơ quan nhà nước về y tế.

d. Quy định về hồ sơ

- Người dự tuyển phải thuộc một trong các đối tượng sau:

+ Có bằng thạc sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục.

+ Có bằng thạc sỹ các chuyên ngành gần (Lý luận và Phương pháp dạy học; Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn (cụ thể); Tâm lý học; Giáo dục học), hiện đang là cán bộ quản lý giáo dục, đối tượng này phải được bổ túc kiến thức.

+ Có bằng tốt nghiệp cử nhân Quản lý giáo dục, loại giỏi trở lên.

- Yêu cầu đối với người dự tuyển: ngoài yêu cầu về bằng cấp như trên, người dự tuyển cần phải có các điều kiện sau:

+ Có 01 bài luận về hướng dự định nghiên cứu, trong đó trình bày đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, mục tiêu và mong muốn đạt được, kế hoạch thực hiện trong từng thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như sự chuẩn bị của người dự tuyển về vấn đề dự định nghiên cứu; dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp (nếu có) và đề xuất người hướng dẫn.

+ Có 02 thư giới thiệu của 02 nhà khoa học có chức danh khoa học như giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sỹ cùng chuyên ngành; hoặc 01 thư giới thiệu của 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sỹ cùng chuyên ngành và 01 thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của

người dự tuyển. Những người giới thiệu này cần có ít nhất 6 tháng công tác hoặc cùng hoạt động chuyên môn với người dự tuyển. Thư giới thiệu phải có nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

(1) Phẩm chất chính trị, đạo đức; đặc biệt là đạo đức nghề nghiệp;

(2) Năng lực hoạt động chuyên môn;

(3) Phương pháp làm việc;

(4) Khả năng nghiên cứu;

(5) Khả năng làm việc theo nhóm;

(6) Điểm mạnh và điểm yếu của người dự tuyển;

(7) Triển vọng phát triển về chuyên môn;

(8) Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu người dự tuyển làm nghiên cứu sinh.

+ Có chứng chỉ và bằng ngoại ngữ đạt yêu cầu theo qui định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

+ Có đủ sức khoẻ thể chất và tinh thần để học tập và nghiên cứu.

+ Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quy trình đào tạo của nhà trường.

3.2.1.5. Điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sỹ, Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ..

3.2.2. Kế hoạch đào tạo

3.2.2.1. Thời gian và hình thức đào tạo

- Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 35 Luật giáo dục đại học; điểm d, khoản 4, Điều 2 Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân; khoản 4, Điều 38 Luật Giáo dục, Trường quy định thời gian đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục:

+ Ba năm (kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh) đối với người có đầu vào là thạc sỹ;

+ Bốn năm (kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh) đối với người có đầu vào là cử nhân (bằng tốt nghiệp đại học).

- Nghiên cứu sinh được xác định hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu luận án đã được Hội đồng đánh giá cấp trường thông qua trong thời gian quy định nêu trên.

- Trong trường hợp đặc biệt, nghiên cứu sinh được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập:

+ Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho phép nghiên cứu sinh được rút ngắn thời gian học tập nếu nghiên cứu sinh hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo theo quy định.

+ Trong trường hợp nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, trước khi hết hạn, nghiên cứu sinh phải làm thủ tục xin gia hạn học tập. Thời gian gia hạn tối đa là 24 tháng. Trong thời gian này, nghiên cứu sinh phải theo học tập trung liên tục tại cơ sơ đào tạo.

Hết thời gian gia hạn, nếu luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thì Hiệu trưởng quyết định cho nghiên cứu sinh thôi học. Kết quả học tập của chương trình đào tạo trình độ tiến sỹ không được bảo lưu.

- Việc tổ chức đào tạo trình độ tiến sỹ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy, nghiên cứu sinh phải dành ít nhất 12 tháng theo học tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo trong giai đoạn 24 tháng đầu, kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

3.2.2.2. Khung thời gian thực hiện chương trình đào tạo

a. Đối với nghiên cứu sinh có đầu vào là thạc sỹ

Nghiên cứu sinh thực hiện nội dung công việc theo phân bố trong bảng 3.8. Đây là khung thời gian và các công việc cơ bản. Tùy điều kiện thực tế có thể điều chỉnh cho phù hợp.

Bảng 3.8. Khung thời gian thực hiện chương trình đào tạo đối với nghiên cứu sinh có đầu vào là thạc sỹ

Thời Gian	Nội dung công việc phải thực hiện	Ghi chú
Năm 1	Học và thi các học phần bổ sung chương trình thạc sỹ	Đối với nghiên cứu sinh có đầu vào thạc sỹ gần chuyên ngành
	Chính xác hóa tên đề tài	
	Học và thi các học phần tiến sỹ	
	Xây dựng đề cương chi tiết của luận án	

	Nghiên cứu tài liệu, viết, báo cáo tiểu luận tổng quan	
	Học và thi các chuyên đề tiến sỹ	Chuyên đề 1
	Đánh giá Đề cương chi tiết	
Năm 2	Xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài luận án	
	Học và thi các chuyên đề tiến sỹ	Chuyên đề 2
	Công bố kết quả nghiên cứu	Bài báo khoa học 1
	Xây dựng cơ sở thực tiễn cho đề tài luận án	
	Học và thi các chuyên đề tiến sỹ	Chuyên đề 3
	Công bố kết quả nghiên cứu	Bài báo khoa học 2
Năm 3	Công bố kết quả nghiên cứu	Bài báo khoa học 3
	Hoàn thiện luận án	
	Bảo vệ luận án cấp bộ môn, cấp trường	

b. Đối với nghiên cứu sinh có đầu vào là cử nhân

Nghiên cứu sinh thực hiện nội dung công việc theo phân bổ trong bảng 3.9. Đây là khung thời gian và các công việc cơ bản. Tùy điều kiện thực tế có thể điều chỉnh cho phù hợp.

Bảng 3.9. Khung thời gian thực hiện chương trình đào tạo đối với nghiên cứu sinh có đầu vào là cử nhân

(Năm 2, 3, 4 theo cấu trúc bên trên)

Thời gian	Nội dung công việc phải thực hiện	Ghi chú
Năm 1	Học và thi các học phần bổ sung	
Năm 2	Chính xác hóa tên đề tài	
	Học và thi các học phần tiến sỹ	
	Xây dựng đề cương chi tiết của luận án	
	Nghiên cứu tài liệu, viết, báo cáo tiểu luận tổng quan	

Năm 3	Xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài luận án	
	Học và thi các chuyên đề tiến sỹ	Chuyên đề 1
	Công bố kết quả nghiên cứu	Bài báo khoa học 1
	Xây dựng cơ sở thực tiễn cho đề tài luận án	
	Học và thi các chuyên đề tiến sỹ	Chuyên đề 2
	Công bố kết quả nghiên cứu	Bài báo khoa học 2
Năm 4	Học và thi các chuyên đề tiến sỹ	Chuyên đề 3
	Công bố kết quả nghiên cứu	Bài báo khoa học 3
	Hoàn thiện luận án	
	Bảo vệ luận án	

3.2.3. Kế hoạch đào tạo cụ thể

3.2.3.1. Đối với nghiên cứu sinh có đầu vào là thạc sỹ đúng chuyên ngành Quản lý giáo dục

Kế hoạch đào tạo cụ thể đối với nghiên cứu sinh có đầu vào là thạc sỹ đúng chuyên ngành Quản lý giáo dục mô tả trong bảng 3.10.

Bảng 3.10. Kế hoạch đào tạo đối với nghiên cứu sinh có đầu vào là thạc sỹ đúng chuyên ngành Quản lý giáo dục

Nội dung	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Thời gian thực hiện				Giảng viên phụ trách			
	Phần chữ	Phần số			1	2	3	4	Họ và tên	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ	Chức danh
Các học phần ở trình độ tiến sỹ, tiểu luận tổng quan,	***Các học phần ở trình độ tiến sỹ***											
	Bắt buộc: 9 tín chỉ											
	TSQL	101	Vận dụng các tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục	3	x				Nguyễn Văn Đệ Phạm Hữu Ngãi	QLGD QLGD	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS GVC

các chuyên đề tiến sỹ	TSQL	102	Triết lý giáo dục	3	x				Phạm Minh Giản Nguyễn Văn Đệ	QLGD QLGD	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS PGS
	TSQL	103	Chính sách phát triển giáo dục trong thời kỳ đổi mới	3	x				Phan Ngọc Thạch Đào Hoàng Nam	QLGD QLGD	Tiến sỹ Tiến sỹ	GV PGS
	Tự chọn: 3 tín chỉ											
	TSQL	104	Triết học giáo dục Việt Nam	3	x				Trần Quang Thái Lương Thanh Tân	Triết học Triết học	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS GVC
	TSQL	105	Phát triển, quản lý chương trình giáo dục hiện đại	3					Trần Huy Hoàng Nguyễn Dương Hoàng	QLGD GDH	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS PGS
	TSQL	106	Tạo động lực làm việc trong cơ sở giáo dục, đào tạo	3	x				Huỳnh Mộng Tuyền Đỗ Minh Hùng	GDH GDH	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS PGS
	TSQL	107	Lý luận quản lý, quản lý giáo dục	3	x				Nguyễn Văn Đệ Phạm Minh Giản	QLGD QLGD	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS PGS

	TSQL	108	Tầm nhìn và năng lực của nhà quản lý giáo dục	3	x				Nguyễn Văn Đệ Phạm Hữu Ngãi	QLGD QLGD	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS GVC
	TSQL	109	Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục	3	x				Đỗ Văn Hùng Lê Xuân Trường	GDH GDH	Tiến sỹ Tiến sỹ	GVC GVC
	Tiểu luận tổng quan											
	TSQL	110	Tiểu luận tổng quan	3	x				Người hướng dẫn khoa học			
	Các chuyên đề tiến sỹ											
	TSQL	111	Chuyên đề 1	2	x				Người hướng dẫn khoa học			
	TSQL	112	Chuyên đề 2	2		x						
	TSQL	113	Chuyên đề 3	2			x					
Luận án	***Luận án tiến sỹ***											
	TSQL	114	Luận án tiến sỹ	72	x	x	x		Người hướng dẫn khoa học			

3.2.3.2. Đối với nghiên cứu sinh có đầu vào là thạc sỹ gần chuyên ngành Quản lý giáo dục

Kế hoạch đào tạo cụ thể đối với nghiên cứu sinh có đầu vào là thạc sỹ gần chuyên ngành Quản lý giáo dục mô tả trong bảng 3.11.

Bảng 3.11. Kế hoạch đào tạo đối với nghiên cứu sinh có đầu vào là thạc sỹ gần chuyên ngành Quản lý giáo dục

Nội dung	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Thời gian thực hiện				Giảng viên phụ trách			
	Phần chữ	Phần số			1	2	3	4	Họ và tên	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ	Chức danh
Các học phần bổ sung chương trình thạc sĩ	***Kiến thức cơ sở: 6 tín chỉ***											
	Bắt buộc: 6 tín chỉ											
	QGTC	540	Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục	3	x				Nguyễn Văn Đệ Phạm Hữu Ngãi	QLGD QLGD	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS GVC
	QGPP	514	Phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục	3					Nguyễn Văn Đệ Đỗ Văn Hùng	QLGD GDH	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS GVC
	Kiến Thức chuyên ngành											
	Bắt buộc: 12 tín chỉ											
	QGNL	515	Quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục	3	x				Phạm Hữu Ngãi Phạm Minh Giản	QLGD QLGD	Tiến sỹ Tiến sỹ	GVC PGS
	QGSP	517	Quản lý các hoạt động sư phạm	3					Mỵ Giang Sơn Huỳnh Mộng Tuyền	QLGD GDH	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS PGS
	QGDB	536	Dự báo giáo dục	3					Lê Khánh Tuấn Hồ Văn	GDH QLGD	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS

									Thống			
	QGCS	542	Chính sách và chiến lược phát triển GD&ĐT	3					Phạm Sĩ Thư Nguyễn Văn Bản	QLGD GDH	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS GVC
Các học phần ở trình độ tiến sĩ, tiểu luận tổng quan, các chuyên đề tiến sĩ	***Các học phần ở trình độ tiến sỹ***											
	Bắt buộc: 9 tín chỉ											
	TSQL	101	Vận dụng các tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục	3	x				Nguyễn Văn Đệ Phạm Hữu Ngãi	QLGD QLGD	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS GVC
	TSQL	102	Triết lý giáo dục	3	x				Phạm Minh Giản Nguyễn Văn Đệ	QLGD QLGD	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS PGS
	TSQL	103	Chính sách phát triển giáo dục trong thời kỳ đổi mới	3	x				Phan Ngọc Thạch Đào Hoàng Nam	QLGD QLGD	Tiến sỹ Tiến sỹ	GV PGS
	Tự chọn: 3 tín chỉ											
	TSQL	104	Triết học giáo dục Việt Nam	3	x x				Trần Quang Thái Lương Thanh Tân	Triết học Triết học	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS GVC
	TSQL	105	Phát triển, quản lý chương trình giáo dục hiện	3					Trần Huy Hoàng Nguyễn	QLGD GDH	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS PGS

			đại						Dương Hoàng			
	TSQL	106	Tạo động lực làm việc trong cơ sở giáo dục, đào tạo	3					Huỳnh Mộng Tuyền Đỗ Minh Hùng	GDH GDH	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS PGS
	TSQL	107	Lý luận quản lý, quản lý giáo dục	3	x				Nguyễn Văn Đệ Phạm Minh Giản	QLGD QLGD	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS PGS
	TSQL	108	Tầm nhìn và năng lực của nhà quản lý giáo dục	3	x				Nguyễn Văn Đệ Phạm Hữu Ngãi	QLGD QLGD	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS GVC
	TSQL	109	Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục	3	x				Đỗ Văn Hùng Lê Xuân Trường	GDH GDH	Tiến sỹ Tiến sỹ	GVC GVC
	Tiểu luận tổng quan											
	TSQL	110	Tiểu luận tổng quan	3	x				Người hướng dẫn khoa học			
	Các chuyên đề tiến sỹ											
	TSQL	111	Chuyên đề 1	2	x				Người hướng dẫn khoa học			
	TSQL	112	Chuyên đề 2	2		x						
	TSQL	113	Chuyên đề 3	2			x					
Luận	***Luận án tiến sỹ***											

án	TSQL	114	Luận án tiến sỹ	72	x	x	x		Người hướng dẫn khoa học			

3.2.3.3. Đối với nghiên cứu sinh có đầu vào là cử nhân đúng chuyên ngành Quản lý giáo dục

Kế hoạch đào tạo cụ thể đối với nghiên cứu sinh có đầu vào là cử nhân đúng chuyên ngành Quản lý giáo dục mô tả trong bảng 3.12.

Bảng 3.12. Kế hoạch đào tạo đối với nghiên cứu sinh có đầu vào là cử nhân chuyên ngành Quản lý giáo dục

Nội dung	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Thời gian thực hiện				Giảng viên phụ trách			
	Phần chữ	Phần số			1	2	3	4	Họ và tên	Chuyên ngành ĐT	Trình độ	Chức danh
Các học phần bổ sung chương trình thạc sĩ	***Kiến thức chung: bắt buộc 4 tín chỉ***											
	THXH	501	Triết học	4	x				Trần Quang Thái Lương Thanh Tân	Triết học Triết học	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS GVC
	Kiến thức cơ sở: 9 tín chỉ											
	Bắt buộc: 6 tín chỉ											
	QGTC	540	Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục	3	x				Phạm Minh Giản Phạm Hữu Ngãi	QLGD QLGD	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS GVC
	QGPP	514	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3					Nguyễn Văn Đệ Đỗ Văn	QLGD GDH	Tiến sỹ Tiến	PGS GVC

			quản lý giáo dục						Hùng		sỹ	
	Tự chọn: 3 tín chỉ											
	QGTL	512	Tâm lý học quản lý	3					Nguyễn Thị Mỹ Lộc Phan Trọng Nam	Tâm lý học quản lý Tâm lý học	Tiến sỹ Tiến sỹ	GS GV
	QGKT	531	Kinh tế học giáo dục	3	x				Nguyễn Công Giáp Đào Hoàng Nam	GDH QLGD	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS PGS
	QGXH	532	Xã hội học giáo dục	3					Phạm Hữu Ngãi Đào Hoàng Nam	QLGD QLGD	Tiến sỹ Tiến sỹ	GVC PGS
	Kiến thức chuyên ngành: 24 tín chỉ											
	Bắt buộc: 12 tín chỉ											
	QGNL	515	Quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục	3	x				Phạm Hữu Ngãi Phạm Minh Giản	QLGD QLGD	Tiến sỹ Tiến sỹ	GVC PGS
	QGSP	517	Quản lý các hoạt động sư phạm	3	x				Mỵ Giang Sơn Huỳnh Mộng	QLGD GDH	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS PGS

									Tuyền			
	QGDB	536	Dự báo giáo dục	3	x				Lê Khánh Tuấn Hồ Văn Thống	GDH QLGD	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS
	QGCS	542	Chính sách và chiến lược phát triển GD&ĐT	3	x				Phạm Sĩ Thư Nguyễn Văn Bản	QLGD GDH	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS GVC
	Tự chọn: 12 tín chỉ											
	QGCT	516	Phát triển chương trình học	3					Trần Huy Hoàng Nguyễn Dương Hoàng	GDH GDH	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS PGS
	QGMT	541	Môi trường giáo dục và phát triển môi trường giáo dục	3					Nguyễn Văn Bản Dương Huy Cẩn	GDH GDH	Tiến sỹ Tiến sỹ	GVC GVC
	QGTH	513	Tổ chức, quản lý giáo dục và trường học	3					Phạm Văn Khanh Huỳnh Mộng Tuyền	GDH GDH	Tiến sỹ Tiến sỹ	GVC PGS
	QGTT	518	Thanh tra, kiểm tra và đánh giá trong quản lý giáo dục	3					Trần Văn Đạt Phạm Văn	QLGD GDH	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS GVC

									Khanh			
	QGDA	559	Quản lý dự án giáo dục	3					Nguyễn Văn Đệ Phan Ngọc Thạch	QLGD QLGD	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS GV
	QGKC	525	Kiểm định chất lượng giáo dục	3					Phan Trọng Nam Nguyễn Khắc Hùng	Tâm lý học	Tiến sỹ	GV
Các học phần ở trình độ tiến sĩ, tiểu luận tổng quan, các chuyên đề tiến sĩ	***Các học phần ở trình độ tiến sỹ***											
	Bắt buộc: 9 tín chỉ											
	TSQL	101	Vận dụng các tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục	3	x				Nguyễn Văn Đệ Phạm Hữu Ngãi	QLGD QLGD	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS GVC
	TSQL	102	Triết lý giáo dục	3	x				Phạm Minh Giản Nguyễn Văn Đệ	QLGD QLGD	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS PGS
	TSQL	103	Chính sách phát triển giáo dục trong thời kỳ đổi mới	3	x				Phan Ngọc Thạch Đào Hoàng Nam	QLGD QLGD	Tiến sỹ Tiến sỹ	GV PGS
	Tự chọn: 3 tín chỉ											
	TSQL	104	Triết học giáo dục Việt Nam	3	x x				Trần Quang	Triết học	Tiến sỹ	PGS GVC

									Thái Lương Thanh Tân	Triết học	Tiến sỹ	
	TSQL	105	Phát triển, quản lý chương trình giáo dục hiện đại	3					Trần Huy Hoàng Nguyễn Dương Hoàng	QLGD GDH	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS PGS
	TSQL	106	Tạo động lực làm việc trong cơ sở giáo dục, đào tạo	3					Huỳnh Mộng Tuyền Đỗ Minh Hùng	GDH GDH	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS PGS
	TSQL	107	Lý luận quản lý, quản lý giáo dục	3	x				Nguyễn Văn Đệ Phạm Minh Giản	QLGD QLGD	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS PGS
	TSQL	108	Tầm nhìn và năng lực của nhà quản lý giáo dục	3	x				Nguyễn Văn Đệ Phạm Hữu Ngãi	QLGD QLGD	Tiến sỹ Tiến sỹ	PGS GVC
	TSQL	109	Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục	3	x				Đỗ Văn Hùng Lê Xuân Trường	GDH GDH	Tiến sỹ Tiến sỹ	GVC GVC
	Tiểu luận tổng quan											
	TSQL	110	Tiểu luận tổng quan	3	x				Người hướng			

									dẫn khoa học			
	Các chuyên đề tiến sỹ											
	TSQL	111	Chuyên đề 1	2	x				Người hướng dẫn khoa học			
	TSQL	112	Chuyên đề 2	2		x						
	TSQL	113	Chuyên đề 3	2			x					
Luận án	***Luận án tiến sỹ***											
	TSQL	114	Luận án tiến sỹ	72	x	x	x		Người hướng dẫn khoa học			

3.3. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

TRIẾT HỌC

1. Thông tin về học phần

- Mã số học phần: THXH 501
- Tên học phần: Triết học
- Số tín chỉ: 04
- Số tiết: 45 (30, 15, 90)
- Môn tiên quyết: không

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy

Bộ môn Lý luận cơ bản

3. Mô tả học phần

- Là môn học cơ sở bắt buộc trong chương trình.
- Môn học được bố trí giảng dạy trong học kỳ đầu của khóa đào tạo.
- Chương trình chia thành hai phần: Phần 1, Lịch sử triết học; Phần 2, Triết học Mác - Lênin nhằm giúp học viên nắm vững kiến thức cơ bản, cập nhật và nâng cao kiến thức triết học nói chung, triết học Mác-Lênin nói riêng.

4. Mục tiêu học phần

Trên cơ sở gắn lý luận triết học với những vấn đề thực tiễn của đất nước và thời đại, môn học giúp học viên tìm hiểu thế giới quan duy vật - khoa học và phương pháp luận biện chứng, qua đó nâng cao trình độ tư duy lý luận và vận dụng sáng tạo tư duy biện chứng vào lĩnh vực công tác chuyên môn của bản thân.

5. Nội dung học phần

5.1. Phân phối chương trình

Chương	Tên chương	Số tiết		
		TS	LT	TH, TL
1	Khái luận về triết học và lịch sử triết học	3	3	0
2	Khái lược lịch sử triết học phương Đông	5	3	2
3	Khái lược lịch sử triết học phương Tây	4	3	1
4	Khái lược lịch sử triết học Mác - Lênin	4	3	1
5	Chủ nghĩa duy vật biện chứng - cơ sở lý luận của thế giới quan khoa học	4	4	1
6	Phép biện chứng duy vật - phương pháp luận nhận thức khoa học và thực tiễn	4	2	2
7	Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn của triết học Mác - Lênin	4	3	1
8	Lý luận hình thái kinh tế - xã hội và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	5	3	2
9	Vấn đề giai cấp, dân tộc, nhân loại trong thời đại hiện nay và vận dụng vào sự nghiệp xây dựng CNXH ở Việt Nam	4	2	2
10	Lý luận nhà nước và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	4	2	2
11	Quan điểm của triết học Mác - Lênin về con người và vấn đề xây dựng con người Việt Nam hiện nay	4	2	2

	Tổng cộng	**45**	**30**	**15**

5.2. Nội dung chi tiết

Chương 1: KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC VÀ LỊCH SỬ TRIẾT HỌC

I. Khái luận về triết học

1. Triết học và chức năng của triết học

2. Duy vật và duy tâm

3. Biện chứng và siêu hình

II. Khái luận về lịch sử triết học

1. Lich sử triết học

2. Sự phân kỳ của lịch sử triết học

III. Ý nghĩa của việc nghiên cứu triết học và lịch sử triết học

Chương 2: KHÁI LƯỢC LỊCH SỬ TRIẾT HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

I. Triết học Ấn Độ

1. Điều kiện ra đời và đặc điểm

2. Những tư tưởng, trường phái triết học cơ bản

II. Triết học Trung Quốc

1. Điều kiện ra đời và đặc điểm

2. Tư tưởng, trường phái triết học cơ bản

III. Khái lược về lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam

1. Điều kiện lịch sử và đặc điểm

2. Tư tưởng triết học cơ bản

3. Sự kế thừa và phát triển tư tưởng triết học Việt Nam của Hồ Chí Minh

Chương 3: KHÁI LƯỢC LỊCH SỬ TRIẾT HỌC PHƯƠNG TÂY

I. Triết học Hy Lạp cổ đại

1. Điều kiện ra đời và đặc điểm

2. Tư tưởng, trường phái triết học cơ bản

II. Triết học Tây Âu thời trung cổ

1. Điều kiện ra đời ra đời và đặc điểm

2. Tư tưởng triết học cơ bản

III. Triết học Tây Âu thời kỳ phục hưng và cận đại

1. Điều kiện ra đời và đặc điểm

2.Tư tưởng, trường phái triết học cơ bản

IV. Một số trào lưu triết học phương Tây hiện đại

1. Điều kiện ra đời và đặc điểm

2. Một số trào lưu triết học phương Tây hiện đại

Chương 4: KHÁI LƯỢC LỊCH SỬ TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

I. Điều kiện và tiền đề ra đời; đối tượng & đặc điểm của triết học Mác - Lênin

1. Điều kiện lịch sử và tiền đề ra đời

2. Đối tượng và đặc điểm

II. Những giai đoạn chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của triết học Mác - Lênin

1. Giai đoạn C. Mác và Ph. Angghen

2. Giai đoạn V.I. Lênin phát triển triết học Mác

3. Triết học Mác - Lênin trong thời đại hiện nay

Chương 5: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA THẾ GIỚI QUAN KHOA HỌC

I. Thế giới quan và thế giới quan duy vật

1. Thế giới quan

2. Thế giới quan duy vật

II. Nội dung, bản chất của chủ nghĩa duy vật biện chứng với tư cách là hạt nhân của thế giới quan khoa học

1. Nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng

2. Bản chất của chủ nghĩa duy vật biện chứng

III. Nguyên tắc khách quan và việc vận dụng nó vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

1. Nguyên tắc khách quan

2. Vận dung nguyên tắc khách quan vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

Chương 6: PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT PHƯƠNG PHÁP LUẬN NHẬN THỨC KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN

I. Nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật

1. Khái quát lịch sử phát triển của phép biện chứng

2. Nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật

II. Các nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật

1. Phương pháp và phương pháp luận

2. Một số nguyên tắc cơ bản của phương pháp luận biện chứng duy vật

Chương 7: NGUYÊN TẮC THỐNG NHẤT GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

I. Thực tiễn và lý luận

1. Phạm trù thực tiễn

2. Phạm trù lý luận

II. Những yêu cầu cơ bản của nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn

1. Thực tiễn phải là cơ sở, động lực, mục đích và là tiêu chuẩn của lý luận; lý luận phải được hình thành từ thực tiễn, phát triển trong thực tiễn và luôn đáp ứng nhu cầu của thực tiễn

2. Lý luận phải hướng dẫn, chỉ đạo thực tiễn; phải được vận dụng vào thực tiễn, phải được kiểm nghiệm, bổ sung và phát triển trong thực tiễn

III. Vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

1. Vận dụng sáng tạo lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các tri thức khoa học mà nhân loại đã đạt được vào điều kiện thực tiễn cụ thể ở nước ta

2. Nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn Việt Nam và quốc tế để tiếp tục hoàn thiện lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3. Trong GD-ĐT phải kết hợp nhà trường với xã hội, lý luận với thực tiễn

4. Khắc phục bệnh kinh nghiệm và bệnh giáo điều

Chương 8: LÝ LUẬN HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CNXH Ở VIỆT NAM

I. Lý luận hình thái KT-XH và vai trò phương pháp luận của nó

1. Những tiền đề xuất phát để xây dựng lý luận hình thái KT-XH

2. Cấu trúc xã hội và phạm trù hình thái KT-XH

3. Biện chứng của quá trình vận động, phát triển hình thái KT-XH

4. Tính khoa học và ý nghĩa phương pháp luận của lý luận hình thái KT-XH

5. Lý luận hình thái KT-XH và lý thuyết các nền văn minh

II. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

1. Dự báo của C. Mác và V.I. Lênin về chủ nghĩa xã hội

2. Chủ nghĩa xã hội theo mô hình kế hoạch hóa tập trung và vai trò lịch sử của nó

3. Những biến đổi của thời đại và vấn đề quá độ lên chủ nghĩa xã hội

III. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam

2. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3. Kết hợp giữa phát triển lực lượng sản xuất với xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

4. Kết hợp giữa kinh tế với chính trị và các mặt khác của đời sống xã hội trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Chương 9: VẤN ĐỀ GIAI CẤP DÂN TỘC NHÂN LOẠI TRONG THỜI ĐẠI HIỆN NAY VÀ VẬN DỤNG VÀO SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

I. Giai cấp và đấu tranh giai cấp

1. Khái quát các quan điểm ngoài mácxít về giai cấp và đấu tranh giai cấp

2. Quan điểm mácxít về giai cấp và đấu tranh giai cấp

3. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

II. Quan hệ giai cấp với dân tộc và nhân loại trong thời đại hiện nay

1. Dân tộc và quan hệ giữa giai cấp với dân tộc

2. Nhân loại và quan hệ giữa giai cấp và nhân loại

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quan hệ giai cấp, dân tộc, nhân loại trong cách mạng Việt Nam

4. Quan hệ giai cấp, dân tộc, nhân loại trong cách mạng Việt Nam hiện nay

Chương 10: LÝ LUẬN NHÀ NƯỚC VÀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

I. Những nội dung cơ bản của lý luận về nhà nước

1. Nguồn gốc, bản chất và đặc trưng của nhà nước

2. Chức năng và vai trò kinh tế của Nhà nước

3. Các kiểu và hình thức của nhà nước trong lịch sử

II. Nhà nước pháp quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1. Khái niệm nhà nước pháp quyền và lịch sử tư tưởng về nhà nước pháp quyền

2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Chương 11: QUAN ĐIỂM CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN VỀ CON NGƯỜI VÀ VẤN ĐỀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY

I. Một số quan điểm triết học phi mácxít về con người

1. Quan điểm về con người trong triết học phương Đông

2. Quan điểm về con người trong triết học phương Tây

II. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về con người

1. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về bản chất con người

2. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về giải phóng con người

III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người trong sự nghiệp cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo

1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về con người

2. Nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về con người trong cách mạng Việt Nam

IV. Vấn đề xây dựng con người Việt Nam hiện nay

1. Con người Việt Nam trong lịch sử

2. Con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

6. Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT (2006), Giáo trình *Triết học* (dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành triết học), NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.

2. Bộ GD-ĐT (2006), Giáo trình *Triết học Mác - Lênin* (dùng trong các trường đại học và cao đẳng), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3. Nguyễn Hữu Vui (chủ biên) (2002), *Lịch sử Triết học,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

Học phần được đánh giá quá trình và thi kết thúc môn học

- Đánh giá quá trình

▪ Đánh giá tinh thần và thái độ học tập, tham gia thuyết trình, thảo luận, đánh giá qua bài kiểm tra trên lớp

▪ Đánh giá qua bài tiểu luận viết ở nhà (bắt buộc)

▪ Nội dung viết: Các đề tài thuộc về Phần 1 (các chương 1 - 4)

▪ Hình thức trình bày: Giống như trình bày Luận văn thạc sỹ

▪ Số lượng trang viết: Từ 20 đến 25 trang A4, cỡ chữ 13, dãn dòng 1,5 line, canh lề trên và lề trái: 3,5cm, canh lề phải & lề dưới:2,5cm

▪ Thời điểm nộp tiểu luận: Sau khi kết thúc giảng dạy Phần 1 hai tuần (trừ học viên lớp Ngày 1, sẽ nộp tiểu luận theo quy định của giảng viên giảng dạy Phần 1, nhưng không muộn hơn ngày thi kết thúc môn học)

▪ Tổ chức viết, chấm tiểu luận: Giảng viên giảng Phần 1

▪ Trọng số đánh giá quá trình: **0,4.**

- Thi kết thúc học phần

▪ Nội dung thi:

1. Các quan điểm cơ bản của một số trường phái triết học Phương Đông: Phật giáo nguyên thủy, Nho gia nguyên thủy, Đạo gia, Pháp gia

2. Các quan điểm cơ bản của một số triết gia Phương Tây: Đêmôcrít, Platông, Ph. Bêcơn, R. Đềcáctơ, Hêghen, Phoiơbắc

3. Các giai đoạn hình thành & phát triển của Triết học Mác - Lênin.

4. Nội dung, bản chất của chủ nghĩa duy vật biện chứng với tư cách là hạt nhân của thế giới quan khoa học; Nguyên tắc khách quan và việc vận dụng nó vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

5. Những nội dung lý luận (2 nguyên lý, 3 quy luật) và các nguyên tắc phương pháp luận cơ bản (nguyên tắc toàn diện, nguyên tắc phát triển, nguyên tắc lịch sử cụ thể) của phép biện chứng duy vật.

6. Những yêu cầu cơ bản của nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn và việc vận dụng nó vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

7. Phạm trù hình thái KT-XH; Biện chứng của quá trình vận động, phát triển hình thái KT-XH; Tính khoa học và ý nghĩa phương pháp luận của lý luận

hình thái kinh tế - xã hội; Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

8. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về giai cấp và đấu tranh giai cấp; Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

9. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về nhà nước; Nhà nước pháp quyền và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

10. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về con người; Vấn đề xây dựng con người Việt Nam hiện nay.

- Hình thức thi: tự luận (được sử dụng tài liệu); thời gian: 90 phút.
- Trọng số điểm thi kết thúc chuyên đề: **0,6.**

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 11 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	**Chủ nhiệm chuyên ngành**	**Giảng viên**
PGS,TS. Phạm Minh Giản	**PGS,TS. Nguyễn Văn Đệ**	**PGS,TS. Trần Quang Thái**

TIẾP CẬN HIỆN ĐẠI TRONG QUẢN LÝ GIÁO DỤC

1. Thông tin về học phần

- Mã số học phần: QGTC 540
- Tên học phần: Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục
- Số tín chỉ: 03 (2,1,6)
- Số tiết: 45 (30, 30, 90)
- Chương trình đào tạo ngành: Quản lý giáo dục

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy

Quản lý giáo dục

3. Mô tả học phần

Học phần giúp học viên có những hiểu biết, cách nhìn và cách giải quyết trên bình diện tổng thể các vấn đề về giáo dục và quản lý giáo dục. Đó là các tiếp cận hệ thống, tiếp cận phức hợp, tiếp cận theo lý thuyết hành vi, tiếp cận văn hóa quản lý, tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể, tiếp cận quản lý dựa vào nhà trường,...

4. Mục tiêu học phần

Cung cấp cho học viên cao học những tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục, sao cho:

- Nâng cao hiểu biết về xu hướng hiện đại mang tầm thế giới quan và phương pháp luận trong quản lý giáo dục.

- Tăng cường năng lực xem xét và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản lý giáo dục và trong nghiên cứu lý luận giáo dục.

5. Nội dung học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	Chương 1: Tiếp cận hệ thống trong quản lý giáo dục	[1,3,4, 5,6,7]	
	1.1. Tiếp cận hệ thống trong quản lý và quản lý		Nghiên

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	giáo dục		cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	1.2. Những yêu cầu về đổi mới tư duy trong quản lý giáo dục		
	1.3. Những sai lầm mang tính hệ thống trong thực tiễn quản lý giáo dục		
	Thảo luận: *Đổi mới tư duy trong quản lý giáo dục*		
	Chương 2: Tiếp cận phức hợp trong quản lý giáo dục	[1,3,4, 5,6,7]	
	2.1. Quá trình quản lý giáo dục là một hệ toàn vẹn		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	2.2. Tiếp cận phức hợp trong quản lý giáo dục		
	Thảo luận: *Một số vấn đề về thực tiễn tiếp cận phức hợp trong quản lý giáo dục*		
	Chương 3: Tiếp cận theo lý thuyết hành vi trong quản lý giáo dục	[1,3,4,5,6,7]	

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	3.1.Quan điểm lý thuyết hành vi		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	3.2.Tiếp cận lý thuyết hành vi trong quản lý giáo dục		
	Thực hành: *Ứng dụng thuyết hành vi để giải quyết mối quan hệ giữa người lãnh đạo và thuộc cấp nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu của tổ chức*		
	Chương 4: Văn hóa tổ chức trong giáo dục và quản lý giáo dục	[1,3,4,5,6,7]	
	4.1. Văn hóa tổ chức trong giáo dục và trong quản lý giáo dục		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	4.2. Các thành tố của văn hóa tổ chức và quá trình xây dựng văn hóa tổ chức trong quản lý giáo dục		
	4.3. Văn hóa tổ chức với nhân cách của người quản lý		
	Thực hành*: Quán triệt tinh thần văn hóa tổ chức và văn hóa quản lý trong quá trình giáo*		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	dục và quản lý giáo dục		
	Chương 5: Tiếp cận quản lý dựa vào nhà trường		
	5.1. Nhà trường là đơn vị chủ yếu ra quyết định quản lý		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	5.2. Sứ mệnh của nhà trường trong quản lý giáo dục		
	5.3. Dân chủ hóa nhà trường		
	5.4. Nhà trường với các vấn đề xã hội hóa giáo dục.		
	Thảo luận: *Vai trò của nhà trường Việt Nam trong thời kỳ hội nhập*		
	Chương 6: Tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể - TQM	[1,3,4,5,6,7]	
	6.1. Chất lượng giáo dục		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	6.2. Chất lượng quản lý giáo dục		
	6.3. Các nguyên tắc cơ bản trong quản lý chất lượng và quản lý chất lượng quản lý giáo dục		
	6.4. Các lực lượng tham gia quản lý chất lượng		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	Thảo luận: *Các giải pháp quản lý nâng cao chất lượng giáo dục hiện nay*		
	Chương 7: Tiếp cận theo ISO 9000 trong quản lý giáo dục		
	7.1. Một số vấn đề cơ bản của ISO		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	7.2. Các giai đoạn thực hiện trong một tổ chức thực hiện giáo dục		
	7.3. Các nguyên tắc cơ bản về áp dụng ISO trong quản lý giáo dục		
	Thảo luận*: Vận dụng các cách tiếp cận trong quản lý giáo dục*		

6. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Doan (1996), Các học thuyết quản lý, NXB chính trị quốc gia Hà Nội.

2. Trần Khánh Đức (2010), Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI, NXBGD.

3. Trần Kiểm (2006), Khoa học quản lý nhà trường phổ thông, NXB quốc gia Hà Nội.

4. Trần Kiểm (2007), Khoa học quản lý giáo dục - một số vấn đề lý luận thực tiễn, NXB Giáo dục Hà Nội.

5. Phạm Thành Nghị (2004), Quản lý chất lượng giáo dục đại học, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

6. John S. Oakland (1994), Quản lý chất lượng đồng bộ. NXB thống kê, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

7. Bùi Minh Hiền (2007), Những vấn đề cơ bản về quản lý giáo dục, NXBGD.

7. Phương pháp đánh giá

- Học viên dự lớp ít nhất là 80% số tiết học trở lên, hoàn thành các bài tập và tiểu luận, tự học tối thiểu 60 tiết ở nhà

- Tiểu luận và bài kiểm tra giữa học kỳ 60 phút

- Thi cuối kỳ 120 phút

- Thang điểm 10,0 (lấy đến 1 chữ số thập phân).

- Trọng số điểm đánh giá học phần:

+ Điểm 1: (02 bài kiểm tra; hoặc 1 bài kiểm ra, 1 bài tập, hoặc 1 bài tiểu luận), trọng số 0,4

+ Điểm 2: bài thi hết môn, trọng số 0,6

- Điểm học phần là tổng hợp của các điểm trên.

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 11 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	Chủ nhiệm chuyên ngành	Giảng viên
PGS,TS. Phạm Minh Giản	**PGS,TS. Nguyễn Văn Đệ**	**TS. Phạm Hữu Ngãi**

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC

1. Thông tin về học phần

- Mã số học phần: QGPP 514
- Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết: 45 (20, 20, 60)
- Điều kiện đề học học phần: không

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy

Lý luận và Phương pháp giảng dạy

3. Mô tả học phần

Học phần tập trung nghiên cứu hệ thống tri thức về phương pháp khoa học và phương pháp luận trong NCKHGD và trong QLGD cách thức tổ chức các hoạt động NCKH, cách tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học. Đây là học phần cơ sở giúp cho học viên có thể nghiên cứu các học phần khác tốt hơn hoặc trở thành chuyên gia nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lý giáo dục.

4. Mục tiêu học phần

Về kiến thức: Học viên phải nắm được những vấn đề cơ bản về phương pháp luận và hệ thống các phương pháp nghiên cứu khoa học (PPNCKH); đặc biệt là hình thành phương pháp luận tư duy khoa học biện chứng.

Về kỹ năng: Học viên biết vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo những hiểu biết về phương pháp luân, về khoa học - công nghệ, về tổ chức - quản lý, chuyển giao công nghệ, để thực hiện quy trình nghiên cứu một đề tài khoa học thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình.

5. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	Chương 1: Khái quát về khoa học và công nghệ	[1,3,5,6]	
	1.1. Khoa học, công nghệ và các lĩnh vực khoa		Nghiên

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	học nghiên cứu chúng.		cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	1.2. Quá trình hình thành và phát triển của khoa học, công nghệ trong lịch sử xã hội loài người.		
	1.3. Vấn đề phân loại các lĩnh vực khoa học.		
	1.4. Khái niệm về công nghệ và chuyển giao công nghệ.		
	1.4.1. Quá trình hình thành, phát triển và sự phân loại các lĩnh vực công nghệ cơ bản. 1.4.2. Khái quát về quy trình công nghệ.		
	Thảo luận vấn đề chuyển giao khoa học công nghệ trong lĩnh vực NCKH Giáo dục, Quản lý giáo dục		
	Chương 2: Khái niệm về phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu khoa học	[1,2,3,5,6]	
	2.1. Nhận thức thông thường và nhận thức khoa học		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	2.2. Các mức độ nhận thức khoa học		
	2.3. Phương pháp luận nhận thức khoa học.		
	2.4. Những luận điểm cơ bản của PPLNCKH.		
	2.5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của phương pháp luận NCKH.		
	Thực hành: *Xác định phương pháp luận của một vấn đề nghiên cứu*		
	Chương 3: Các nguyên tắc phương pháp luận	[1,2,3,5,6]	

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	khoa học		
	3.1. Khái niệm về nguyên tắc trong khoa học và nguyên tắc PPLKH		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	3.2. Hệ thống các nguyên tắc PPLKH. 3.2.1. Nguyên tắc đảm bảo tính khách quan của đối tượng nghiên cứu. 3.2.2. Nguyên tắc xem xét, nghiên cứu các hiện tượng, quá trình, sự kiện thuộc các lĩnh vực KH - CN trong mối quan hệ biện chứng với nhau. 3.2.3. Nguyên tắc tiếp cận hệ thống - cấu trúc trong nghiên cứu khoa học - công nghệ. 3.2.4. Nguyên tắc xem xét và nghiên cứu các hiện tượng, các sự kiện, các quá trình thuộc các lĩnh vực KH trong sự vận động và phát triển không ngừng.		
	3.3. Mối quan hệ giữa các nguyên tắc PPLKH.		
	3.4. Những vấn đề có tính chất PPL đối với quá trình nghiên cứu một đề tài khoa học. 3.4.1. Vấn đề chủ thể, khách thể và đối tượng nghiên cứu 3.4.2. Vấn đề tiên đoán và giả thuyết khoa học; ***Thảo luận**: Vấn đề nguồn gốc của khoa học và tiêu chuẩn của chân lý*		
	Chương 4: Hệ thống các phương pháp nghiên cứu khoa học	[1,2,3,5,6]	
	4.1. Khái niệm về phương pháp nghiên cứu KH-CN		Nghiên cứu tài

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	4.2. Vấn đề phân loại các phương pháp NCKH-CN		liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	4.3. Hệ thống các phương pháp NCKH		
	4.4. Các phương pháp thu thập thông tin, phân tích, xử lý thông tin và chuyển giao công nghệ		
	Thực hành: - *Xác định phương pháp nghiên cứu cho một đề tài.* - *Phương pháp phân tích, xử lý số liệu*		
	Chương 5: Vấn đề tổ chức, quản lý và thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học	[1,2,3,5,6]	Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	5.1. Vấn đề tổ chức, quản lý NCKH và chuyển giao công nghệ		
	5.2. Các nguyên tắc tổ chức quản lý và chuyển giao công nghệ		
	5.3. Quy trình thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học		
	5.3.1. Công đoạn chuẩn bị nghiên cứu: - Xác định đề tài NC. - Xây dựng đề cương NC. - Bảo vệ và góp ý cho đề cương. 5.3.2. Công đoạn triển khai, công trình nghiên cứu: - Vấn đề thu thập các tư liệu về lý luận và thực tiễn. - Việc phân tích và xử lý tư liệu (về định lượng		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	và định tính). - Vấn đề kiểm tra kết quả nghiên cứu (dự vào tiêu chuẩn cơ bản và các tiêu chuẩn hỗ trợ). 5.3.3. Công đoạn viết công trình nghiên cứu. 5.3.4. Công đoạn bảo vệ công trình nghiên cứu. 5.3.5. Vận chuyển giao công nghệ và ứng dụng kết quả nghiên cứu trong thực tiễn.		
	Thực hành: *Xây dựng đề cương nghiên cứu*		

6. Tài liệu tham khảo

1. Phạm Hồng Quang (2004), Phương pháp NCKH, NXB Giáo dục.

2. Nguyễn Văn Hồng (2009), Phương pháp luận NCKHXH, NXB ĐHTN.

3. Vũ Cao Đàm (1995), Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB Giáo dục.

4. Đặng Vũ Hoạt, Hà Thị Đức (1991), PPL NCKH, ĐHSPI Hà Nội.

5. Đặng Vũ Hoạt, Hà Thị Đức (1998), Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, Viện KHGD.

6. Phạm Viết Vượng (2004), Phương pháp nghiên cứu KHGD, NXB Giáo dục.

7. Ngô Đình Qua (2005), Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, ĐHSP TP HCM

8. Dương Thiệu Tống (2005), Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và tâm lý, NXB Khoa học Xã hội và công ty Văn hóa Phương Nam, TP HCM.

7. Đánh giá học phần

7.1. Nhiệm vụ của học viên

- Tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp lý thuyết đã quy định trong đề cương chi tiết học phần.

- Tham dự đầy đủ các buổi thực hành, sinh hoạt khoa học.

- Có đủ các bài tập, kiểm tra thường kỳ. điểm tiểu luận theo quy định của học phần.

- Tự học tối thiểu là 60 tiết.

7.2. Tiêu chí đánh giá

- Dự lớp.
- Tiểu luận và bài kiểm tra giữa học kỳ 60 phút.
- Thi cuối kỳ 120 phút.

7.3. Thang điểm đánh giá

Thang điểm 10,0 (lấy đến 1 chữ số thập phân).

Trọng số điểm đánh giá học phần:

- Điểm 1: (2 bài kiểm tra; hoặc 1 bài kiểm ra, 1 bài tập, hoặc 1 bài tiểu luận), trọng số 0,4.
- Điểm 2: bài thi hết môn, trọng số 0,6.
- Điểm học phần là tổng hợp của các điểm trên.

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 11 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**	**Chủ nhiệm chuyên ngành**	**Giảng viên**
PGS,TS. Phạm Minh Giản	**PGS,TS. Nguyễn Văn Đệ**	**TS. Đỗ Văn Hùng**

TÂM LÝ HỌC QUẢN LÝ

1. Thông tin về học phần

- Mã số học phần: QGTL 512
- Tên học phần : Tâm lý học quản lý
- Số tín chỉ: 03 (2.1.6)
- Số tiết: 45 (30,30,90)
- Học phần trước: Triết học

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy

Tâm lý học lứa tuổi và sư phạm

3. Mô tả học phần

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức tâm lý học ứng dụng vào công tác tổ chức, quản lý người lao động và tập thể lao động. Làm sáng tỏ bản chất của các hiện tượng tâm lý nảy sinh trong quá trình tác dụng qua lại giữa người quản lý và người thực hành, giữa những người thực hành với nhau. Tâm lý học quản lý cung cấp cơ sở khoa học cho việc chọn lựa, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý nói chung và cán bộ quản lý giáo dục nói riêng.

4. Mục tiêu học phần

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về những hiện tượng tâm lý người nảy sinh trong quá trình tác động qua lại giữa con người với con người trong quản lý. Trên cơ sở đó người học có thể vận dụng những kiến thức đó để có biện pháp tác động tới người thừa hành phù hợp hơn, nâng cao hiệu quả quản lý con người. Đồng thời có các biện pháp hoàn thiện bản thân để đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý.

- Có niềm tin vào bản chất tốt đẹp của con người, có thái độ tôn trọng người lao động dưới quyền, tích cực phấn đấu vì lợi ích của người lao động.

- Có kỹ năng xử lý các vấn đề nảy sinh giữa con người với con người trong quản lý. Biết tổ chức và sắp xếp con người phù hợp với yêu cầu công việc và biết động viên khuyến khích con người làm việc với thái độ tích cực nhất.

5. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương dạy học

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương dạy học
	Chương 1: Khái quát chung về khoa học quản lý và tâm lý học quản lý	[1,2,4, 5,9,10]	
	1.1. Khái quát chung về khoa học quản lý 1.1.1. Khái quát chung về quản lý 1.1.2. Khoa học quản lý		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	1.2. Sự hình thành tâm lý học quản lý. 1.2.1. Các quan niệm về tâm lý học quản lý 1.2.2. Quá trình hình thành tâm lý học quản lý		
	1.3. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp của tâm lý học quản lý. 1.3.1. Đối tượng của tâm lý học quản lý 1.3.2. Nhiệm vụ của tâm lý học quản lý 1.3.3. Phương pháp của Tâm lý học quản lý		
	1.4. Vị trí, ý nghĩa của tâm lý học quản lý 1.4.1. Vị trí của tâm lý học quản lý trong hệ thống các khoa học 1.4.2. Ý nghĩa của tâm lý học quản lý		
	***Thảo luận**: Chứng minh Tâm lý học là một khoa học*		
	Chương 2: Con người trong hệ thống quản lý	[1,2,5, 6,8]	
	2.1. Quan điểm về con người trong hệ thống quản lý 2.1.1. Bản chất của quản lý con người. 2.1.2. Các quan niệm khác nhau về con người trong hệ thống quản lý		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm,
	2.2. Phân tích hành vi của người lao động		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương dạy học
	2.2.1. Nhu cầu của người lao động 2.2.2. Khả năng của người lao động 2.2.3. Mục đích của người lao động 2.2.4. Động cơ của người lao động		vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	2.3. Điều chỉnh hành vi của người lao động 2.3.1. Tự điều chỉnh của người lao động 2.3.2. Điều chỉnh từ phía nhà quản lý		
	Thảo luận:*Bản chất đặc điểm của quản lý*		
	Chương 3: Tập thể lao động - khách thể của quản lý	[1,2,5, 6,8,13]	
	3.1. Khái niệm chung về tập thể lao động 3.1.1. Khái niệm tập thể lao động 3.1.2. Các giai đoạn phát triển tập thể và phong cách lãnh đạo 3.2. Những hiện tượng tâm lý xã hội trong tập thể lao động 3.2.1. Sự tương hợp tâm lý 3.2.2. Bầu không khí tâm lý của tập thể lao động 3.2.3. Sự xung đột trong tập thể lao động 3.2.4. Xây dựng viễn cảnh của tập thể lao động		
	Thảo luận: *Những hiện tượng tâm lý xã hội thường gặp trong tập thể và những nguyên nhân thường dẫn đến xung đột trong tập thể.*		
	Chương 4: Người lãnh đạo	[1,2,5,6, 8,9,10]	
	4.1. Người lãnh đạo và người quản lý		Nghiên

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương dạy học
	4.1.1. Phân biệt lãnh đạo với quản lý 4.1.2. Sự khác biệt giữa người lãnh đạo với người quản lý		cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	4.2. Đặc điểm lao động của người lãnh đạo 4.2.1. Đối tượng của lao động 4.2.2. Mục đích của lao động 4.2.3. Tính chất của lao động 4.2.4. Phương tiện của lao động 4.2.5. Điều kiện của lao động		
	4.3. Những phẩm chất và năng lực cần có ở người lãnh đạo 4.3.1. Những phẩm chất cần có ở người lãnh đạo 4.3.2. Những năng lực cần có ở người lãnh đạo		
	4.4. Uy tín của người lãnh đạo 4.4.1. Khái niệm uy tín của người lãnh đạo 4.4.2. Vai trò của uy tín người lãnh đạo 4.4.3. Bản chất tâm lý của uy tín người lãnh đạo 4.4.4. Phân loại uy tín người lãnh đạo		
	***Thảo luận**:Phân biệt khái niệm lãnh đạo và quản l, chân dung người lãnh đạo QLGD*		
	Chương 5: Lề lối và phương pháp làm việc của người lãnh đạo	[1,2,5, 6,8,12]	
	5.1. Phong cách lãnh đạo 5.1.1. Khái niệm phong cách lãnh đạo 5.1.2. Cấu trúc của phong cách lãnh đạo 5.1.3. Phân loại phong cách lãnh đạo		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương dạy học
	5.1.4. Cơ sở lựa chọn phong cách lãnh đạo		nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	5.2. Vấn đề Êkip lãnh đạo 5.2.1. Khái niệm êkíp lãnh đạo 5.2.2. Các thành tố của êkip lãnh đạo		
	5.3. Các phương pháp làm việc của người lãnh đạo 5.3.1. Quyết định của người lãnh đạo về phương pháp làm việc của mình 5.3.2. Quyết định của người lãnh đạo về hoạt động của cấp dưới		
	5.3.3. Hoàn thiện phong cách lãnh đạo 5.3.3.1. Những yêu cầu đối với phong cách lãnh đạo hiện nay 5.3.3.2. Hoàn thiện phong cách lãnh đạo		
	***Thảo luận**: Vấn đề đổi mới lãnh đạo và quản lý hiện nay của người lãnh đạo và chủ thể quản lý.*		
	Chương 6: Giao tiếp trong quản lý	[1,2,5, 6,8,11]	
	6.1. Khái niệm giao tiếp trong quản lý 6.1.1. Khái niệm giao tiếp trong quản lý 6.1.2. Vai trò của giao tiếp trong quản lý 6.1.3. Đặc điểm của giao tiếp trong quản lý		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	6.2. Nội dung và các hình thức giao tiếp trong quản lý 6.2.1. Nội dung của giao tiếp trong quản lý 6.2.2. Các hình thức giao tiếp trong quản lý 6.2.3. Nghệ thuật giao tiếp trong quản lý		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương dạy học
	***Thảo luận**: Tìm hiểu nghệ thuật giao tiếp của hiệu trưởng.*		

6. Tài liệu tham khảo

1. Vũ Dũng (2007), Tâm lý học quản lý, NXB ĐHSP Hà Nội.

2. Nguyễn Bá Dương (Chủ biên) (2006), Tâm lý học quản lý dành cho người lãnh đạo, NXB Chính trị quốc gia.

3. Harold Koontz, Cyril Opdonnell, Heinz Weihrich (1994), Những vấn đề cốt yếu của quản lý, NXB KHKT H.

4. Mai Hữu Khuê (1992), Tâm lý học trong quản lý nhà nước, Học viện hành chính quốc gia.

5. Khoa Luật - ĐHKHXH&NV (1997), Giáo trình Tâm lý học quản lý, NXB ĐHQG, Hà Nội.

6. Nguyễn Hữu Lam (1996), Hành vi tổ chức, NXB Giáo dục.

7. Nguyễn Hữu Lam (1997), Nghệ thuật lãnh đạo, NXB Giáo dục.

8. Phan Trọng Luận (chủ biên) (1996), Tâm lý học quản lý, Đại học Luật Hà Nội.

9. V.N. Sepen (1995), Tâm lý học trong quản lý sản xuất, NXB Lao động - H.

10. Nguyễn Đình Xuân (Chủ biên) (1994), Giáo trình tâm lý học quản lý, ĐHTH Hà Nội.

11. Lưu Xuân Mới (2008), Thuật ứng xử tình huống trong quản lý giáo dục và đào tạo, NXB Giáo dục.

12. Nguyễn Đình Chỉnh, Phạm Ngọc Uyển (1998), Tâm lý học quản lý, NXB Giáo dục.

13. Võ Thành Khối (2005), Tâm lý học lãnh đạo, quản lý, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá

7.1. Nhiệm vụ của học viên

Dự lớp ít nhất là 80% số tiết học trở lên, hoàn thành các bài tập và tiểu luận, tự học tối thiểu 60 tiết ở nhà.

7.2. Tiêu chí đánh giá

- Dự lớp đầy đủ số buổi vắng mặt không được quá 20% số buổi học.
- Tiểu luận và bài kiểm tra giữa học kỳ 60 phút.
- Thi cuối kỳ 120 phút.

7.3. Thang điểm đánh giá

Thang điểm 10,0 (lấy đến 1 chữ số thập phân).

Trọng số điểm đánh giá học phần:

- Điểm 1: (2 bài kiểm tra; hoặc 1 bài kiểm ra, 1 bài tập, hoặc 1 bài tiểu luận), trọng số 0,4.
- Điểm 2: bài thi hết môn, trọng số 0,6.
- Điểm học phần là tổng hợp của các điểm trên.

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 11 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	Chủ nhiệm chuyên ngành	Giảng viên
PGS,TS. Phạm Minh Giản	**PGS,TS. Nguyễn Văn Đệ**	**TS. Phan Trọng Nam**

KINH TẾ HỌC GIÁO DỤC

1. Thông tin về học phần

- Mã số học phần: QGKT 531
- Tên học phần: Kinh tế học giáo dục
- Số tín chỉ: 03 (2,1,6)
- Số tiết: 45 (30,30,90)

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy

Lý luận dạy học

3. Mô tả học phần

Cung cấp cho người học những kiến thức lý thuyết và hình thành kỹ năng thuộc lĩnh vực kinh tế học giáo dục của trường học hay cơ quan quản lý giáo dục địa phương.

4. Mục tiêu học phần

Biết được đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu Kinh tế học giáo dục; Hiểu được mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển giáo dục; Biết được vấn đề đầu tư cho giáo dục trên quy mô xã hội cũng như gia đình; Hiểu được quy luật kinh tế trong lĩnh vực giáo dục.

Có kỹ năng phát hiện và giải quyết những vấn đề kinh tế học giáo dục của trường học, cơ quan, của địa phương (Quản lý lao động, tài chánh, quá trình đào tạo có hiệu quả).

Tích cực vận dụng kiến thức để giải quyết những vấn đề kinh tế-giáo dục của cơ quan, nhà trường, địa phương.

5. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	Chương 1. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu kinh tế học giáo dục	[1,2,3,9]	
	1.1. Đối tượng nghiên cứu của Kinh tế học giáo dục 1.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của Kinh tế học giáo dục		Nghiên cứu tài liệu,

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	1.3. Phương pháp nghiên cứu Kinh tế học giáo dục		thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	Thảo luận: *Chọn, xác định, giới hạn và lập đề cương nghiên cứu một đề tài Kinh tế học*		
	Chương 2. Quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển giáo dục	[6,7,9,11]	
	2.1. HDI và chỉ số phát triển giáo dục của Việt Nam 2.2. Quan hệ giữa cơ cấu kinh tế và nhu cầu về lao động 2.3. Quan hệ giữa nhu cầu về lao đông với hệ thống giáo dục quốc dân 2.4. Quan hệ giữa nhu cầu về lao động với mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục. 2.5. Sự lựa chọn con đường học tập có hiệu quả kinh tế của người học trong hệ thống giáo dục quốc dân		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	Thảo luận: *Mối quan hệ giữa nhu cầu lao động của nền kinh tế Việt Nam công nghiệp hóa với hệ thông giáo dục tương ứng; Mối quan hệ giữa nhu cầu về lao động với mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục*		
	Chương 3. Đầu tư cho giáo dục		Nghiên cứu tài liệu, thảo
	3.1. Cơ sở lý luận của việc đầu tư cho giáo dục		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	3.2. Các nguồn đầu tư và cơ chế đầu tư 3.3. Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư cho giáo dục		luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	Thảo luận: *Thực tế lựa chọn con đường học tập có hiệu quả kinh tế của người học trong hệ thống giáo dục quốc dân hiện nay. Hiệu suất và hiệu quả đào tạo.*		
	Chương 4. Những vấn đề kinh tế học giáo dục của trường học		
	4.1. Hệ thống các trường công lập 4.2. Hệ thống các trường dân lập 4.3. Hệ thống các trường tư thục		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	Chương 5. Những vấn đề kinh tế học giáo dục của cơ quan quản lý giáo dục địa phương	[9,10, 11,12]	
	5.1. Phát triển hệ thống giáo dục đáp ứng nhu cầu nhân lực của kinh tế địa phương 5.1.1. Quy hoạch và phát triển hệ thống giáo dục địa phương 5.1.2. Huy động các nguồn lực đầu tư cho giáo dục		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	địa phương 5.2. Kinh phí hoạt động của cơ quan quản lý giáo dục địa phương 5.2.1. Sở Giáo dục - Đào tạo 5.2.2. Phòng Giáo dục - Đào tạo		nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	Thảo luận: *Thực tiễn quản lý tài chánh trường học, cơ quan quản lý giáo dục địa phương*		

6. Tài liệu tham khảo

1. V.I. Baxốp (1973), Những vấn đề tài chính của nền giáo dục quốc dân, NXB Tài chính, Hà Nội.

2. Bộ GD và ĐT-Viện Nghiên cứu Phát triển giáo dục (2002), Chiến lược phát triển giáo dục trong thế kỷ XXI - Kinh nghiệm của các quốc gia, NXB CTQG, Hà Nội.

3. Đ.I. Chuprunốp. E.N.Dưnxcốp (1981), Kinh tế, tổ chức và kế hoạch hóa giáo dục đại học, Viện Nghiên cứu Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.

4. Trần Thanh Dũng (2005), Những vấn đề cơ bản của Kinh tế học giáo dục và việc ứng dụng ở Việt Nam hiện nay, Đề tài KHCN cấp Bộ, Mã số: B2002.23.30, ĐHSP TPHCM.

5. A.B. Đai-nốp-xki (1978) Kinh tế giáo dục đại học, Viện NC ĐH và THCN, Hà Nội.

6. Trần Khánh Đức, Sự đáp ứng của giáo dục đại học và chuyên nghiệp đối với thị trường lao động Việt Nam.

7. K.Korn (1977) Kinh tế và giáo dục trong chủ nghĩa xã hội, NXB Kinh tế Berlin, Trần Ngọc Hoàn dịch, Viện Nghiên cứu Đại học và THCN.

8. R. R. Singh (1994), Nền giáo dục cho thế kỷ 21: Những triển vọng của Châu Á- Thái Bình Dương,

9. Vũ Hồng Tiến (2004), Kinh tế học dân số và giáo dục sức khỏe sinh sản, Quỹ dân số Liên hiệp quốc.

10. Trần Văn Tùng, Lê Ai Lâm (1996), Phát triển nguồn nhân lực - Kinh nghiệm thế giới và thực tiễn nước ta, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

11. Viện Khoa học Giáo dục (Bộ Giáo dục) và Tổ Nghiên cứu đào tạo (Bộ Đại học) (1974), Những khía cạnh kinh tế và xã hội của vấn đề kế hoạch hóa nền GD.

12. Paul Glewwe (1999), The economics of School Quality Investments in Developing Countries, In association with Centre for The Study of African economies, University of Oxford.

13. Ronald W. Rebore (2001), Human resources administration in education, Allyn and Bacon, Boston. London. Toronto

7. Phương pháp đánh giá

7.1. Nhiệm vụ của học viên

Dự lớp ít nhất là 80% số tiết học trở lên, hoàn thành các bài tập và tiểu luận, tự học tối thiểu 90 tiết ở nhà.

7.2. Tiêu chí đánh giá

- Dự lớp của học viên
- Tiểu luận và bài kiểm tra giữa học kỳ 60 phút
- Thi cuối kỳ 120 phút

7.3. Thang điểm đánh giá

- Thang điểm 10,0 (lấy đến 1 chữ số thập phân).
- Trọng số điểm đánh giá học phần:

+ Điểm 1: (2 bài kiểm tra; hoặc 1 bài kiểm ra, 1 bài tập, hoặc 1 bài tiểu luận), trọng số 0,4.

+ Điểm 2: bài thi hết môn, trọng số 0,6.

- Điểm học phần là tổng hợp của các điểm trên.

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 11 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	Chủ nhiệm chuyên ngành	Giảng viên
PGS,TS. Phạm Minh Giản	**PGS,TS. Nguyễn Văn Đệ**	**PGS,TS. Đào Hoàng Nam**

XÃ HỘI HỌC GIÁO DỤC

1. Thông tin về học phần

- Mã số học phần: QGXH 532
- Tên học phần: Xã hội học giáo dục
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết: 45 (30, 15, 90)
- Môn tiên quyết: Không

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:

Bộ môn Lý luận giáo dục

3. Mô tả học phần

Môn học gồm hai phần, Phần một: Tổng quan về Xã hội học và Giáo dục học, Phần hai: Các vấn đề cơ bản của Xã hội học giáo dục.

Với hai nội dung trên học viên sẽ lĩnh hội được các vấn đề sau:

- Khái quát lịch sử phát triển xã hội học, Giáo dục học và Xã hội học giáo dục.
- Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu Xã hội học giáo dục.
- Các khái niệm và phạm trù cơ bản của xã hội học giáo dục.
- Mối quan hệ giữa thiết chế giáo dục và các lĩnh vực khác của xã hội học.
- Xã hội hóa giáo dục.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức:

- Lĩnh hội những kiến thức cơ bản về xã hội học dạy học và xã hội học giáo dục.
- Có khả năng xem xét vị trí, vai trò của bản thân; từ đó điều chỉnh cho phù hợp với vai trò của một nhà quản lý giáo dục tương lai.

4.2. Về kỹ năng:

- Phát triển kỹ năng tự học
- Lựa chọn phương pháp nghiên cứu xã hội học giáo dục.

4.3. Về thái độ:

Tích cực, chủ động, nghiêm túc học tập và nghiên cứu.

5. Nội dung học phần

5.1. Phân phối chương trình

Chương	Tên chương	Số tiết		
		TS	LT	TH, TL
1	Xã hội học	4	3	1
2	Giáo dục học	3	2	1
3	Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu Xã hội học giáo dục	4	3	1
4	Các cơ sở của Xã hội học giáo dục	5	3	2
5	Cấu trúc xã hội và giáo dục	6	4	2
6	Quan hệ của thiết chế giáo dục với kinh tế, pháp luật và văn hóa	7	5	2
7	Dân số, gia đình, cộng đồng xã hội và giáo dục	7	5	2
8	Xã hội hóa giáo dục	9	5	4
	Tổng cộng	**45**	**30**	**15**

5.2. Nội dung chi tiết

A. PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1: Xã hội học

1. Chủ thể xã hội, hoạt động xã hội, quan hệ xã hội và tương tác xã hội.
2. Vị thế xã hội - địa vị xã hội.
3. Xã hội hóa.
4. Bất bình đẳng và phân tầng xã hội
5. Xã hội học gia đình

Chương 2: Giáo dục học

1. Các khái niệm và phạm trù cơ bản của Giáo dục học
2. Quan hệ giữa sự phát triển xã hội và phát triển giáo dục
3. Xu thế phát triển giáo dục trong xã hội công nghiệp hiện đại

Chương 3: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu Xã hội học giáo dục

1. Đối tượng của Xã hội học giáo dục

2. Nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học giáo dục

- Nghiên cứu vai trò của giáo dục đối với quá trình phát triển xã hội

- Nghiên cứu bất bình đẳng trong giáo dục

- Nghiên cứu về các chính sách xã hội về giáo dục và tác động của chính sách đó trong thực tiễn

- Quá trình xã hội hóa giáo dục, dân chủ hóa trong giáo dục

3. Một số vấn đề xã hội về giáo dục ở nước ta hiện nay

Chương 4: Các cơ sở của Xã hội học giáo dục

1. Quan hệ của Xã hội học giáo dục với Xã hội học

2. Quan hệ của Xã hội học giáo dục với Giáo dục học

3. Quan hệ của Xã hội học giáo dục với Tâm lý học và Tâm lý học giáo dục

4. Quan hệ của Xã hội học giáo dục với Kinh tế học và Kinh tế học giáo dục

Chương 5: Cấu trúc xã hội và giáo dục

1. Cấu trúc xã hội

2. Phân hóa xã hội

3. Phân tầng xã hội

4. Công bằng xã hội, bình đẳng và bất bình đẳng xã hội trong giáo dục

Chương 6: Quan hệ của thiết chế giáo dục với kinh tế, pháp luật và văn hóa

1. Thiết chế xã hội

2. Thiết chế giáo dục

3. Quan hệ của thiết chế giáo dục với kinh tế

4. Quan hệ của thiết chế giáo dục với pháp luật

5. Quan hệ của thiết chế giáo dục với văn hóa

Chương 7: Dân số, gia đình, cộng đồng xã hội và giáo dục

1. Dân số và giáo dục

2. Gia đình và giáo dục

3. Công đồng xã hội và giáo dục

4. Phát triển xã hội và phát triển giáo dục

Chương 8: Xã hội hóa giáo dục

1. Xã hội hóa cá nhân và xã hội hóa xã hội.

2. Chức năng xã hội hóa của giáo dục

3. Tương tác xã hội và giáo dục

4. Các cơ sở và điều kiện của xã hội hóa giáo dục

5. Huy động và phát triển các nguồn lực cho giáo dục

6. Chương trình xã hội hóa giáo dục

7. Giải pháp xã hội hóa giáo dục

B. PHẦN THỰC HÀNH, THẢO LUẬN

1. Nhận xét thực trạng giáo dục Việt Nam hiện nay.

2. Các quan điểm, chủ trương, chính sách phát triển giáo dục của Đảng và Nhà nước

3. Quan hệ giữa phát triển xã hội và phát triển giáo dục.

5. Chọn lựa một đề tài nghiên cứu xã hội học giáo dục và xây dựng đề cương nghiên cứu đề tài đó.

6. Thực tế phối hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội

7. Thực tế xã hội hóa giáo dục.

8. Nghiên cứu lý luận và thực tiễn giáo dục cộng đồng.

6. Tài liệu tham khảo

1. Anita E. Woolfolk (1993), *Educational Psychology*. 5th. Boston: Allyn and Bacon.

2. Mai Huy Bích (2003), *Xã hội học gia đình*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

3. Wilbur Brookover (1957), *The Sociology of Education*, New York: American Book Company

4. Phạm Tất Dong - Lê Ngọc Hùng (đồng chủ biên) (1998), *Xã hội học*, NXB Giáo Dục, Hà Nội.

5. Lê Ngọc Hùng (2006), *Xã hội học giáo dục*, NXB Lý luận chính trị.

6. Hà Thế Ngữ (2001), *Giáo dục học: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

7. Nguyễn Đình Tấn (2005), *Cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội*, NXB Lý luận chính trị.

8. Viện Đại học Mở Hà Nội (2004), *Xã hội học đại cương*, NXB Thống Kê Hà Nội.

9. Phạm Viết Vượng (2000), *Giáo dục học*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- Thang điểm 10 (lấy đến 1 chữ số thập phân)
- Tiểu luận khoa học: hình thức: luận đề; trọng số 0,5
- Thi kết thúc chuyên đề: hình thức: luận đề mở; trọng số 0,5

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 11 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	Chủ nhiệm chuyên ngành	Giảng viên
PGS,TS. Phạm Minh Giản	**PGS,TS. Nguyễn Văn Đệ**	**TS. Phạm Hữu Ngãi**

QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG GIÁO DỤC

1. Thông tin về học phần

- Mã số học phần: QGNL 515
- Tên học phần: Quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết: 45 (30, 15, 90)
- Môn tiên quyết: Không

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:

Bộ môn Quản lý giáo dục

3. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận về việc về công tác quản trị nguôn nhân lực trong giáo dục, những yêu cầu khái quát và yêu cầu chuẩn về công tác quản trị nguồn nhân lực trong giáo dục như: phân tích công việc, hoạch định công việc, dự báo nhân lực, bồi dưỡng - đào tạo nhân lực, những kỹ năng cơ bản để thực hiện những nhiệm vụ về quản trị nguồn nhân lực với tư cách của một nhà QLGD.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức:

Nhận biết và lý giải được các vấn đề cơ bản về công tác quản trị nguồn nhân lực trong giáo dục

4.2. Về kỹ năng:

- Học viên áp dụng được những yêu cầu khái quát và yêu cầu chuẩn về công tác quản trị nguồn nhân lực trong giáo dục như: phân tích công việc, hoạch định công việc, dự báo nhân lực, bồi dưỡng - đào tạo nhân lực...

- Học viên có được những kỹ năng cơ bản để thực hiện những nhiệm vụ về quản trị nguồn nhân lực với tư cách của một nhà quản lý cơ sở đào tạo.

4.3. Về thái độ:

Học viên có thái độ tích cực đối với công tác quản trị nguồn nhân lực trong giáo dục và xem nó như một nhiệm vụ trọng yếu trong công tác quản lý.

5. Nội dung học phần

5.1. Phân phối chương trình

STT	Nội dung	Số tiết		
		TS	LT	TH, TL
1	Bài 1. Nhập môn về quản trị nguồn nhân lực và quản trị nguồn nhân lực trong giáo dục	7	5	2
2	Bài 2. Hoạch định tài nguyên nhân sự và phân tích công việc trong giáo dục	12	8	4
3	Bài 3. Tuyển dụng nhân lực và tuyển dụng nhân lực trong giáo dục	10	7	3
4	Bài 4. Vấn đề đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực trong giáo dục	7	5	2
5	Bài 5. Đánh giá năng lực thực hiện công việc của nhân lực trong môi trường giáo dục và trả công lao động khoa học	9	5	4
	Tổng cộng	**45**	**30**	**15**

5.2. Nội dung chi tiết

A. PHẦN LÝ THUYẾT

Bài 1. Nhập môn về quản trị nguồn nhân lực và quản trị nguồn nhân lực trong giáo dục

1.1. Khái niệm chung về quản trị nguồn nhân lực

1.2. Các mô hình quản trị nguồn nhân lực trên thế giới

1.3. Xu thế mới trong quản trị nguồn nhân lực

1.4. Quản trị nguồn nhân lực trong giáo dục hiện nay

1.5. Phương pháp luận của việc nghiên cứu khoa học quản trị nguồn nhân lực trong giáo dục

Bài 2. Hoạch định tài nguyên nhân sự và phân tích công việc trong giáo dục

2.1. Hoạch định nguồn tài nguyên nhân sự trong giáo dục

2.2. Phân tích công việc trong môi trường giáo dục

2.3. Dự báo giáo dục - xây dựng và phát triển đội ngũ giáo dục

Bài 3. Tuyển dụng nhân lực và tuyển dụng nhân lực trong giáo dục

3.1. Các giải pháp tuyển dụng nhân lực và tuyển dụng nhân lực trong giáo dục hiện nay

3.2. Các giai đoạn tuyển dụng nguồn nhân lực và tuyển dụng nguồn nhân lực trong giáo dục

3.3. Một số yêu cầu chuẩn về việc tuyển dụng nguồn nhân lực trong giáo dục hiện nay

Bài 4. Vấn đề đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực trong giáo dục

4.1. Đào tạo nguồn nhân lực cho giáo dục

4.2. Bồi dưỡng nguồn nhân lực cho giáo dục

4.3. Định hướng về đổi mới công tác đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực trong giáo dục

Bài 5. Đánh giá năng lực thực hiện công việc của nhân lực trong môi trường giáo dục và trả công lao động khoa học

5.1. Đánh giá năng lực thực hiện công việc của nhân viên trong môi trường giáo dục

5.2. Trả công lao động trong môi trường giáo dục

B. PHẦN THỰC HÀNH, THẢO LUẬN

1. Nhận xét về các biện pháp thu hút nguồn nhân lực của một tỉnh thành

2. Đưa ra những biện pháp hiện hữu về việc thu hút nguồn nhân lực trong giáo dục

3. Dự báo nhân lực giáo dục địa phương hoặc cơ sở giáo dục đang phụ trách

4. Phân tích một công việc cụ thể trong cơ sở đào tạo đang phụ trách và đưa ra mức lương tương ứng

5. Soạn thảo một số công cụ tuyển dụng: trắc nghiệm tâm lý, bản mẫu phỏng vấn...

6. Viết một mẫu quảng cáo tuyển dụng nhân lực trên báo

7. Nhận xét quy trình tuyển dụng công chức của ngành giáo dục hiện nay

8. Bàn luận về những thông tin thi tuyển trưởng phòng giáo dục ở một số tỉnh thành

9. Nhận xét về chính sách cam kết với sinh viên sư phạm và vấn đề quản lý hiệu quả của nó

10. Trình bày những kiến nghị xoay quanh công tác cử tuyển trong ngành giáo dục hiện nay

11. Phân tích vấn đề kích thích động cơ làm việc của nhân viên lao động hiện nay

12. Đưa ra những kiến nghị về việc trả lương người lao động có hợp đồng công nhật và chế độ trả lương hiện nay trong môi trường giáo dục

13. Tìm hiểu về một đề án đào tạo nhân lực hoặc nhân lực trong giáo dục và đưa ra những bình luận - phân tích

14. Vấn đề chảy máu chất xám ra nước ngoài hiện nay và những giải pháp cấp bách

6. Tài liệu tham khảo

1. Benjamin S. Bloom (1995), *Nguyên tắc phân loại mục tiêu giáo dục - Lĩnh vực nhận thức*, NXB Giáo dục

2. Trần Kim Dung (1998), *Quản trị nguồn nhân lực*, NXB Giáo dục

3. Trần Kim Dung (2000), *Tình huống và bài tập thực hành quản trị nguồn nhân lực*, NXB Đại học quốc gia TP.HCM.

4. Nguyễn Thanh Hội (1999), *Quản trị nhân sự*, NXB Thống kê

5. Nguyễn Văn Lê - Nguyễn Văn Hòa (1997), *Quản trị nhân sự*, NXB Giáo dục.

6. Michal Vincent (2002), *Human Resource Planning*, Oxford.

7. Huỳnh Văn Sơn (2006), *Tài liệu bài giảng Quản trị nguồn nhân lực trong giáo dục*, tài liệu giảng viên.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- Thang điểm 10 (lấy đến 1 chữ số thập phân)
- Tiểu luận khoa học: hình thức: luận đề; trọng số 0,5
- Thi kết thúc chuyên đề: hình thức: luận đề mở; trọng số 0,5

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 11 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	Chủ nhiệm chuyên ngành	Giảng viên
	PGS,TS. Nguyễn Văn Đệ	PGS,TS. Phạm Minh Giản

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SƯ PHẠM

1. Thông tin về học phần

- Mã số học phần: QGSP 516
- Tên học phần: Quản lý hoạt động sư phạm
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết: 45 (30, 15, 90)
- Môn tiên quyết: Tổ chức, QLGD và trường học

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy

Bộ môn Quản lý giáo dục

3. Mô tả học phần

Học phần Quản lý các hoạt động sư phạm cung cấp cho ngươi học những kiến thức cơ bản về các hoạt động sư phạm và nội dung, biện pháp quản lý các hoạt động sư phạm trong nhà trường, làm cơ sở để học viên nghiên cứu, thực hiện việc quản lý hoạt động sư phạm, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động sư phạm ở nhà trường.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức:

- Nhận biết, lý giải và nhận xét được lý luận và thực tiễn hoạt động sư phạm trong nhà trường và cơ sở giáo dục
- Phân tích khái niệm, nguyên tắc, nội dung, phương pháp quản lý các hoạt động sư phạm
- Giải thích nội dung và biện pháp quản lý hoạt động dạy học và quản lý hoạt động giáo dục trong nhà trường

4.2. Về kỹ năng:

- Tìm hiểu, nhận xét thực trạng công tác quản lý hoạt động dạy học và giáo dục ở một trường học hoặc cơ sở giáo dục.
- Lập kế hoạch quản lý các hoạt động sư phạm.

4.3. Về thái độ:

Nhận rõ tầm quan trọng của công tác quản lý các hoạt động sư phạm và tích cực tham gia công tác quản lý các hoạt động sư phạm tại trường học hoặc cơ sở giáo dục đang, sẽ công tác.

5. Nội dung học phần

5.1. Phân phối chương trình

Chương	Tên chương	Số tiết		
		TS	LT	TH, TL
1	Khái quát về quản lý các hoạt động sư phạm	10	5	2
2	Quản lý hoạt động dạy học	15	10	5
3	Quản lý hoạt động giáo dục	20	15	8
	Tổng cộng	**45**	**30**	**15**

5.2. Nội dung chi tiết

A. PHẦN LÝ THUYẾT

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ QUẢN LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG SƯ PHẠM

1. Các hoạt động sư phạm trong nhà trường
2. Khái niệm quản lý các hoạt động sư phạm
3. Nguyên tắc quản lý các hoạt động sư phạm
4. Nội dung quản lý các hoạt động sư phạm
5. Phương pháp quản lý các hoạt động sư phạm

CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Bài 1. Quản lý hoạt động dạy

1. Khái niệm về quản lý hoạt động dạy
2. Quản lý việc thực hiện kế hoạch, chương trình dạy học
3. Quản lý việc chuẩn bị kế hoạch bài dạy của giáo viên
4. Quản lý việc thực hiện kế hoạch bài dạy ở trên lớp
5. Quản lý phương pháp dạy học, phương tiên dạy học

Bài 2: Quản lý hoạt động học

1. Khái niệm về hoạt động học
2. Quản lý hoạt động học ở trên lớp
3. Quản lý hoạt động học ở ngoài lớp

Bài 3: Quản lý việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

1. Khái niệm về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

2. Các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

3. Quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Bài 1: Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức

1. Khái niệm về đạo đức và giáo dục đạo đức cho học sinh

2. Nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh trong nhà trường

3. Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trong nhà trường

Bài 2: Quản lý các hoạt động giáo dục khác

1. Giáo dục thể chất và quản lý hoạt động giáo dục thể chất cho học sinh

2. Giáo dục thẩm mĩ và quản lý hoạt động giáo dục thẩm mĩ cho học sinh

3. Giáo dục lao động, hướng nghiệp và quản lý hoạt động giáo dục lao động, hướng nghiệp cho học sinh

4. Quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường phổ thông

B. PHẦN THỰC HÀNH, THẢO LUẬN

1. Tìm hiểu thực trạng về công tác quản lý hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục học sinh (có thể tìm kiếm trên mạng, báo, đài hay khảo sát thực tế ở một cơ sở giáo dục).

2. Thảo luận nhóm về hai vấn đề sau:

- Những thành công và những tồn tại trong công công tác quản lý hoạt động dạy học và giáo dục ở nhà trường.

- Nguyên nhân của những tồn tại

- Các giải pháp khắc phục.

6. Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Chúng (1982), *Một số vấn đề QLGD*, Trường CBQL và NV, TP.HCM.

2. Đặng Xuân Hải (2011), *Kỹ thuật dạy học trong đào tạo theo học chế tín chỉ*, NXB Bách khoa, Hà Nội.

3. Nguyễn Thị Bích Hạnh - Trần Thị Hương (2004), *Lý luận dạy học*, Đại học sư phạm TP.HCM.

4. Nguyễn Phụng Hoàng (1996), *Phương pháp kiểm tra- đánh giá thành quả học tập*, NXB Giáo dục

5. Hà Sĩ Hồ (1985), *Những bài giảng về quản lý trường học*. TậpI, II. NXB Giáo dục.

6. Trần Kiểm (2002), *Khoa học quản lý nhà trường phổ thông*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

7. Hồ Văn Liên (2007), Bài giảng "Quản lý các hoạt động sư phạm".

8. Diệu Linh (2003), *Cẩm nang quản lý trường học*, NXB Lao động - Xã hội

9. Hà Thế Ngữ và Đặng Vũ Hoạt (1988), *Giáo dục học*, Tập I và II. NXB Giáo dục.

10. Trần Thị Tuyết Oanh (2004), *Đánh giá trong giáo dục*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội

11. Trần Thị Tuyết Oanh (2009), *Đánh giá và đo lường kết quả học tập*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội

7. Phương pháp đánh giá học phần

- Thang điểm 10 (lấy đến 1 chữ số thập phân)
- Tiểu luận khoa học: hình thức: luận đề; trọng số 0,5
- Thi kết thúc chuyên đề: hình thức: luận đề mở; trọng số 0,5

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 11 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	Chủ nhiệm chuyên ngành	Giảng viên
PGS,TS. Phạm Minh Giản	**PGS,TS. Nguyễn Văn Đệ**	**PGS,TS. Huỳnh Mộng Tuyền**

DỰ BÁO GIÁO DỤC

1. Thông tin về học phần

- Mã số học phần: QLDB 536
- Tên học phần: Dự báo giáo dục
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết: 45 (20,20,60)
- Học phần trước: Những vấn đề cơ bản về quản lý giáo dục

2. Bộ môn phụ trách

Quản lý giáo dục

3. Mô tả học phần

Trên cơ sở khái quát về khoa học dự báo, học phần đi sâu nghiên cứu các loại dự báo phát triển giáo dục và phương pháp thực hiện các loại dự báo này.

Để nghiên cứu tốt học phần này đòi hỏi người học phải đã được nghiên cứu các học phần: Giáo dục học; Khoa học quản lý và quản lý giáo dục đại cương, chiến lược phát triển giáo dục, xu thế phát triển giáo dục.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

- Phát biểu chính xác các khái niệm cơ bản và mô tả đúng các phương pháp dự báo được sử dụng trong dự báo phát triển giáo dục

- Có kỹ năng thực hành các phương pháp dự báo để dự báo những xu thế phát triển của dạy học và giáo dục ở các cơ sở giáo dục.

5. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	Chương1: Những vấn đề chung về dự báo phát triển kinh tế xã hội	[1,3,4,5]	
	1.1. Khái quát về dự báo phát triển kinh tế xã hội - Khái niệm dự báo		Nghiên cứu tài

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	- Chức năng và vai trò của dự báo - Tính chất của dự báo		liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	1.2. Phân loại dự báo phát triển kinh tế xã hội - Theo đối tượng dự báo - Theo thời gian dự báo - Theo chức năng dự báo - Theo hình thức thể hiện kết quả của dự báo		
	1.3. Các tiếp cận trong dự báo phát triển - Kinh tế xã hội - Tiếp cận lịch sử - Tiếp cận cấu trúc hệ thống - Tiếp cận phức hợp		
	Thực hành: *Dự báo về sự phát triển kinh tê xã hội ở địa phương.*		
	Chương 2: **Khái quát về dự báo phát triển giáo dục**	[1,3,4,5]	G: 6 TL: 2
	2.1. Khái niệm dự báo giáo dục - Định nghĩa - Tính chất - Phân loại		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	2.2. Đối tượng của dự báo phát triển giáo dục - Những yếu tố tác động đến sự phát triển của giáo dục - Hệ thống giáo dục - Các thành tố của giáo dục		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	2.3. Vai trò của dự báo phát triển giáo dục - Với công tác quản lý giáo dục - Với các chủ thể vận hành hoạt động giáo dục.		
	Thực hành: *Dự báo về phát triển giáo dục của một bậc học trân địa bàn địa phương học viên đang công tác, hay dự báo về sự phát triển của cơ sở học viên công tác.*		
	Chương 3: Một số phương pháp dự báo phát triển giáo dục	[1,3,4,5]	G: 8 TL: 2
	3.1. Phương pháp chuyên gia - Khái niệm - Các thức tiến hành - Những điều cần lưu ý khi sử dụng phương pháp		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	3.2. Phương pháp ngoại suy		
	3.3. Phương pháp Dellphi		
	3.4. Phương pháp mô hình hoá		
	Thảo luận: *Vận dụng phối hợp các phương pháp dự báo giáo dục.*		
	Chương 4: Một số vấn đề dự báo phát triển giáo dục trong giai đoạn công nghiệp hoá hiện đại hoá dất nước	[1,3,4,5]	G: 4 TL: 2
	4.1. Dự báo về dân số học đường - Khái niệm - Nội dung		Nghiên cứu tài liệu, thảo

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	4.2. Dự báo nhu cầu giáo dục - Khái niệm - Nội dung		luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	4.3. Dự báo phát triển các loại hình trường - Khái niệm - Nội dung		
	4.4. Dự báo về đầu tư giáo dục - Khái niệm - Nội dung		
	Thực hành: *Dự báo nhu cầu học đường trong thời kỳ hội nhập.*		

6. Tài liệu tham khảo

1. Hà Nhật Thăng (chủ biên) (2003), Dự báo giáo dục, vấn đề và xu hướng, NXBGD.

2. Nguyễn Ngọc Bảo, Bùi Văn Quân (2006), *Hỏi đáp giáo dục học, Tập 1*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

3. Đỗ Văn Chấn (2003), *Dự báo phát triển giáo dục*, Tài liệu dành cho các lớp cao học chuyên ngành Quản lý giáo dục, ĐHSP Hà Nội.

4. Trần Khánh Đức (2010), Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI, NXBGD.

5. Thái Duy Tuyên (2004), *Những vấn đề cơ bản giáo dục dục học hiện đại,* NXB Giáo dục, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá

7.1. Nhiệm vụ của học viên

Dự lớp ít nhất là 80% số tiết học trở lên, hoàn thành các bài tập và tiểu luận, tự học tối thiểu 60 tiết ở nhà.

7.2. Tiêu chí đánh giá

- Dự lớp của học viên
- Tiểu luận và bài kiểm tra giữa học kỳ 60 phút
- Thi cuối kỳ 120 phút

7.3. Thang điểm đánh giá

- Thang điểm 10,0 (lấy đến 1 chữ số thập phân).
- Trọng số điểm đánh giá học phần:

+ Điểm 1: (2 bài kiểm tra; hoặc 1 bài kiểm ra, 1 bài tập, hoặc 1 bài tiểu luận), trọng số 0,4.

+ Điểm 2: bài thi hết môn, trọng số 0,6.

- Điểm học phần là tổng hợp của các điểm trên.

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 11 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	Chủ nhiệm chuyên ngành	Giảng viên
PGS,TS. Phạm Minh Giản	**PGS,TS. Nguyễn Văn Đệ**	**TS. Hồ Văn Thống**

CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Thông tin về học phần

- Mã số học phần: QGCS 542
- Tên học phần: Chính sách và chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết: 45 (20, 20, 60)

2. Bộ môn phụ trách

Lý luận giáo dục

3. Mô tả học phần

Học phần nghiên cứu những cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của việc xây dựng chiến lược giáo dục. Giới thiệu với học viên những vấn đề có tính chất phương pháp luận, quan điểm, qui trình cũng như phương pháp xây dựng chiến lược phát triển giáo dục.

4. Mục tiêu học phần

Xây dựng chiến lược giáo dục là một trong những học phần quan trọng trong hệ thống kiến thức của chương trình đào tạo thác sĩ chuyên ngành quản lý tổ chức công tác giáo dục và văn hoá. Sau khi học xong học phần này học viên nắm được những cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của việc xây dựng chiến lược giáo dục. Đặc biệt học viên cần nắm được những vấn đề có tính chất phương pháp luận, quan điểm, qui trình cũng như phương pháp xây dựng chiến lược phát triển giáo dục.

Trên cơ sở đó, học viên vận dụng những hiểu biết này để phân tích đánh giá và xây dựng chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo ở Việt Nam nhằm phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước.

5. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	Chương 1: Những cơ sở lý luận và thực tiễn của việc xây dựng chiến lược giáo dục	[4,5,6, 7,8,11]	

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	1.1. Các khái niệm cơ bản (chiến lược, sách lược, kế hoạch, định hướng, xây dựng chiến lượng giáo dục,…)		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	1.2. Những vấn đề phương pháp luận trong việc xây dựng chính sách, chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo		
	1.3. Phương pháp xây dựng, chính sách, chiến lược đào tạo ***Thảo luận:*** *Vận dụng các phương pháp xây dựng chiến lược*		
	Chương 2: Quy trình và phương pháp xây dựng chiến lược GD và đào tạo	[4,6,10]	
	2.1. Một số tiền dề trong qui trình xây dựng chiến lược		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	2.2. Các bước xây dựng chiến lược		
	2.3. Các phương pháp sử dụng trong xây dựng chiến lược - Phương pháp phân tích SWOT - Phương pháp ngoại suy - Phương pháp mô hình hoá - Kỹ thuật xét đoán - Phương pháp chọn ưu tiên - Phương pháp phân tích chi phí - kết quả		
	2.4. Qui trình cụ thể - Xây dựng tổ chức biên soạn chiến lược - Chuẩn bị đề cương		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	- Khảo sát thực trạng - Dự báo - Những trọng tâm - cái chủ yếu cần phải làm được - Các giải pháp		
	Chương 3: Vấn đề xây dựng chiến lược giáo dục và đào tạo Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước	[4,7,10]	
	3.1. Định hướng chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong Nghị quyết Trung ương		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	3.2. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và giáo dục đào tạo		
	3.3. Xây dựng và bảo vệ - Các mục tiêu chung - Mục tiêu các cấp học ngành học - Mục tiêu đào tạo giáo viên. - Mục tiêu đào tạo công nhân kỹ thuật - Mục tiêu về quản lý giáo dục		
	Thực hành: *Xác định tầm nhìn, sứ mạng, định hướng giá trị của tổ chức.*		

6. Tài liệu tham khảo

1. Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI (2011), NXB CTQG.

2. Phạm Minh Hạc (chủ biên) (1996), Vấn đề con người trong sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá, NXB CTQG.

3. Hà Thế Ngữ (Chủ biên) (1989), Dự báo giáo dục: Vấn đề và xu hướng - Viện KHGD.

4. Bùi Văn Quân (2006), Chính sách và chiến lược phát triển giáo dục, NXBĐHSPHN.

5. Bộ GD và ĐT (1996), Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo từ nay đến năm 2020.

6. Nguyễn Cảnh Hồ, Đặng Bá Lãm (1996), Khái quát về nghiên cứu chiến lược chính sách giáo dục", Tạp chí phát triển GD, 1/1996.

7. Chiến lược ổn định phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 (1991), NXB ST - HN.

8. Raja Roy Singh (1994), Nền giáo dục cho thế kỷ XXI: Những triển vọng của Châu Á - Thái Bình Dương, Viện KHGD.

9. Những ưu tiên và chiến lược cho giáo dục (1995), Ấn phẩm của ngân hàng thế giới - Washington.

10. Vũ Văn Tảo (1997), Kiến tạo lại giáo dục đáp ứng sự thay đổi - HN.

11. Cẩm nang nghiệp vụ quản lý trường học dành cho hiệu trưởng (2008), NXB Lao động.

7. Phương pháp đánh giá

7.1. Nhiệm vụ của học viên

Dự lớp ít nhất là 80% số tiết học trở lên, hoàn thành các bài tập và tiểu luận, tự học tối thiểu 60 tiết ở nhà.

7.2. Tiêu chí đánh giá

- Dự lớp của học viên.
- Tiểu luận và bài kiểm tra giữa học kỳ 60 phút.
- Thi cuối kỳ 120 phút.

7.3. Thang điểm đánh giá

- Thang điểm 10,0 (lấy đến 1 chữ số thập phân).
- Trọng số điểm đánh giá học phần:

+ Điểm 1: (2 bài kiểm tra; hoặc 1 bài kiểm ra, 1 bài tập, hoặc 1 bài tiểu luận), trọng số 0,4.

+ Điểm 2: bài thi hết môn, trọng số 0,6.

- Điểm học phần là tổng hợp của các điểm trên.

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 11 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	Chủ nhiệm chuyên ngành	Giảng viên
PGS,TS. Phạm Minh Giản	**PGS,TS. Nguyễn Văn Đệ**	**TS. Nguyễn Văn Bản**

PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH HỌC

1. Thông tin về học phần

- Mã số học phần: QGCT 516
- Tên học phần: Phát triển chương trình học
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết: 45 (30, 15, 90)
- Môn tiên quyết: Không

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:

Bộ môn Lý luận dạy học

3. Mô tả học phần

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức về xây dựng và phát triển chương trình học và tổ chức quá trình đào tạo, từ đó giúp người học chủ động áp dụng kiến thức đã học vào chương trình giảng dạy thực tế

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức:

Hiểu được các khái niệm về:

1) Chương trình đào tạo
2) Các nguyên tắc xây dựng chương trình đào tạo
3) Chương trình giảng dạy
4) Các mô hình xây dựng chương trình
5) Các triết lý xây dựng chương trình
6) Mục đích và mục tiêu xây dựng chương trình
7) Đánh giá chương trình

4.2. Về kỹ năng:

- Biết cách xây dựng chương trình học
- Có khả năng đánh giá các chương trình đào tạo có sẵn
- Thực hiện được chính xác các bước để xây dựng một chương trình có chất lượng
- Vận dụng linh hoạt các mô hình xây dựng chương trình học vào công tác giảng dạy

4.3. Về thái độ:

Có thái độ tích cực trong việc ứng dụng các kiến thức về phát triển chương trình học vào thực tế giảng dạy

5. Nội dung học phần

5.1. Phân phối chương trình

STT	Nội dung	Số tiết		
		TS	LT	TH, TL
1	Bài 1. Chương trình đào tạo	5	4	1
2	Bài 2. Các nguyên tắc xây dựng chương trình đào tạo	6	4	2
3	Bài 3. Chương trình giảng dạy	9	6	3
4	Bài 4. Các mô hình xây dựng chương trình	6	4	2
5	Bài 5: Các triết lý xây dựng chương trình	5	3	2
6	Bài 6: Mục đích và mục tiêu xây dựng chương trình	9	6	3
7	Bài 7: Đánh giá chương trình học	5	3	2
	Tổng cộng	**45**	**30**	**15**

5.2. Nội dung chi tiết

A. PHẦN LÝ THUYẾT

Bài 1: Chương trình đào tạo

1.1. Khái niệm về chương trình học

1.2. Các mối quan hệ giữa chương trình học và việc giảng dạy

1.3. Chương trình học dưới góc độ một ngành học

Bài 2: Các nguyên tắc xây dựng chương trình đào tạo

2.1. Các chuyên gia xây dựng chương trình học

2.2. Nguồn gốc của các nguyên tắc về chương trình học

2.3. Các loại nguyên tắc

Bài 3: Chương trình giảng dạy

3.1. Chương trình trong quá khứ

3.2. Chương trình trong tương lai

Bài 4: Các mô hình xây dựng chương trình

4.1. Mô hình Tyler

4.2. Mô hình Taba

4.3. Mô hình Saylor, Alexander và Lewis

4.4. Mô hình Oliva

4.5. Sự giống và khác nhau giữa các mô hình

Bài 5: Các triết lý xây dựng chương trình

5.1. Triết lý vĩnh cửu

5.2. Triết lý tái thiết

5.3. Triết lý bản chất luận

5.4. Triết lý tiến bộ

5.5. Triết lý hiện sinh

Bài 6: Mục đích và mục tiêu xây dựng chương trình

6.1. Vị trí của các mục đích và mục tiêu của chương trình học

6.2. Xây dựng các tuyên bố về các mục tiêu của chương trình

Bài 7: Đánh giá chương trình học

7.1. Các vấn đề cần lưu ý khi đánh giá chương trình học

7.2. Quy định phạm vi đánh giá

7.3. Các nguyên tắc hướng dẫn

B. PHẦN THỰC HÀNH, THẢO LUẬN

1. Cách tổ chức thực hiện chương trình
2. Tham khảo, phân tích và đánh giá một số chương trình thực tế
3. Xây dựng chương trình theo mô hình lựa chọn

6. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Ngọc Bảo, Nguyễn Đình Chỉnh (1998), *Thực hành giáo dục học* - NXB Giáo dục, Hà Nội.

2. Đặng Đình Bôi (2006), *Sổ tay phát triển chương trình đào tạo có sự tham gia*, NXB Nông Nghiệp.

3. Nguyễn Hữu Châu (2006), *Những vấn đề cơ bản về chương trình và quá trình dạy học*, NXB Giáo dục.

4. Jon Wiles và Joseph Bondi (2005), *Xây dựng chương trình học - Hướng dẫn thực hành*, NXB Giáo dục.

5. Phạm Văn Lập (1998), *Phát triển chương trình đào tạo - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Hà Nội.

6. R. Diamon (2003), *Thiết kế và đánh giá chương trình khoá học* (Cẩm nang hữu dụng), NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

7. Oliva, P. (2005). *Developing the Curriculum. Florida: Allyn & Bacon.*

8. Nguyễn Quang Uẩn (1996), *Nhập môn nghiên cứu và đánh giá GDDS*, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- Thang điểm 10 (lấy đến 1 chữ số thập phân)
- Chuyên cần: 10% (không vắng hơn 1 buổi học trên lớp)
- Tham gia thảo luận trên diễn đàn: 20%
- Bài tập giữa kỳ: 20% (nhóm và cá nhân)
- Làm bài thi cuối khóa: 50%

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 11 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	Chủ nhiệm chuyên ngành	Giảng viên
PGS,TS. Phạm Minh Giản	**PGS,TS. Nguyễn Văn Đệ**	**PGS,TS. Nguyễn Dương Hoàng**

MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC
VÀ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về học phần

- Mã số học phần: QGMT 541
- Tên học phần: Môi trường giáo dục và phát triển môi trường giáo dục
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết : 45 (22,8,60)

2. Bộ môn phụ trách

Lý luận giáo dục

3. Mô tả học phần

Nhằm trang bị cho sinh viên những tri thức hiểu biết về môi trường giáo dục đồng thời bồi dưỡng năng lực và phẩm chất của người giáo viên trong lĩnh vực xây dựng bảo vệ môi trường sư phạm.

4. Mục tiêu học phần

- Hình thành ở sinh viên hệ thống tri thức về môi trường giáo dục và sự phát triển nhân cách, và môi trường trong các cơ sở đào tạo giáo viên và những vấn đề về phát triển môi trường giáo dục.

- Bồi dưỡng cho sinh viên kỹ năng vận dụng tri thức để xây dựng môi trường sư phạm trong các hoạt động giáo dục.

- Giáo dục ý thức xây dựng và bảo vệ môi trường giáo dục.

5. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	Chương 1: Những vấn đề chung về môi trường giáo dục	[1,4,6,7]	
	1.1. Lịch sử hình thành phát triển của giáo dục môi trường		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận
	1.2. Một số khái niệm có liên quan đến giáo dục môi		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	trường		nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	1.3. Văn hoá giáo dục và văn hoá nhà trường		
	1.4. Môi trường giáo dục.		
	Thảo luận: *Xây dựng văn hoá nhà trường*		
	Chương 2: Môi trường giáo dục và sự phát triển nhân cách	[1,4,7]	
	2.1. Các thành tố của môi trường giáo dục		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	2.2. Môi trường dạy học trong xã hội hiện đại		
	2.3. Môi trường văn hoá giáo dục trong kinh tế thị trường		
	2.4. Môi trường văn hoá giáo dục theo cách tiếp cận xã hội học		
	2.5. Nhân cách và sự hình thành nhân cách người giáo viên		
	2.6. Phát triển môi trường văn hoá- giáo dục ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam.		
	Thảo luận: *Môi trường văn hoá nhà trường với sự hình thành và phát triển nhân cách người học.*		
	Chương 3: Môi trường giáo dục trong các cơ sở đào tạo giáo viên	[1,4,7]	
	3.1. Các vấn đề khảo sát trên đối tượng cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên trường ĐHSP và cao đẳng sư phạm. - Nhận thức của cán bộ, giáo viên, sinh viên về môi		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	trường giáo dục. - Các yếu tố thuận lợi tác động đến nhiệm vụ phát triển môi trường văn hoá giáo dục. - Các khó khăn trong quá trình phát triển môi trường văn hoá giáo dục. - Thực trạng nhận thức về môi trường văn hoá giáo dục.		nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	3.2. Các nội dung khảo sát trên đối tượng sinh viên - Quan niệm về môi trường văn hoá giáo dục. - Một số biểu hiện của sinh viên trong các cơ sở đào tạo giáo viên. - Mức độ của các yếu tố tác động đến sinh viên. - Nhu cầu, nguyện vọng của sinh viên về các loại hình nghệ thuật.		
	3.3. Kết quả phỏng vấn sâu - Một số biểu hiện của sinh viên trong học tập, sinh hoạt. - Một số nhận xét về sinh viên trên các phương tiện thông tin khác nhau. - Sinh viên với nhiệm vụ xây dựng môi trường sư phạm.		
	Chương 4: Phát triển môi trường giáo dục	[1,4,7]	
	4.1. Một số vấn đề có tính nguyên tắc trong việc xây dựng, phát triển môi trường văn hoá giáo dục trong các cơ sở đào tạo giáo viện		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp,
	4.2. Nhóm các biện pháp về chuyên môn - Tập trung giáo dục nhân cách toàn diện theo mục tiêu		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	giáo dục đại học - Bước đầu xác lập các tiêu chí của môi trường văn hoá giáo dục - Tổ chức các hoạt động đa dạng và phong phú trong môi trường giáo dục - Đánh giá khách quan trong quá trình giáo dục sinh viên - Hình thành cho sinh viên sư phạm năng lực tiếp cận nhanh chóng với môi trường kinh tế xã hội của địa phương và đất nước.		diễn giảng, thuyết trình
	4.3. Nhóm các biện pháp tạo điều kiện cơ sở vật chất - Trang bị điều kiện tối thiểu cho hoạt động học tập - nghiên cứu của sinh viên và giảng viên - Kiến tạo môi trường khoa học, môi trường văn hoá trong các trường sư phạm - Kiến tạo môi trường cảnh quan sinh thái.		
	4.4. Trách nhiệm của hệ thống quản lý trong việc triển khai các biện pháp		
	4.5. Sử dụng các kết quả nghiên cứu về khoa học giáo dục trong quá trình kiến tạo môi trường giáo dục		
	Thảo luận: *Người giáo viên với việc phát triển môi trường giáo dục*		

6. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Hộ (2004), Giáo dục học đại cương, tập 1 + 2, NXB GD.

2. Thủ tướng Chính phủ, Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010, 2011-2020.

3. Tài liệu hướng dẫn bồi dưỡng giáo viên thực hiện chương trình, sách giáo khoa thí điểm (2006), Bộ GD&ĐT, Hà Nội.

4. Nguyễn Thị Vân (2004), Giáo dục môi trường, ĐHQGHN.

5. Hà Nhật Thăng, Lê Tiến Hùng (1995), Tổ chức hoạt động giáo dục, Bộ GD&ĐT.

6. Hà Nhật Thăng (2006), Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường THCS, NXB Giáo dục.

7. Phạm Hồng Quang (2006), Môi trường giáo dục, NXB Giáo dục.

7. Phương pháp đánh giá

7.1. Nhiệm vụ của học viên

Dự lớp ít nhất là 80% số tiết học trở lên, hoàn thành các bài tập và tiểu luận, tự học tối thiểu 60 tiết ở nhà.

7.2. Tiêu chí đánh giá

- Dự lớp của học viên.

- Tiểu luận và bài kiểm tra giữa học kỳ 60 phút.

- Thi cuối kỳ 120 phút

7.3. Thang điểm đánh giá

- Thang điểm 10,0 (lấy đến 1 chữ số thập phân).

- Trọng số điểm đánh giá học phần:

+ Điểm 1: (2 bài kiểm tra; hoặc 1 bài kiểm ra, 1 bài tập, hoặc 1 bài tiểu luận), trọng số 0,4.

+ Điểm 2: bài thi hết môn, trọng số 0,6.

- Điểm học phần là tổng hợp của các điểm trên.

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 11 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	Chủ nhiệm chuyên ngành	Giảng viên
PGS,TS. Phạm Minh Giản	**PGS,TS. Nguyễn Văn Đệ**	**TS. Dương Huy Cẩn**

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ GIÁO DỤC VÀ TRƯỜNG HỌC

1. Thông tin về học phần

- Mã số môn học: QGTH 513
- Tên học phần: Tổ chức, quản lý giáo dục và trường học
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết: 45 (30, 15, 90)
- Môn tiên quyết: Triết học.

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:

Quản lý giáo dục

3. Mô tả học phần

Môn học nhằm cung cấp cho học viên hệ thống tri thức cơ bản, hiện đại về QLGD, định hướng phát triển hệ thống kỹ năng nghiên cứu QLGD, làm cơ sở khoa học chung để nghiên cứu hoạt động quản lý ở cơ sở giáo dục.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức:

Nhận biết, lý giải và nhận xét được những vấn đề cơ bản về tổ chức, QLGD và trường học.

4.2. Về kỹ năng*:*

Phát triển các kỹ năng xây dựng kế hoạch và phân tích cơ cấu tổ chức giáo dục. Củng cố và phát triển các kỹ năng tự học; hợp tác nhóm; kỹ năng vận dụng kiến thức và nghiên cứu khoa học QLGD.

4.3. Về thái độ:

Bồi dưỡng thái độ tích cực và quản lý có trách nhiệm, chủ động, sáng tạo vận dụng tri thức, kỹ năng đã học vào việc rèn luyện tay nghề QLGD.

5. Nội dung học phần

5.1. Phân phối chương trình

Chương	Tên chương	Số tiết		
		TS	LT	TH, TL
1	Những vấn đề chung của tổ chức, QLGD và trường học	4	3	1

2	Hệ thống giáo dục quốc dân và quan điểm QLGD	3	1	2
3	Quan hệ và chức năng QLGD và trường học	7	4	3
4	Nội dung tổ chức, QLGD và trường học	8	5	3
5	Quy luật và nguyên tắc QLGD và trường học	7	4	3
6	Phương pháp và phương tiện QLGD	7	4	3
7	Đổi mới lãnh đạo và QLGD và trường học	9	4	5
	Tổng cộng	**45**	**30**	**15**

5.2. Nội dung chi tiết

A. PHẦN LÝ THUYẾT

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA TỔ CHỨC, QUẢN LÝ GIÁO DỤC VÀ TRƯỜNG HỌC

1. Khái niệm "Tổ chức, QLGD và trường học" .
2. Bản chất của QLGD.
3. Cơ cấu nội dung của khoa học QLGD.
4. Đặc điểm của khoa học QLGD.
5. QLGD trên cơ sở quản lý trường học

CHƯƠNG 2: HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN VÀ QUAN ĐIỂM QLGD

1. Sự phát triển giáo dục nước ta từ cách mạng tháng tám đến nay .
2. Các bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân .
3. Tổ chức trường học
4. Quan điểm QLGD và trường học

CHƯƠNG 3: QUAN HỆ VÀ CHỨC NĂNG QLGD VÀ TRƯỜNG HỌC

1. Quan hệ QLGD
2. Hoạch định trong QLGD và trường học
3. Tổ chức
4. Chỉ đạo
5. Kiểm tra

CHƯƠNG 4: NỘI DUNG TỔ CHỨC, QLGD VÀ TRƯỜNG HỌC

1. Tổ chức và quản lý cán bộ QLGD và trường học
2. Tổ chức và quản lý nhà giáo
3. Tổ chức và quản lý người học
4. Tổ chức và quản lý cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục
5. Tổ chức và quản lý tài chính giáo dục và trường học
6. Tổ chức và quản lý phối hợp giáo dục

CHƯƠNG 5: QUY LUẬT VÀ NGUYÊN TẮC QLGD VÀ TRƯỜNG HỌC

1. Quy luật QLGD và trường học
2. Khái niệm, ý nghĩa và cơ sở xác định nguyên tắc QLGD và trường học
3. Hệ thống các nguyên tắc QLGD và trường học
4. Mối quan hệ và định hướng thực hiện các nguyên tắc QLGD và trường học

CHƯƠNG 6: PHƯƠNG PHÁP, CÔNG CỤ QLGD VÀ TRƯỜNG HỌC

1. Khái niệm và đặc điểm của phương pháp QLGD và trường học
2. Các phương pháp QLGD và trường học
3. Lựa chọn và sử dụng các phương pháp QLGD

CHƯƠNG 7: ĐỔI MỚI LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ TRƯỜNG HỌC

1. Cơ sở lý luận, pháp lý và thực tiễn đổi mới lãnh đạo quản lý trường học
2. Tổ chức và quản lý sự thay đổi giáo dục và trường học
3. Phát triển văn hóa nhà trường
4. Xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục và trường học
5. Phát triển đội ngũ
6. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực
7. Lãnh đạo và QLGD toàn diện
8. Ứng dụng công nghệ thông tin trong QLGD và trường học

B. PHẦN THỰC HÀNH, THẢO LUẬN

1. Thảo luận các vấn đề quản điểm, quan hệ, chức năng, quy luật, nguyên tắc, phương pháp, phương tiện tổ chức, QL GD và trường học
2. Nhận xét một số cơ cấu tổ chức, QLGD ở một cơ sở giáo dục cụ thể.
3. Xử lý các tình huống QLGD.
4. Thảo luận về tổ chức, quản lý trường Mầm non, Phổ thông, Cao đẳng, Đại học và Trung tâm giáo dục thường xuyên.

5. Tìm hiểu việc thực hiện chức năng kiểm tra của một cơ sở giáo dục.

6. Xây dựng kế hoạch năm học cho một cơ sở giáo dục và thảo luận về kế hoạch đó.

7. Sưu tầm các tình huống quản lý trường học, phân tích và giải quyết tình huống quản lý trường học.

6. Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT (2009), *Tài liệu bồi dưỡng hiệu trưởng trường phổ thông theo hình thức liên kết Việt Nam-Singapore*

2. Nguyễn Quốc Chí (2003), Tập bài giảng *Những cơ sở của lý luận quản lý giáo dục*

3. Harold Knoontz, Cyril Opdonnell, Heinz Weihrich (1998), *Những vấn đề cốt yếu của quản lý*, NXB Khoa học kỹ thuật.

4. Bùi Minh Hiền (chủ biên) (2007), *Quản lý giáo dục*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.

5. Trần Kiểm (2004*), Khoa học quản lý giáo dục - Một số vấn đề Lý luận và thực tiễn,* NXB. Giáo dục.

6. Trần Kiểm (2010), *Khoa học tổ chức và tổ chức giáo dục*, NXB Đại học sư phạm

7. Nguyễn Kỳ và Bùi Trọng Tuân (1984), "*Một số vấn đề của lý luận QLGD*", Trường CBQLGD.

8. Hồ Văn Liên (2007): Bài giảng "*Tổ chức, QLGD và trường học*"

9. Hà Thế Ngữ (1985), "*Quản lý trường phổ thông cơ sở*", Viện Khoa học giáo dục.

10. Phạm Viết Nhụ (2005), *Hệ thống thông tin quản lý giáo dục*, Học viện quản lý giáo dục, Hà Nội

11. Paul Hersey-Ken Blanc Hard (1995), *Quản lý nguồn nhân lực*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

12. PAM ROBBINS, HARVEY B. ALVY (2004), *Cẩm nang dành cho Hiệu trưởng* (sách tham khảo), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

13. Trung tâm nghiên cứu tổ chức quản lý giáo dục (1999), *Nghệ thuật lãnh đạo quản lý*, NXB Thống kê.

14. Nguyễn Kiên Trường và nhóm dịch giả (2004), *Phương pháp lãnh đạo và quản lý nhà trường hiệu quả*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

15. Viện nghiên cứu phát triển giáo dục (2002), *Chiến lược phát triển giáo dục trong thế kỷ XXI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- Thang điểm 10 (lấy đến 1 chữ số thập phân)
- Tiểu luận khoa học: hình thức luận đề; trọng số 0,5
- Thi kết thúc chuyên đề: hình thức luận đề mở, trọng số 0,5

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 11 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	Chủ nhiệm chuyên ngành	Giảng viên
PGS,TS. Phạm Minh Giản	**PGS,TS. Nguyễn Văn Đệ**	**TS. Phạm Văn Khanh**

THANH TRA, KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ TRONG QUẢN LÝ GIÁO DỤC

1. Thông tin chung về học phần

- Mã môn học: QGTT 518
- Tên học phần: Thanh tra, kiểm tra và đánh giá trong quản lý giáo dục
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết tín chỉ: 45 (30/15/90)
- Môn tiên quyết: Không

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy

Bộ môn lý luận giáo dục

3. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức lý luận cơ bản về thanh tra, kiểm tra và đánh giá trong giáo dục. Đồng thời, hình thành cho người học kỹ năng tác nghiệp, quản lý trong hoạt động thanh tra, kiểm tra và đánh giá trong giáo dục.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

Cung cấp người học những kiến thức cơ bản về quản lý, quản lý giáo dục; những kiến thức về những trụ cột chính của quản lý giáo dục (chế định xã hội, bộ máy tổ chức và nhân lực, tài lực và vật lực, môi trường hoạt động của tổ chức); những kiến thức về thanh tra kiểm tra và đánh giá trong quản lý giáo dục.

4.2. Về kỹ năng

Trang bị cho người học những kỹ năng cơ bản để giúp họ xác định đúng năm trụ cột trong quản lý giáo dục (chế định xã hội, bộ máy tổ chức và nhân lực, tài lực và vật lực, môi trường hoạt động của tổ chức); vận dụng năm trụ cột vào vào trong hoạt động quản lý giáo dục tại các cơ sở giáo dục; vận dụng các tri thức để tiến hành những cuộc thanh tra, kiểm tra và đánh giá các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục tại các cơ sở giáo dục.

4.3. Về thái độ

Nâng cao thái độ người học để giúp họ chuyên tâm công việc quản lý các hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục; chia sẻ kinh nghiệm quản lý giáo dục với đồng nghiệp trong và ngoài cơ sở giáo dục; không ngừng cập nhật kiến thức để nâng cao năng lực quản lý giáo dục nhằm phục vụ hiểu quả công việc quản lý giáo dục trong phạm vi thanh tra, kiểm tra và đánh giá trong quản lý giáo dục.

5. Nội dung học phần

Nội dung	Số tiết		
	LT	ThH	TH
Phần 1. MỘT SỐ TRI THỨC VỀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC	**4**	**2**	
1.1. Khái quát về quản lý giáo dục 1.1.1. Khái niệm về quản lý giáo dục 1.1.2. Tầm quan trọng của quản lý giáo dục 1.1.3. Chức năng quản lý giáo dục 1.1.4. Mục tiêu quản lý giáo dục 1.2. Chất lượng giáo dục 1.2.1. Khái niệm chất lượng giáo dục 1.2.2. Các yếu tố hình thành chất lượng giáo dục 1.2.3. Đánh giá chất lượng giáo dục Câu hỏi ôn tập			
Phần 2 : CÁC TRỤ CỘT TRONG QUẢN LÝ GIÁO DỤC	**5**	**3**	
2.1. Chế định xã hội 2.2. Bộ máy tổ chức và nhân lực 2.3 Tài lực và vật lực 2.4. Môi trường hoạt động của tổ chức 2.5. Thông tin hoạt động của tổ chức. 2.6. Vận dụng các trụ cột này vào trong hoạt động quản lý giáo dục Câu hỏi ôn tập			
Phần 3 : THANH TRA TRONG QUẢN LÝ GIÁO DỤC	**7**	**4**	
A. Tổng quan về thanh tra giáo dục 3.1. Khái niệm thanh tra giáo dục 3.2. Chủ thể thanh tra và khách thể thanh tra 3.3. Cơ sở lý luận và thực tiễn của thanh tra giáo dục 3.4. Mục đích thanh tra giáo dục			

3.5. Ý nghĩa của thanh tra giáo dục 3.6. Vị trí của thanh tra giáo dục 3.7. Vai trò thanh tra giáo dục 3.8. Nhiệm vụ của thanh tra giáo dục 3.9. Chức năng của thanh tra giáo dục 3.10. Quyền và trách nhiệm của thanh tra giáo dục 3.11. Đối tượng của thanh tra giáo dục 3.12. Nội dung thanh tra giáo dục **B. Tổ chức hoạt động của thanh tra giáo dục** 1. Cơ quan thanh tra giáo dục 2. Tổ chức, quyền hạn, nhiệm vụ của thanh tra giáo dục 3. Nguyên tắc hoạt động của thanh tra giáo dục 4. Phương pháp, phương tiện thực hiện thanh tra giáo dục 5. Các hình thức thanh tra giáo dục 6. Thủ tục, qui trình thanh tra giáo dục 7. Các yêu cầu của thanh tra giáo dục 8. Quyền của đối tượng tham gia giáo dục 9. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo thanh tra giáo dục **A. Thực trạng của thanh tra giáo dục** **B. Những định hướng đổi mới công tác thanh tra giáo dục** **C. Giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục** Câu hỏi hướng dẫn ôn tập			
PHẦN 4. KIỂM TRA TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC	**7**	**3**	
1. Một số vấn đề chung về hoạt động kiểm tra 2. Kiểm tra cơ sở hoạt động của người quan lý 2.1. Quan niệm về kiểm tra nội bộ cơ sở giáo dục 2.2. Cơ sở lý luận và thực tiễn kiểm tra nội bộ cơ sở giáo dục 2.3. Vị trí, vai trò kiểm tra nội bộ cơ sở giáo dục 2.4. Chức năng kiểm tra nội bộ các cơ sở giáo dục			

2.5. Mục đích, nhiệm vụ và nội dung kiểm tra nội bộ cơ sở giáo dục 2.6. Nguyên tắc kiểm tra nội bộ cơ sở giáo dục 2.7. Phương pháp kiểm tra nội bộ cơ sở giáo dục 2.8. Hình thức kiểm tra nội bộ cơ sở giáo dục 2.9. Qui trình kiểm tra nội bộ cơ sở giáo dục 3. Thực trạng kiểm tra nội bộ cơ sở giáo dục 4. Giải pháp nâng cao chất lượng công tác kiểm tra Câu hỏi ôn tập			
Phần 5. ĐÁNH GIÁ TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC	**7**	**3**	
1. Cơ sở lý luận của đánh giá trong quản lý giáo dục 1.1. Quan niệm về đánh giá 1.2. Vị trí, vai trò của đánh giá 1.3. Chức năng của hoạt động đánh giá 1.4. Yêu cầu của hoạt động đánh giá 2. Nội dung của hoạt động đánh giá 2.1. Quan niệm về đánh gia trong quản lý giáo dục 2.2. Mục tiêu đánh giá trong quản lý giáo dục 2.3. Các nội dung đánh giá trong quản lý giáo dục 2.4. Các loại hình đánh giá trong quản lý giáo dục 2.5. Nội dung và hình thức đánh giá 2.6. Quy trình tổ chức đánh gia 3. Các lĩnh vực đánh gia trong giáo dục 3.1. Đánh giá chất lượng quá trình giáo dục 3.2. Đánh giá chất lượng tổng thể quá trình giáo dục 3.3. Đánh giá cơ sở giáo dục theo chuẩn 3.4. Đánh giá hoạt động của tổ chức và cá nhân tham gia giáo dục 3.5. Đánh giá hoạt động quản lý 4. Công cụ đáng giá trong quản lý giáo dục			

5. Phương hướng đánh giá hiệu quả quản lý giáo dục của cơ sở GD Câu hỏi ôn tập			
TỔNG	**30**	**15**	**90**

6. Tài liệu tham khảo

6.1. Tài liệu bắt buộc

1. Bài giảng: Thanh tra, kiểm tra trong QLGD, PGS, TS. Nguyễn Văn Đệ

2. Bài giảng: Thanh tra kiểm tra, và đánh giá trong quản lý giáo dục, TS. Trần Văn Đạt

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD&ĐT (1997) Thanh tra giáo dục: Nghiệp vụ thanh tra trường học và giáo viên phổ thông, Hà Nội, 1997.

2. Nguyên Phúc Châu (2010), Thanh tra, kiểm tra và đáng giá trong quản lý giáo dục, Học viện quản lý giáo dục, Hà Nội.

3. Ngà xuất bản Lao động và xã hội (2002), Các văn bản pháp luật về thanh tra, Hà Nội.

4. Trường Cán bộ quản lý GD&ĐT, Bộ giáo trình bồi dưỡng CBQL và công chức ngành GD&ĐT - Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- Thang điểm 10 (lấy đến 1 chữ số thập phân)
- Tiểu luận khoa học: hình thức luận đề; trọng số 0,5
- Thi kết thúc chuyên đề: hình thức luận đề mở, trọng số 0,5

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 11 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	Chủ nhiệm chuyên ngành	Giảng viên
PGS,TS. Phạm Minh Giản	**PGS,TS. Nguyễn Văn Đệ**	**PGS,TS. Trần Văn Đạt**

QUẢN LÝ DỰ ÁN GIÁO DỤC

1. Thông tin về học phần

- Mã số học phần: QGDA 559
- Tên học phần: Quản lý dự án giáo dục
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết: 45 (25, 20, 90)
- Môn tiên quyết: không.

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy

Bộ môn Quản lý Giáo dục

3. Mô tả học phần

Học phần trang bị kiến thức về thiết lập dự án và các kỹ năng thiết yếu cho việc quản lý một dự án cụ thể.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

Nắm được nội dung cơ bản của một dự án; có các kiến thức lựa chọn dự án để đầu tư và kiến thức quản lý dự án.

4.2. Về kỹ năng

Biết lập một dự án đầu tư, có các kĩ thuật để chọn dự án tốt, loại bỏ dự án xấu; biết các kỹ năng quản lý dự án.

4.3. Về thái độ

Khách quan, nghiêm túc và bài bản khi nghiên cứu các vấn đề liên quan đến dự án đầu tư và quản trị dự án đầu tư.

5. Nội dung học phần

5.1. Phân phối chương trình

ương	**Tên chương**	**Số tiết**		
		TS	**LT**	**TH, TL**
1	Khái quát về dự án và dự án giáo dục	5	5	0
2	Thiết lập và lựa chọn dự án đầu tư	10	5	5
3	Quản lý thời gian thực hiện dự án	10	5	5

4	Quản lý chi phí thực hiện dự án	10	5	5
5	Quản lý việc bố trí và điều hòa nguồn lực thực hiện dự án	10	5	5
	Tổng cộng	**45**	**25**	**20**

5.2. Nội dung chi tiết

A. PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1. Khái quát về dự án và dự án giáo dục

1.1. Khái niệm

1.2. Tầm quan trọng của quản lý dự án giáo dục

Chương 2. Thiết lập và lựa chọn dự án đầu tư

2.1. Thiết lập một dự án khả thi

2.2. Lựa chọn dự án đầu tư

Chương 3. Quản lý thời gian thực hiện dự án

3.1. Phương pháp sơ đồ GANTT

3.2. Phương pháp sơ đồ PERT

3.3. Xác suất thời gian hoàn thành dự án

Chương 4. Quản lý chi phí thực hiện dự án

4.1. Kĩ thuật kiểm soát chi phí thực hiện dự án

4.2. Kĩ thuật tích hợp kiểm soát công việc và chi phí với thời gian thực hiện dự án

4.3. Kiểm soát chi phí hoàn thành trước thời hạn

4.4. Dự báo chi phí thực tế của toàn bộ dự án

Chương 5. Quản lý việc bố trí và điều hòa nguồn lực thực hiện dự án

5.1. Bố trí nguồn lực

5.2. Điều hòa nguồn lực

5.3. Bố trí và điều hòa nguồn nhân lực

B. PHẦN THỰC HÀNH, THẢO LUẬN

Thảo luận và thực hành xây dựng một dự án phát triển giáo dục tại một cơ sở giáo dục.

6. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Các biểu mẫu quản lý dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ,* Ban hành kèm theo quyết định số 59/2007/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 10 năm 2007.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Trình tự, thủ tục, hồ sơ phê duyệt dự án đầu tư, Ban hành kèm theo Quyết định số 2368 /QĐ-BGDĐT ngày 09 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*

3. Từ Quang Hiển (chủ biên) (2007), *Xây dựng và quản lý dự án*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

4. Chính phủ (2009), *Nghị định số 12/2009/NĐ-CP Về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình*.

5. Bùi Ngọc Toàn (2008), *Các nguyên lý về quản lý dự án*, NXB Giao thông vận tải, Hà Nội.

6. Từ Quang Phương (2005), *Quản lý dự án đầu tư*, NXB Lao động xã hội, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- Thang điểm 10 (lấy đến 1 chữ số thập phân).
- Điểm chuyên cần: trọng số 0,1.
- Bài kiểm tra giữa kì; trọng số 0,3
- Bài thi kết thúc học phần: hình thức tự luận, đề mở, thời gian làm bài 90 phút; trọng số 0,6.
- Điểm học phần/môn học: điểm trung bình chung của các điểm trên.

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 11 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	Chủ nhiệm chuyên ngành	Giảng viên
PGS,TS. Phạm Minh Giản	**PGS,TS. Nguyễn Văn Đệ**	**TS. Phan Ngọc Thạch**

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về học phần

- Mã số học phần: QGKC 525
- Tên học phần: Kiểm định chất lượng giáo dục
- Số tín chỉ: 03 (2, 1, 6)
- Số tiết: 45 (30, 30, 90)

2. Bộ môn phụ trách

Lý luận dạy học

3. Mô tả học phần

Kiểm định chất lượng giáo dục là một học phần nhằm đáp ứng nhu cầu cấp bách của ngành giáo dục là đào tạo, bồi dưỡng những chuyên gia làm công tác đảm bảo chất lượng tại các cơ sở giáo dục. Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về chất lượng giáo dục và kiểm định chất lượng. Học viên được giới thiệu các mô hình đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng của các nước trên thế giới và Việt Nam, được làm quen với các Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục, đồng thời được phát triển các kỹ năng tự học, tự đánh giá, viết báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

- Nắm được những kiến thức cơ bản về chất lượng giáo dục và kiểm định chất lượng giáo dục.
- Nắm được những hiểu biết ban đầu về các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trên thế giới và Việt Nam;
- Hiểu được nội dung bộ tiêu chuẩn và quy trình kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục ở Việt Nam.

4.2. Về kỹ năng

- Phát triển kỹ năng tự học, kỹ năng thu thập, xử lý minh chứng,... trong kiểm định chất lượng giáo dục
- Học viên bước đầu hình thành được kỹ năng viết báo cáo tự đánh để tham gia vào công tác đảm bảo chất lượng tại đơn vị công tác.

4.3. Về thái độ

- Tích cực, chủ động, nghiêm túc học tập và nghiên cứu.

- Hình thành ở học viên đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm của người làm công tác kiểm định chất lượng.

5. Nội dung chi tiết học phần

5.1. Phân phối chương trình

Chương	Tên chương	Số tiết		
		TS	LT	TH, TL
1	Tổng quan về chất lượng giáo dục và kiểm định chất lượng giáo dục	9	6	6
2	Kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non	9	6	6
3	Kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên	12	9	9
4	Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học	15	9	9
	Tổng cộng	**45**	**30**	**30**

5.2. Nội dung chi tiết

A. PHẦN LÝ THUYẾT

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1.1. Khái niệm chất lượng

1.2. Khái niệm chất lượng giáo dục

1.3. Quản lý chất lượng giáo dục

2. HỆ THỐNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRÊN THẾ GIỚI

2.1. Các mạng lưới tổ chức đảm bảo chất lượng và kiểm định chất giáo dục quốc tế, khu vực.

2.2. Hoạt động đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục của một số nước, khu vực trên thế giới:

3. HỆ THỐNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM

3.1. Chủ trương, chính sách về kiểm định chất lượng giáo dục của Việt Nam

3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam về kiểm định chất lượng giáo dục

3.3. Kết quả xây dựng và phát triển về hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục của Việt Nam

CHƯƠNG 2: KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG MẦM NON

1. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG MẦM NON

2. QUY TRÌNH VÀ CHU KỲ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG MẦM NON

CHƯƠNG 3: KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, CƠ SỞ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

1. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG TIỂU HỌC

2. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG TRUNG HỌC

3. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

4. QUY TRÌNH VÀ CHU KỲ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, CƠ SỞ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

CHƯƠNG 5: KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

1. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

2. QUY TRÌNH VÀ CHU KỲ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

B. PHẦN THỰC HÀNH, THẢO LUẬN

1. Nhận xét thực trạng công tác quản lý chất lượng giáo dục và kiểm định chất lượng giáo dục Việt Nam hiện nay.

2. Thực hành các kỹ năng viết báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục.

4. Liên hệ với thực tiễn công tác quản lý của bản thân.

6. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số: 62 /2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012: Ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số: 42/2012/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 11 năm 2012: Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), Thông tư số: 25/2014/TT-BGDĐT ngày 7 tháng 8 năm 2014: Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), Quyết định số: 06/VBHN-BGDĐT, ngày 04 tháng 3 năm 2014: Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học.

5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), Quyết định số: 07 /VBHN-BGDĐT, ngày 04 tháng 3 năm 2014: Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường trung cấp chuyên nghiệp

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), Quyết định số: 08 /VBHN-BGDĐT, ngày 04 tháng 3 năm 2014: Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường cao đẳng

7. Nguyễn Đức Chính (2002), Kiểm định chất lượng trong giáo dục đại học, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

8. Phạm Thành Nghị (2000), Quản lý chất lượng giáo dục đại học, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Thông tư ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục đại học.

7. Phương pháp đánh giá

7.1. Nhiệm vụ của học viên

Dự lớp ít nhất là 80% số tiết học trở lên, hoàn thành các bài tập và tiểu luận, tự học tối thiểu 90 tiết ở nhà.

7.2. Tiêu chí đánh giá

- Dự lớp của học viên.

- Tiểu luận và bài kiểm tra giữa học kỳ 60 phút.

- Thi cuối kỳ 120 phút.

7.3. Thang điểm đánh giá

- Thang điểm 10,0 (lấy đến 1 chữ số thập phân).

- Trọng số điểm đánh giá học phần:

+ Điểm 1: (2 bài kiểm tra; hoặc 1 bài kiểm ra, 1 bài tập, hoặc 1 bài tiểu luận), trọng số 0,4.

+ Điểm 2: bài thi hết môn, trọng số 0,6.

- Điểm học phần là tổng hợp của các điểm trên.

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 11 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	Chủ nhiệm chuyên ngành	Giảng viên
PGS,TS. Phạm Minh Giản	**PGS,TS. Nguyễn Văn Đệ**	**TS. Phan Trọng Nam**

VẬN DỤNG CÁC TIẾP CẬN HIỆN TRONG QUẢN LÝ GIÁO DỤC

1. Thông tin về học phần

- Mã học phần: TSQL 101
- Tên học phần: **Vận dụng các tiếp cận hiện trong quản lý giáo dục**
- Số tín chỉ: **03**
- Số tiết: **45** (30, 15)

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy

Bộ môn Quản lý giáo dục

3. mô tả học phần

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản và có hệ thống về: Các tiếp cận hiện đại; vận dụng các tiếp cận hiện đại trong quản lý và lãnh đạo nhà trường. Học phần có tầm quan trọng đặc biệt vì năng lực lãnh đạo và quản lý sẽ quyết định thành công trong đổi mới, nâng chất lượng giáo dục.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

- Trình bày thể hiện sự hiểu về khái niệm, vai trò và tầm quan trọng của lãnh đạo và quản lý; các thuyết tiếp cận hiện đại;

- Hiểu được các nhiệm vụ của người hiệu trưởng trong quản lý và lãnh đạo nhà trường;

- Hiểu được các công việc của nhà quản lý trong việc vận dụng các thuyết tiếp cận hiện đại.

4.2. Về kỹ năng

- Thu thập được thông tin thực tiễn của các nhà quản lý giáo dục các cấp học, bậc học về việc vận dụng những tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục.

- Phân tích, đánh giá thực tiễn dựa trên những kiến thức khoa học của học phần.

- Vận dụng được các tiếp cận hiện đại trong quản lý cho bản thân, đơn vị.

4.3. Về thái độ

Ý thức tầm quan trọng việc xác lập những tiếp cận hiện đại, trang bị và bồi dưỡng những năng lực cần thiết của một nhà lãnh đạo cơ sở giáo dục.

5. Nội dung chương trình

Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
Chương 1. Lý luận về quản lý và lãnh đạo 1.1. Khái quát về quản lý và lãnh đạo 1.2. Hình ảnh nhà lãnh đạo hiện đại 1.2.1. Phẩm chất của nhà lãnh đạo hiện đại 1.2.2. Yêu cầu đối với nhà lãnh đạo hiện đại 1.3. So sánh lãnh đạo và quản lý	[1], [2], [3]	Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
Chương 2. Tiếp cận hệ thống trong quản lý và lãnh đạo nhà trường 2.1. Một số nội dung cơ bản của tiếp cận hệ thống 2.2. Hoạt động cụ thể của Hiệu trưởng theo tiếp cận hệ thống trong quản lý và lãnh đạo nhà trường.	[2]	
Chương 3. Tiếp cận quá trình trong quản lý và lãnh đạo nhà trường 3.1. Một số nội dung cơ bản của tiếp cận quá trình 3.2. Hoạt động cụ thể của Hiệu trưởng theo tiếp cận quá trình trong quản lý và lãnh đạo nhà trường.	[2]	
Chương 4. Tiếp cận theo vai trò trong quản lý và lãnh đạo nhà trường 4.1. Một số nội dung cơ bản của tiếp cận theo vai trò 4.2. Hoạt động cụ thể của Hiệu trưởng theo tiếp cận vai trò trong quản lý và lãnh đạo nhà trường.	[2]	
Chương 5. Tiếp cận lãnh đạo theo tình huống trong quản lý và lãnh đạo nhà trường 5.1. Một số nội dung cơ bản của tiếp cận lãnh đạo theo tình huống 5.2. Hoạt động cụ thể của Hiệu trưởng theo tiếp cận	[2]	

lãnh đạo tình huống trong quản lý và lãnh đạo nhà trường.		
Chương 6. Tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể trong quản lý và lãnh đạo nhà trường 6.1. Một số nội dung cơ bản của tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể 6.2. Hoạt động cụ thể của Hiệu trưởng theo tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể trong quản lý và lãnh đạo nhà trường.	[2]	
Chương 7. Tiếp cận quản lý theo mục tiêu trong quản lý và lãnh đạo nhà trường 7.1. Một số nội dung cơ bản của tiếp cận quản lý theo mục tiêu 7.2. Hoạt động cụ thể của Hiệu trưởng theo tiếp cận quản lý theo mục tiêu trong quản lý và lãnh đạo nhà trường.	[2]	
Chương 8. Tiếp cận quản lý nhân lực trong quản lý và lãnh đạo nhà trường 8.1. Một số nội dung cơ bản của tiếp cận quản lý nhân lực 8.2. Hoạt động cụ thể của Hiệu trưởng theo tiếp cận quản lý nhân lực trong quản lý và lãnh đạo nhà trường.	[2]	
Chương 9. Tiếp cận theo năng lực thực hiện trong quản lý và lãnh đạo nhà trường 9.1. Một số nội dung cơ bản của tiếp cận theo năng lực thực hiện 9.2. Hoạt động cụ thể của Hiệu trưởng theo tiếp cận năng lực thực hiện trong quản lý và lãnh đạo nhà trường.	[2]	

6. Tài liệu tham khảo

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2005), *Những xu thế quản lý hiện đại vận dụng vào quản lý giáo dục*, Khoa Sư Phạm, Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2] Trần Kiểm (2016), *Quản lý và lãnh đạo nhà trường hiệu quả (Tiếp cận năng lực)*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm.

[3] Đặng Xuân Hải (2002), *Nhận diện khái niệm lãnh đạo và quản lý trong quản lý trường học, phát triển giáo dục*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm..

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2004), *Đại cương về khoa học quản lý*, Giáo trình dành cho các khoa đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục, Hà Nội.

[2]. Trần Khánh Đức (2014), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[3] Trần Khánh Đức, Nguyễn Mạnh Hùng (2012), *Giáo dục đại học và quản trị đại học*, Nhà xuất bản ĐHQG Hà Nội.

[4] Nguyễn Thị Mỹ Lộc (chủ biên), Đăng Quốc Bảo, Nguyễn Trọng Hậu, Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Sỹ Thư, "*Quản lý giáo dục - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*", Nhà xuất bản ĐHQG Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá

- Thang điểm 10 (lấy đến 1 chữ số thập phân)

- Bài thi giữa kì (bài thi điều kiện): nghiên cứu sinh thực hiện 01 tiểu luận giữa kì, trọng số 0,4 (thực hiện tiểu luận giữa kì là điều kiện để thực hiện tiểu luận kết thúc học phần).

- Bài thi kết thúc học phần: nghiên cứu sinh thực hiện một tiểu luận kết thúc học phần, trọng số 0,6.

- Điểm của học phần/môn học: là điểm chung của 2 bài tiểu luận nêu trên.

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 11 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	Chủ nhiệm chuyên ngành	Giảng viên
PGS,TS. Phạm Minh Giản	**PGS,TS. Nguyễn Văn Đệ**	**TS. Phạm Hữu Ngãi**

TRIẾT LÝ GIÁO DỤC

1. Thông tin về học phần

- Mã số học phần: TSQL 102
- Tên học phần: Triết lý giáo dục
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết: 45 (20,20,60)

2. Bộ môn phụ trách

Giáo dục học

3. Mục tiêu học phần

Giúp nghiên cứu sinh nắm vững tri thức cơ bản về triết lý giáo dục, phương pháp luận tiếp cận các triết lý giáo dục và kỹ năng vận dụng trong thực tế.

4. Mô tả học phần

Trang bị bị cho người học những tri thức cơ bản về triết lý giáo dục thế giới qua các thời kỳ và triết lý giáo dục của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, so sánh đối chiếu với triết lý giáo dục của một số nước phương Đông, phương Tây và khu vực.

5. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	Chương 1: Một số vấn đề chung về triết lý giáo dục	[1,2,3,4]	
	1.1 Một số khái niệm cơ bản 1.2 Đối tượng nghiên cứu của triết lý giáo dục 1.3 Các phạm trù cơ bản của triết lý giáo dục 1.4 Phương pháp nghiên cứu triết lý giáo dục		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	Chương 2: Triết lý giáo dục phương Đông và phương Tây	[1,2]	
	2.1. Triết lý giáo dục phương Đông		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	2.2. Triết lý giáo dục phương Đông		
	2.3. Triết lý giáo dục hiện đại ở Trung Quốc		
	2.4. Những vấn đề triết lý giáo dục cần quan tâm trong thời đại ngày nay		
	Thảo luận: *Phát hiện những vấn đề cấp thiết và quan trọng cần giải quyết của nền giáo dục Việt Nam, từ đó xác định quan điểm tiếp cận cho giáo dục Việt Nam* *Viết tiểu luận liên quan đến luận án*		
	Chương 3: Triết lý giáo dục Việt Nam trong thời kỳ Phong Kiến	[2,4]	
	3.1. Triết lý giáo dục thể hiện qua ca dao tục ngữ		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	3.2. Triết lý giáo dục thể hiện qua hệ thống nhà trường		
	3.3. Triết lý giáo dục thể hiện qua quan điểm của các nhà giáo dục.		
	Thảo luận: *Giáo dục Việt Nam thời Phong Kiến*		
	Chương 4: Triết lý giáo dục Việt Nam từ Cách mạng tháng 8 đến nay	[2,3,4,5]	
	4.1. Quan điểm, tư tưởng của Đảng, Nhà nước và Chủ tịch Hồ Chí Minh về giáo		Nghiên cứu tài liệu, thảo

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	dục		luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	4.2. Những vấn đề cơ bản của triết lý giáo dục		
	4.3. Một số vấn đề cấp thiết của giáo dục Việt Nam		
	4.4. Nghị quyết đại hội XI về phát triển giáo dục Việt Nam trong thời kỳ hội nhập		
	Thảo luận: *Xác định những vấn đề cấp thiết của giáo dục Việt Nam và đề xuất giải pháp. Viết tiểu luận liên quan đến luận án* *Ôn tập và thi hết môn*		

6. Tài liệu tham khảo

1. Phan Trọng Báu (2006), Giáo dục Việt Nam thời cận đại, NXBGD.

2. Lương Vị Hùng (1997), Triết học giáo dục hiện đại, NXBGD Quảng Đông.

3. Phan Ngọc Liên (2002), Hồ Chí Minh với Giáo dục - Đào tạo, NXB Từ điển bách khoa.

4. Thái Duy Tuyên (2001), Giáo dục học hiện đại, NXB ĐHQGHN.

5. Thái Duy Tuyên (2007), Triết học giáo dục Việt Nam, NXBĐHSP.

7. Phương pháp đánh giá

7.1. Nhiệm vụ của học viên

Dự lớp ít nhất là 80% số tiết học trở lên, hoàn thành các bài tập và tiểu luận, tự học tối thiểu 60 tiết ở nhà.

7.2. Tiêu chí đánh giá

- Dự lớp của học viên.
- Tiểu luận và bài kiểm tra giữa học kỳ 60 phút.

- Thi cuối kỳ 120 phút.

7.3. Thang điểm đánh giá

- Thang điểm 10,0 (lấy đến 1 chữ số thập phân).

- Trọng số điểm đánh giá học phần:

+ Điểm 1: (02 bài kiểm tra; hoặc 1 bài kiểm ra, 1 bài tập, hoặc 1 bài tiểu luận), trọng số 0,4.

+ Điểm 2: bài thi hết môn, trọng số 0,6.

- Điểm học phần là tổng hợp của các điểm trên.

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 11 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**	**Chủ nhiệm chuyên ngành**	**Giảng viên**
	PGS,TS. Nguyễn Văn Đệ	**PGS,TS. Phạm Minh Giản**

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TRONG THỜI KÌ ĐỔI MỚI

1. Thông tin về học phần

- Mã số học phần: TSQL 103
- Tên học phần: Chính sách phát triển giáo dục trong thời kì đổi mới
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết: 45 (20, 20, 60)

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy

Quản lý Giáo dục

3. Mô tả về học phần

Học phần cung cấp cho nghiên cứu sinh những kiến thức cơ bản và phương pháp xây dựng, quản lý chính sách nói chung và vận dụng vào xây dựng chính sách phát triển giáo dục nói riêng (do nghiên cứu sinh chủ yếu từ địa phương, phạm vi kiến thức giới hạn chủ yếu trong chính sách phát triển giáo dục phổ thông). Trên cơ sở đó, trang bị cho nghiên cứu sinh phương pháp tiếp cận xây dựng và quản lý chính sách giáo dục một cách hiệu quả.

4. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần này, nghiên cứu sinh đạt được những mục tiêu sau:

4.1. Mục tiêu kiến thức

- Trình bày những cơ sở khoa học của quá trình xây dựng, quản lý chính sách
- Nắm vững kiến thức về chính sách phát triển giáo dục
- Phân tích, đánh giá thực trạng giáo dục Việt Nam; phát hiện các xu hướng đổi mới giáo dục hiện nay
- Nắm vững mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp về đổi mới giáo dục

4.2. Mục tiêu kỹ năng

- Trang bị phương pháp xây dựng, quản lý chính sách nói chung
- Hình thành và phát triển các kỹ năng cơ bản trong xây dựng chính sách phát triển giáo dục
- Phương pháp phân tích thực trạng, phát hiện xu thế và đề ra nhiệm vụ, giải pháp cho phát triển giáo dục

4.3. Mục tiêu thái độ

- Ý thức đúng đắn về tầm quan trong và tính cấp thiết của xây dựng và quản lý chính sách trowng quản lý giáo dục

- Có hứng thú học tập, có thái độ học tập khoa học, nghiêm túc, trách nhiệm, hợp tác; tích cực, chủ động, sáng tạo trong nghiên cứu và vận dụng

5. Nội dung chi tiết của học phần

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về chính sách

1. Các định nghĩa về chính sách và khung chính sách

2. ***Phân loại thuật ngữ chính sách***

- Chính sách được đặt tên cho một lĩnh vực hoạt động
- Chính sách được xem là sự biểu đạt những mục tiêu chung hoặc trạng thái mong muốn của công việc
- Chính sách được xem là những dự kiến đặc biệt
- Chính sách là quyết định của Chính phủ, nghị quyết Quốc hội, của Đảng
- Chính sách là một chương trình hành động
- Chính sách là đầu ra của các hoạt động của chính phủ
- Chính sách được xem như là kết quả của các hoạt động
- Chính sách là một quá trình

3. Quá trình/chu trình quản lý chính sách

3.1. Khái quát quá trình chính sách

3.2. Phân tích 5 giai đoạn của quá trình chính sách

- Sự xuất hiện vấn đề và xác định vấn đề đặt ra
- Xây dựng và thông qua văn bản chính sách
- Xây dựng kế hoạch thực hiện chính sách
- Đánh giá tác động của chính sách
- Kết thúc chính sách hoặc hoàn thiện để thực hiện theo chu trình mới

3.3. Phân tích, đánh giá tác động của chính sách (Regulatory Impact Analysis - RIA)

- Các mô hình phân tích, đánh giá chính sách
- Quy trình phân tích, đánh giá chính sách

Chương 2: Đặc điểm của quá trình tiếp cận chính sách trong giáo dục

1. Mục tiêu giáo dục và tiếp cận xây dựng chính sách giáo dục

- Yêu cầu về mục tiêu, chỉ tiêu
- Mối quan hệ giữa mục tiêu/chỉ tiêu và điều kiện thực hiện

- Khắc phục sự không tương quan giữa mục tiêu, chỉ tiêu
- Xác định mục tiêu ưu tiên và đo đạc, đánh giá mục tiêu

2. Ảnh hưởng của môi trường đến chính sách giáo dục

- Môi trường xã hội, cộng đồng
- Môi trường nhà trường
- Môi trường gia đình

3. Ảnh hưởng của các nhà làm chính sách trong hệ thống giáo dục

- Năng lực, nhận thức
- Sự chi phối của quyền lực, lợi ích

4. Một số yếu tố ảnh hưởng khác trong xây dựng chính sách giáo dục

Chương 3: Quá trình phát triển chính sách giáo dục và yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục tại Việt Nam

1. Quá trình chuyển đổi chính sách phát triển giáo dục tại Việt Nam

- Sự chuyển đổi theo các quy định của Hiến pháp
- Sự chuyển đổi theo các quy định của Luật Giáo dục
- So sánh với chính sách giáo dục của một số quốc gia

2. Thực trạng giáo dục Việt Nam và những vấn đề đặt ra cho yêu cầu đổi mới

- Thực trạng Giáo dục đến năm 2020
- Những yêu cầu đặt ra cho đổi mới giáo dục

3. Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đổi mới giáo dục giai đoạn hiện nay

- Xu thế phát triển giáo dục trong bối cảnh kinh tế thị trường, toàn cầu hoá
- Quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục và đào tạo
- Mục tiêu và giải pháp phát triển giáo dục

6. Tài liệu tham khảo

[1] Đặng Quốc Bảo (2007), *Cẩm nang nâng cao năng lực quản lý nhà trường*, NXB Chính trị Quốc gia.

[2] Trần Kiểm (2002): *Khoa học quản lý nhà trường phổ thông,* NXBĐHG HN.

[3] Đặng Bá Lãm - Phạm Thành Nghị (1999), *Chính sách và kế hoạch trong quản lý giáo dục,* NXB Giáo dục, Hà Nội.

[4] Lee, N. (2002), *Xây dựng và áp dụng phương pháp luận RIA tại các nước thu nhập trung bình và thấp*, Đại học Manchester, Anh.

[5] Nguyễn Lộc (2009), *Cơ sở lý luận xây dựng chiến lược trong giáo dục,* NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[6] OECD (2004), *Regulatory Impact Analysis (RIA) Inventory*, Note prepared by the OECD Secretariat for the Public Governance Committee meeting, Paris.

[7] OECD (2007), *Phân tích tác động của chính sách: Cách thực hành tốt nhất ở các nước OECD*, Paris.

[8] OECD (2007), *Xây dựng khuôn khổ thực hiện Phân tích tác động của quy định (RIA): Các công cụ phân tích cho các nhà hoạch định chính sách*, Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright 2012-2014, Paris.

[9] The World Bank (2007), *What Do We Know About School - Based Management?* Human Development Network, Washington, DC.

[10] UNESCO (2001), *Mô hình phân tích và dự báo giáo dục cho mọi người - Hướng dẫn lập kế hoạch giáo dục cho mọi người Đông và Đông Nam Á*, Văn phòng khu vực châu á Thái Bình Dương về Giáo dục.

[11] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, *Hiến pháp 1992, 2013* - Nhà xuất bản chính trị quốc gia.

[12] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, Luật Giáo dục 2005, 2010.

[13] Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2011), Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011-2020.

[14] Vũ Ngọc Hải, Đặng Bá Lãm, Trần Khánh Đức , Giáo dục Việt Nam-Đổi mới và phát triển hiện đại hoá. Nhà xuất bản Giáo dục. Hà Nội 2007.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- Thang điểm 10 (lấy đến 1 chữ số thập phân)

- Bài thi giữa kì (bài thi điều kiện): nghiên cứu sinh thực hiện 01 tiểu luận giữa kì, trọng số 0,4 (thực hiện tiểu luận giữa kì là điều kiện để thực hiện tiểu luận kết thúc học phần).

- Bài thi kết thúc học phần: nghiên cứu sinh thực hiện một tiểu luận kết thúc học phần, trọng số 0,6.

- Điểm của học phần/môn học: là điểm chung của 2 bài tiểu luận nêu trên.

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 11 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	Chủ nhiệm chuyên ngành	Giảng viên
PGS,TS. Phạm Minh Giản	**PGS,TS. Nguyễn Văn Đệ**	**TS. Phan Ngọc Thạch**

TRIẾT HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM

1. Thông tin về học phần

- Mã số học phần: TSQL 104
- Tên học phần: Triết học giáo dục Việt Nam
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết: 45 (20,20,60)

2. Bộ môn phụ trách

Giáo dục học

3. Mục tiêu học phần

Giúp nghiên cứu sinh nắm vững tri thức cơ bản về triết lý giáo dục, phương pháp luận tiếp cận các triết lý giáo dục và kỹ năng vận dụng trong thực tế.

4. Mô tả học phần

Trang bị bị cho người học những tri thức cơ bản về triết lý giáo dục của Việt Nam qua các thời kỳ và triết lý giáo dục của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, so sánh đối chiếu với triết lý giáo dục của một số nước phương Đông, phương Tây và khu vực.

5. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	Chương 1: Một số vấn đề chung về triết học giáo dục	[1,2,3,4]	
	1.5 Một số khái niệm cơ bản 1.6 Đối tượng nghiên cứu của triết học giáo dục 1.7 Các phạm trù cơ bản của triết học giáo dục 1.8 Phương pháp nghiên cứu triết học giáo dục		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp,

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
			diễn giảng, thuyết trình
	Chương 2: Triết học giáo dục phương Đông và phương Tây	[1,2]	
	2.1. Triết học giáo dục phương Đông		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	2.2. Triết học giáo dục phương Đông		
	2.3. Triết học giáo dục hiện đại ở Trung Quốc		
	2.4. Những vấn đề triết học giáo dục cần quan tâm trong thời đại ngày nay		
	Thảo luận: *Phát hiện những vấn đề cấp thiết và quan trọng cần giải quyết của nền giáo dục Việt Nam, từ đó xác định quan điểm tiếp cận cho giáo dục Việt Nam* *Viết tiểu luận liên quan đến luận án*		
	Chương 3: Triết lý giáo dục Việt Nam trong thời kỳ Phong Kiến	[2,4]	
	3.1. Triết học giáo dục thể hiện qua ca dao tục ngữ		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận
	3.2. Triết học giáo dục thể hiện qua hệ thống nhà trường		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	3.3. Triết học giáo dục thể hiện qua quan điểm của các nhà giáo dục.		nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	Thảo luận: *Giáo dục Việt Nam thời Phong Kiến*		
	Chương 4: Triết học giáo dục Việt Nam từ Cách mạng tháng 8 đến nay	[2,3,4,5]	
	4.1. Quan điểm, tư tưởng của Đảng, Nhà nước và Chủ tịch Hồ Chí Minh về giáo dục		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	4.2. Những vấn đề cơ bản của triết học giáo dục		
	4.3. Một số vấn đề cấp thiết của giáo dục Việt Nam		
	4.4. Nghị quyết đại hội XI về phát triển giáo dục Việt Nam trong thời kỳ hội nhập		
	Thảo luận: *Xác định những vấn đề cấp thiết của giáo dục Việt Nam và đề xuất giải pháp. Viết tiểu luận liên quan đến luận án* *Ôn tập và thi hết môn*		

6. Tài liệu tham khảo

1. Phan Trọng Báu (2006), Giáo dục Việt Nam thời cận đại, NXBGD.
2. Lương Vị Hùng (1997), Triết học giáo dục hiện đại, NXBGD Quảng Đông.

3. Phan Ngọc Liên (2002), Hồ Chí Minh với Giáo dục - Đào tạo, NXB Từ điển bách khoa.

4. Thái Duy Tuyên (2001), Giáo dục học hiện đại, NXB ĐHQGHN.

5. Thái Duy Tuyên (2007), Triết học giáo dục Việt Nam, NXBĐHSP.

7. Phương pháp đánh giá

7.1. Nhiệm vụ của học viên

Dự lớp ít nhất là 80% số tiết học trở lên, hoàn thành các bài tập và tiểu luận, tự học tối thiểu 60 tiết ở nhà.

7.2. Tiêu chí đánh giá

- Dự lớp của học viên.
- Tiểu luận và bài kiểm tra giữa học kỳ 60 phút.
- Thi cuối kỳ 120 phút.

7.3. Thang điểm đánh giá

- Thang điểm 10,0 (lấy đến 1 chữ số thập phân).
- Trọng số điểm đánh giá học phần:

+ Điểm 1: (02 bài kiểm tra; hoặc 1 bài kiểm ra, 1 bài tập, hoặc 1 bài tiểu luận), trọng số 0,4.

+ Điểm 2: bài thi hết môn, trọng số 0,6.

- Điểm học phần là tổng hợp của các điểm trên.

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 11 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	Chủ nhiệm chuyên ngành	Giảng viên
PGS,TS. Phạm Minh Giản	**PGS,TS. Nguyễn Văn Đệ**	**PGS,TS. Trần Quang Thái**

PHÁT TRIỂN, QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC HIỆN ĐẠI

1. Thông tin về học phần

- Mã số học phần: TSQL 105
- Tên học phần: Phát triển, quản lý chương trình giáo dục Việt Nam
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết: 45 (20,20,60)

2. Bộ môn phụ trách

Quản lý giáo dục

3. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về phát triển và quản lý chương trình Giáo dục - Đào tạo, cách thức phát triển chương trình Giáo dục - Đào tạo hiện nay, nhiệm vụ của giảng viên, giáo viên trong xây dựng và phát triển chương trình giáo dục.

4. Mục tiêu học phần

Trang bị bị cho người học những tri thức cơ bản về vấn đề phát triển, quản lý chương trình Giáo dục - Đào tạo. Hình thành kỹ năng cơ bản để phát triển nội dung, chương trình Giáo dục - Đào tạo.

5. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	Chương 1: Chương trình và các cách tiếp cận chương trình giáo dục	[1,2,3,4,6, 7]	
	1.1. Khái niệm về chương trình 1.2. Chương trình đào tạo	[1,2,3,4,5]	Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn
	1.1. Các cách tiếp cận phát triển chương trình 1.1.1. Tiếp cận nội dung 1.1.2. Tiếp cận mục tiêu		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	1.1.3. Tiếp cận phát triển 1.1.4. Tiếp cận hệ thống 1.1.5. Tiếp cận hành vi		đáp, diễn giảng, thuyết trình
	Thảo luận: *Đánh giá về các cách tiếp cận chương trình đào tạo.*		
	Chương 2: Phân loại chương trình đào tạo		
	2.1. Chương trình học phần 2.2. Chương trình mô đun	[1,2,3,4,5,6,7]	Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	2.3. Chương trình đào tạo theo năng lực thực hiện và phát triển chương trình theo chuẩn nghề nghiệp		
	Thảo luận: *Mối quan hệ giữa chuẩn nghề nghiệp, chuẩn đầu ra với thiết kế chương trình giáo dục*		
	Chương 3: Quy trình xây dựng chương trình đào tạo	[1,2,3,4,5,6,7]	
	3.1. Phân tích bối cảnh và nhu cầu đào tạo 3.2. Xác định mục tiêu đào tạo		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng,
	3.3. Xây dựng cấu trúc chương trình 3.4. Xác định nội dung đào tạo 3.5. Hướng dẫn thực hiện chương trình 3.6. Thử nghiệm và đánh giá chương trình		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	Ôn tập, kiểm tra		thuyết trình
	Chương 4: Phát triển chương trình đào tạo liên thông theo học chế tín chỉ các môn khoa học Giáo dục ở đại học	[1,2,3,4,5, 6,7]	
	4.1. Mô hình liên thông 4.2. Liên thông và các loại chương trình liên thông 4.2.1. Khái niệm về liên thông 4.2.2. Các loại hình liên thông 4.2.3. Các kiểu chương trình liên thông - Kiểu chuyển tiếp, kế tiếp - Kiểu tích hợp - Kiểu đồng tâm		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	Thảo luận: *Phân biệt các kiểu chương trình liên thông*		
	Chương 5: Kinh nghiệm quốc tế về phát triển nội dung và chương trình giáo dục	[1,2,3,4,5]	
	5.1. Sự cần thiết phải cải cách chương trình giáo dục 5.2. Phát triển cơ sở lý luận về chương trình giáo dục 5.3. Mục tiêu của cải cách chương trình giáo dục		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	5.4. Đặc điểm của cải cách chương trình giáo dục 5.5. Thời lượng thực hiện chương trình giáo dục 5.6. Chuẩn chương trình giáo dục 5.7. Sự vận động cải cách chương trình giáo dục ở các nước đang phát triển		đáp, diễn giảng, thuyết trình
	Thảo luận: *Quan điểm về phát triển chương trình đào tạo của các nước hiện nay.*		
	Chương 6: Phát triển chương trình và tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ trong giáo dục đại học	[1,2,3,4,5, 6,7]	
	6.1. Chủ trương của Đảng, Nhà nước và của ngành Giáo dục và Đào tạo 6.2. Sự hình thành và phát triển của hệ thống đào tạo theo tín chỉ		Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, diễn giảng, thuyết trình
	6.3. Khái niệm tín chỉ và các đặc trưng 6.3.1. Khái niệm 6.3.2. Đặc điểm của chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ		
	6.4. Phương pháp và tổ chức dạy học theo học chế tín chỉ 6.4.1. Đề cương học phần 6.4.2. Phương pháp dạy học 6.4.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá		
	6.5. Ưu, nhược điểm của học chế tín chỉ		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học
	6.6. Tổ chức và quản lý đào tạo trong học chế tín chỉ 6.7. Những khó khăn và điều kiện tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ ở Việt Nam		
	Thảo luận: *Khác biệt giữa chương trình đào tạo theo niên chế và chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ* Ôn tập và thi hết môn		

6. Tài liệu tham khảo

1. Lê Đức Ngọc (200?), Xây dựng chương trình Giáo dục - Đào tạo và giảng dạy, NXB Đại học Quốc Gia HN.

2. Phạm Văn Lập (1998), Phát triển chương trình đào tạo - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, NXB Hà Nội.

3. Lưu Xuân Mới (2000), Chương trình đào tạo và cách tiếp cận trong xây dựng chương trình đào tạo, NXB HN.

4. Đặng Thành Hưng (2004), Dạy học hiện đại lý luận biện pháp kỹ thuật, NXB Đại học Quốc Gia.

5. Bộ Giáo dục - Đào tạo (2011), Hướng dẫn đánh giá chương trình đào tạo, NXBGD.

6. Nguyễn Hữu Châu (2006), Quá trình dạy học và chương trình dạy học, NXBGD.

7. Bộ Giáo dục - Đào tạo (2010), Đổi mới giáo dục đại học và quản lý giáo dục, NXBGD.

7. Phương pháp đánh giá

7.1. Nhiệm vụ của học viên

Dự lớp ít nhất là 80% số tiết học trở lên, hoàn thành các bài tập và tiểu luận, tự học tối thiểu 60 tiết ở nhà.

7.2. Tiêu chí đánh giá

- Dự lớp của học viên
- Tiểu luận và bài kiểm tra giữa học kỳ 60 phút
- Thi cuối kỳ 120 phút

7.3. Thang điểm đánh giá

- Thang điểm 10,0 (lấy đến 1 chữ số thập phân).
- Trọng số điểm đánh giá học phần:

+ Điểm 1: (2 bài kiểm tra; hoặc 1 bài kiểm ra, 1 bài tập, hoặc 1 bài tiểu luận), trọng số 0,4.

+ Điểm 2: bài thi hết môn, trọng số 0,6.

- Điểm học phần là tổng hợp của các điểm trên.

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 11 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	Chủ nhiệm chuyên ngành	Giảng viên
PGS,TS. Phạm Minh Giản	**PGS,TS. Nguyễn Văn Đệ**	**PGS,TS. Nguyễn Dương Hoàng**

TẠO ĐỘNG LỰC LÀM VIỆC TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO

1. Thông tin về học phần

- Mã học phần: TSQL 106
- Tên học phần: Tạo động lực làm việc trong cơ sở giáo, đào tạo
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết: 45 (30; 10; 5; 0)
- Điều kiện để học học phần: Không

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy

Bộ môn Quản lý giáo dục

3. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về động lực làm việc và tạo động lực làm việc, các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của người lao động; từ đó, phân tích các biện pháp tạo động lực làm việc cho cá nhân và tập thể trong cơ sở giáo dục và đào tạo.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về động lực làm việc và tạo động lực làm việc: các khái niệm; vai trò của động lực; tầm quan trọng của việc tạo động lực làm việc trong cơ sở giáo dục, đào tạo; các học thuyết tiêu biểu liên quan đến động lực làm việc; các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc; các biện pháp tạo động lực làm việc trong cơ sở giáo dục, đào tạo.

4.2. Về kỹ năng

Người học nhận diện được hệ thống nhu cầu của cá nhân và các yếu tố khác ảnh hưởng đến động lực làm việc của họ; biết xác định các biểu hiện động lực làm việc của cá nhân; xác định được hệ thống biện pháp tạo động lực làm việc tại đơn vị đang công tác.

4.3. Về thái độ

Hình thành ở người học thái độ tôn trọng và nghiêm túc nhìn nhận, đánh giá các nhu cầu của người lao động và các yếu tố khác ảnh hưởng đến động lực làm việc, chủ động xây dựng hệ thống biện pháp tạo động lực làm việc tại đơn vị đang công tác.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ ĐỘNG LỰC LÀM VIỆC VÀ TẠO ĐỘNG LỰC LÀM VIỆC TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	5	Thuyết giảng, đặt vấn đề, vấn đáp, thảo luận.
1.1. Động lực làm việc		
1.1.1. Khái niệm động lực làm việc		
1.1.2. Vai trò của động lực làm việc		
1.1.3. Các loại động lực làm việc		
1.2. Tạo động lực làm việc		
1.2.1. Khái niệm tạo động lực làm viêc		
1.2.2. Sự cần thiết phải tạo động lực làm việc		
CHƯƠNG 2: CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỘNG LỰC LÀM VIỆC TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	20	Đặt vấn đề, nghiên cứu tài liệu, vấn đáp, thảo luận, xử lý tình huống, thuyết trình
2.1. Một số học thuyết liên quan đến các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc		
2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm viêc		
2.2.1. Các yếu tố thuộc về cá nhân		
2.2.2. Các yếu tố thuộc về công việc		
2.2.3. Các yếu tố thuộc về cơ sở GD, ĐT		
2.2.4. Các yếu tố xã hội và gia đình		
CHƯƠNG 3: TẠO ĐỘNG LỰC LÀM VIỆC CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	20	Đặt vấn đề, nghiên cứu tài liệu, vấn đáp, thảo luận, xử lý tình huống, thuyết trình
3.1. Vai trò của người lãnh đạo cơ sở GD, ĐT trong tạo động lực làm việc		

3.2. Các biện pháp tạo động lực làm việc		
3.3. Quy trình tạo động lực làm việc		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Thị Thúy Dung (2015), *Tâm lý học Quản lý, lãnh đạo,* NXB Giáo dục, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Nguyễn Thị Hồng Hải, Nguyễn Thị Thanh Thủy (2014), *Động lực và tạo động lực làm việc cho giáo viên và nhân viên ở trường trung học phổ thông,* (Dự án phát triển giáo dục trung học phổ thông giai đoạn 2 - Bộ Giáo dục và Đào tạo), NXB Giáo dục, Hà Nội.

3. Nguyễn Văn Lượt (2011), "Các biện pháp tạo động lực giảng dạy cho giáo viên mầm non", *Tạp chí Giáo dục*, số 259, kì 1, tháng 4.

6.2. Tài liệu khác

1. Nguyễn Vân Điềm, Nguyễn Ngọc Quân (2012), *Giáo trình Quản trị nhân lực*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân.

2. Trần Kiểm (2014), *Những vấn đề cơ bản của khoa học Quản lý giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

3. Nguyễn Lộc (2010), *Lý luận về quản lý*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

4. Bùi Anh Tuấn (2009), *Giáo trình Hành vi tổ chức*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- Thang điểm 10 (lấy đến 1 chữ số thập phân)

- Bài thi giữa kì (bài thi điều kiện): nghiên cứu sinh thực hiện 01 tiểu luận giữa kì, trọng số 0,4 (thực hiện tiểu luận giữa kì là điều kiện để thực hiện tiểu luận kết thúc học phần).

- Bài thi kết thúc học phần: nghiên cứu sinh thực hiện một tiểu luận kết thúc học phần, trọng số 0,6.

- Điểm của học phần/môn học: là điểm chung của 2 bài tiểu luận nêu trên.

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 11 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	Chủ nhiệm chuyên ngành	Giảng viên
PGS,TS. Phạm Minh Giản	**PGS,TS. Nguyễn Văn Đệ**	**TS. Đỗ Minh Hùng**

LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ VÀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

1. Thông tin về học phần

- Mã số học phần: TSQL 107
- Tên học phần: Lý luận về quản lý và quản lý giáo dục
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết: 45 (30,30,90)

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy

Quản lý giáo dục

3. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về khoa học quản lý đại cương, quản lý giáo dục và quản lý nhà trường và những thông tin và hệ thống thông tin quản lý giáo dục.

4. Mục tiêu học phần

Trang bị cho người học những tri thức cơ bản về quản lý và quản lý giáo dục, hình thành và phát triển các kỹ năng và phẩm chất của người cán bộ quản lý nói chung và cán bộ quản lý giáo dục nói riêng.

5. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Ghi chú
	Chương 1: Đại cương về quản lý	[1,2,3,4,5,6]	
	1.1. Khái niệm quản lý		
	1.2. Khái niệm quản trị và các chức năng quản trị		
	1.3. Các chức năng cơ bản của quản lý		
	1.4. Các phương pháp quản lý		
	1.5. Tổ chức và quản lý tổ chức 1.5.1. Khái niệm tổ chức 1.5.2. Các đặc trưng của tổ chức 1.5.3. Cơ cấu nhân sự quản lý trong một tổ chức		
	Chương 2: Giáo dục và quản lý giáo dục	[1,2,3,4,5,6]	

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Ghi chú
	2.1. Khái niệm giáo dục		
	2.2. Quản lý giáo dục		
	2.3. Các mô hình lý thuyết về quản lý giáo dục 2.3.1. Các mô hình chính thức 2.3.2. Mô hình tập thể 2.3.3. Mô hình chính trị 2.3.4. Mô hình chủ quan 2.3.5. Mô hình mập mờ 2.3.6. Mô hình văn hóa 2.3.7. So sánh các mô hình 2.3.8. Áp dụng các mô hình lý thuyết vào quản lý giáo dục		
	Ôn tập và viết tiểu luận		
	Chương 3: Quản lý Nhà nước về giáo dục	[1,2,3,4,5,6]	
	3.1. Nhà nước		
	3.2. Quản lý Nhà nước		
	3.3. Quản lý Nhà nước về giáo dục		
	3.4. Các công cụ quản lý nhà nước về giáo dục		
	3.5. Quản lý nhà nước về giáo dục Màm non 3.6. Quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông 3.7. Quản lý Nhà nước về dạy nghề 3.8. Quản lý Nhà nước về giáo dục CĐ, Đại học		
	Ôn tập và viết tiểu luận		
	Chương 4: Quản lý nhà trường	[1,2,3,4,5,6]	
	4.1. Chức năng, nhiệm vụ của nhà trường		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	Ghi chú
	4.2. Các nội dung quản lý nhà trường		
	4.3. Quản lý nhà trường theo quan điểm tiếp cận hiện đại		
	4.4. Vai trò của Hiệu trưởng trong quản lý nhà trường		
	Ôn tập và kiểm tra		

6. Tài liệu tham khảo

1. Trần Kiểm (2007), Những vấn đề cơ bản về quản lý giáo dục, NXB Giáo dục.

2. Trần Khánh Đức (2010), Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI, NXBGDVN.

3. Đặng Thành Hưng (2006), Dạy học hiện đại lý luận biện pháp kỹ thuật, NXB Đại học Quốc Gia.

4. Subir Chowdhuy (2009), Quản lý trong thế kỷ XXI, NXB GD.

5. Nguyễn Đức (2002), Đổi mới quản lý giáo dục, NXB GD.

6. Học viện QLGD (2007), Giáo dục đại học Việt Nam và vấn đề hội nhập WTO, Học viện QLGD.

7. Phương pháp đánh giá

7.1. Nhiệm vụ của học viên

Dự lớp ít nhất là 80% số tiết học trở lên, hoàn thành các bài tập và tiểu luận, tự học tối thiểu 60 tiết ở nhà.

7.2. Tiêu chí đánh giá

- Dự lớp của học viên
- Tiểu luận và bài kiểm tra giữa học kỳ 60 phút
- Thi cuối kỳ 120 phút

7.3. Thang điểm đánh giá

- Thang điểm 10,0 (lấy đến 1 chữ số thập phân).
- Trọng số điểm đánh giá học phần:

+ Điểm 1: (2 bài kiểm tra; hoặc 1 bài kiểm ra, 1 bài tập, hoặc 1 bài tiểu luận), trọng số 0,4

+ Điểm 2: bài thi hết môn, trọng số 0,6

- Điểm học phần là tổng hợp của các điểm trên.

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 11 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	Chủ nhiệm chuyên ngành	Giảng viên
	PGS,TS. Nguyễn Văn Đệ	PGS,TS. Phạm Minh Giản

TẦM NHÌN VÀ NĂNG LỰC CỦA NHÀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

1. Thông tin về học phần

- Mã học phần: TSQL 108
- Tên học phần: Tầm nhìn và năng lực của nhà quản lý giáo dục
- Số tín chỉ: **03**
- Số tiết: **45** (30, 15, 90)

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy

Bộ môn Quản lý giáo dục

3. Mô tả học phần

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản và có hệ thống về: Tầm nhìn và những năng lực cốt lõi của nhà quản lý giáo dục theo tiếp cận hiện đại. Học phần có tầm quan trọng đặc biệt vì năng lực lãnh đạo và quản lý sẽ quyết định thành công trong đổi mới, nâng chất lượng giáo dục.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

Trình bày thể hiện sự hiểu về khái niệm, vai trò và tầm quan trọng của tầm nhìn và năng lực của nhà quản lý trong giáo dục.

4.2. Về kỹ năng

- Thu thập được thông tin thực tiễn của các nhà quản lý giáo dục các cấp học, bậc học về việc xác lập tầm nhìn và năng lực quản lý.
- Phân tích, đánh giá thực tiễn dựa trên những kiến thức khoa học của học phần.
- Xây dựng được tầm nhìn cho bản thân, đơn vị.

4.3. Về thái độ

Ý thức tầm quan trọng việc xác lập tầm nhìn, trang bị và bồi dưỡng những năng lực cần thiết của một nhà lãnh đạo cơ sở giáo dục.

5. Nội dung chương trình

Nội dung	Tài liệu	Ghi chú
Chương 1. Lý luận về quản lý và lãnh đạo 1.1. Khái quát về quản lý và lãnh đạo 1.2. Hình ảnh nhà lãnh đạo hiện đại	[1], [2], [3]	

1.2.1. Phẩm chất của nhà lãnh đạo hiện đại 1.2.2. Yêu cầu đối với nhà lãnh đạo hiện đại 1.3. So sánh lãnh đạo và quản lý		
Chương 2. Phẩm chất của Nhà quản lý giáo dục 2.1. Tầm nhìn 2.1.1. Tầm nhìn của nhà lãnh đạo 2.1.2. Tầm nhìn của nhà trường, cơ sở giáo dục 2.2. Tạo ra sự thay đổi tích cực 2.3. Nhìn thấy được vấn đề và hoàn thiện kỹ năng lãnh đạo thông qua giải quyết vấn đề 2.4. Coi việc phát triển con người là yếu tố quyết định sự thành công của tổ chức	[2], [3]	
Chương 3. Năng lực của nhà quản lý giáo dục 3.1. Năng lực nói chung 3.2. Năng lực của nhà quản lý giáo dục 3.3. Bồi dưỡng năng lực của nhà quản lý giáo dục	[2], [3]	

6. Tài liệu tham khảo

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2005), *Những xu thế quản lý hiện đại vận dụng vào quản lý giáo dục*, Khoa Sư Phạm, Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2] Trần Kiểm (2016), *Quản lý và lãnh đạo nhà trường hiệu quả (Tiếp cận năng lực)*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm.

[3] Đặng Xuân Hải (2002), *Nhận diện khái niệm lãnh đạo và quản lý trong quản lý trường học, phát triển giáo dục*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2004), *Đại cương về khoa học quản lý*, Giáo trình dành cho các khoa đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục, Hà Nội.

[2]. Trần Khánh Đức (2014), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[3] Trần Khánh Đức, Nguyễn Mạnh Hùng (2012), *Giáo dục đại học và quản trị đại học*, Nhà xuất bản ĐHQG Hà Nội.

[4] Nguyễn Thị Mỹ Lộc (chủ biên), Đăng Quốc Bảo, Nguyễn Trọng Hậu, Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Sỹ Thư, "*Quản lý giáo dục - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*", Nhà xuất bản ĐHQG Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá

- Thang điểm 10,0 (lấy đến 1 chữ số thập phân).

- Trọng số điểm đánh giá học phần:

+ Điểm 1: (2 bài kiểm tra; hoặc 1 bài kiểm ra, 1 bài tập, hoặc 1 bài tiểu luận), trọng số 0,4

+ Điểm 2: bài thi hết môn, trọng số 0,6

- Điểm học phần là tổng hợp của các điểm trên.

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 11 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	Chủ nhiệm chuyên ngành	Giảng viên
PGS,TS. Phạm Minh Giản	**PGS,TS. Nguyễn Văn Đệ**	**TS. Phạm Hữu Ngãi**

THỐNG KÊ ỨNG DỤNG TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC QUẢN LÝ GIÁO DỤC

1. Thông tin học phần

- Mã số học phần: TSQL 109

- Tên học phần: Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục

- Số tín chỉ: 03 (3,0)

- Số tiết: 45

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy

Toán ứng dụng

3. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho nghiên cứu sinh chuyên ngành Quản lý giáo dục những kiến thức quan trọng về thống kê ứng dụng, kỹ năng trình bày và xử lý số liệu trên phần mềm thống kê SPSS. Các kiến thức thu được từ học phần là công cụ để giải quyết một số bài toán về phân tích và xử lý số liệu thực nghiệm, phục vụ cho nhu cầu học tập, nghiên cứu và công việc thực tiễn liên quan đến chuyên ngành Quản lý giáo dục.

Vị trí của học phần trong CTĐT: Học phần bắt buộc

Điều kiện để học học phần: Không.

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Về kiến thức

Học viên nắm được những vấn đề cơ bản sau:

- Các phương pháp thống kê như thu thập, trình bày dữ liệu, ước lượng, kiểm định, phân tích hồi quy trong nghiên cứu khoa học giáo dục nói chung và quản lý giáo dục nói riêng;

- Thao tác thực hành tương ứng trên phần mềm thống kê SPSS.

4.2. Về kỹ năng

- Nhận dạng nhanh mô hình thống kê từ các vấn đề thực tế thuộc chuyên ngành để xử lý trên phần mềm thống kê SPSS;

- Có kỹ năng làm việc độc lập và kỹ năng phối hợp làm việc theo nhóm.

4.3. Về thái độ

Có thái độ học tập nghiêm túc, có ý thức tự học, chuẩn bị tốt nội dung thực hành theo sự phân công và định hướng của người dạy.

5. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Các thao tác cơ bản về dữ liệu

1.1. Tổng thể, mẫu và dữ liệu

1.2. Các phương pháp mã hóa và thang đo trong khoa học giáo dục

1.3. Thu thập và trình bày dữ liệu

1.4. Các đặc trưng về tính hướng tâm và độ phân tán

1.5. Thực hành trên phần mềm thống kê

Chương 2: Ước lượng và kiểm định giả thiết thống kê

2.1. Bài toán ước lượng điểm

2.2. Bài toán ước lượng khoảng

2.3. Kiểm định giả thiết thống kê

2.4. Phương pháp P-giá trị và ứng dụng

2.5. Thực hành trên phần mềm thống kê

Chương 3: Kiểm định phi tham số và phân tích phương sai

3.1. Tiêu chuẩn dấu và tiêu chuẩn hạng

3.2. Các ứng dụng của phép kiểm định Chi bình phương

3.3. Phân tích phương sai một nhân tố

3.4. Phân tích phương sai hai nhân tố

3.5. Thực hành trên phần mềm thống kê

Chương 4: Phân tích hồi quy

4.1. Tương quan tuyến tính

4.2. Mô hình hồi quy đơn

4.3. Mô hình hồi quy bội

4.4. Thực hành trên phần mềm thống kê

6. Tài liệu tham khảo

A. Tiếng Việt

[1] Đào Hữu Hồ (2008), *Giáo trình Thống kê xã hội học*, Nhà xuất bản Giáo dục.

[2] Đặng Hùng Thắng (2015), *Thống kê và ứng dụng*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[3] Dương Thiệu Tống (2012), *Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học giáo dục,* Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

[4] Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (tập 1,2)*, Nhà xuất bản Hồng Đức.

[5] Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2013), *Thống kê ứng dụng trong kinh tế - xã hội*, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội.

B. Tiếng Anh

[1] Panik, M. (2005), *Advanced statistics from an elementary point of view*, Elsevier Academic Press.

[2] Stephens, L. J. (2004), *Advanced statistics demystified*, McGraw-Hill.

[3] Stevens, J. P. (2016), *Applied Multivariate Statistics for the Social Sciences* (Sixth Edition), Taylor & Francis.

7. Phương pháp đánh giá

- Thang điểm 10 (lấy đến 1 chữ số thập phân)

- Bài thi giữa kì (bài thi điều kiện): nghiên cứu sinh thực hiện 01 tiểu luận giữa kì, trọng số 0,4 (thực hiện tiểu luận giữa kì là điều kiện để thực hiện tiểu luận kết thúc học phần).

- Bài thi kết thúc học phần: nghiên cứu sinh thực hiện một tiểu luận kết thúc học phần, trọng số 0,6.

- Điểm của học phần/môn học: là điểm chung của 2 bài tiểu luận nêu trên.

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 11 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	Chủ nhiệm chuyên ngành	Giảng viên
PGS,TS. Phạm Minh Giản	**PGS,TS. Nguyễn Văn Đệ**	**TS. Đỗ Văn Hùng**

Trường Đại học Đồng Tháp kính trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét và phê duyệt Đề án đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Đồng Tháp đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục, mã số: 9.14.01.14

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lãnh đạo Trường;
- Lưu: VT, ĐTSĐH (Nam).

(Đã ký)

Nguyễn Văn Đệ